

Thiên Cổ Anh Hùng

Hán Vũ Đế

*Nguồn: **ntdvn.net** / Dịch từ: **epochtimes.com***

2024

MỤC LỤC

Chương 1: Quân vương anh minh, đương triều thịnh thế

Đế lăng đồ sộ uy nghi	2
Dị tượng trước lúc chào đời	6
Chuyện phế, lập đầy sóng gió	9
Cậu bé thiên tài	12

Chương 2: Tuổi trẻ của Hán Vũ Đế

Thiên Nhân Tam Sách	18
Chính sách mới bị cản trở	22
Bối cảnh thời sơ Hán	25
Khai thông Tây Nam	28

Chương 3: Tôn Nho, mở trường học, tuyển Bách gia

Bác sĩ ngũ kinh	33
Hoàn thiện Thái học	37
Tuyển chọn Bách gia	41
Sưu tập thư tịch	43

Chương 4: Sử dụng hiền tài, không xem xuất xứ

Thời Sơ Hán tuyển quan	48
Chỉ đề cử hiền tài	51
Quan lộ rộng mở	55
Không câu nệ cứng nhắc	58

Chương 5: Trấn định biên cương, tấn công Hung Nô

Họa Hung Nô	62
Đêm trước đại chiến	65

Bộ lộ tài năng	69
Thu phục Hà Nam	72

Chương 6: Hoạch định sách lược – Đại chiến Hung Nô

Hai lần xuất quân Định Tương	76
Trận chiến Hà Tây	79
Trận chiến Mạc Bắc	83
Tô Vũ chặn dê	86

Chương 7: Bảo vệ con đường tơ lụa

Lần đầu đến Tây Vực	91
Trương Khiên mở đường	94
Thi ân và thị uy	97
Chinh phạt Đại Uyên	100

Chương 8: Thống nhất Hoa Hạ - Uy chấn tứ Di

Thống nhất hai nước Việt	104
Mở rộng tây nam	109
Bình định Triều Tiên	114

Chương 9: Chế độ sáng rõ - Vương Bá đều dùng

Suy ân lệnh	118
Hạn chế quyền thừa tướng, thiết lập nội triều	122
Chế độ giám sát	125
Ước chế cường hào	128

Chương 10: Hội tụ tài tử - Kiệt tác truyền đời

Đại phú tung hoành	132
Thơ ca Nhạc phủ	135
Văn phong rực sáng	138
Ông tổ của chính sử	142

Chương 11: Thừa Thiên mệnh - Tám lần phong thiện Thái Sơn

Công tích Hán Vũ Đế	146
Đêm trước phong thiện	149
Tế tự đại điển	153
Thành tâm gặp Tiên	156

Chương 12: Hạ chiếu tự trách tội - Thương xót bách tính

Biện pháp hưng lợi	161
Án Vu cổ	164
Nỗi đau mất con	168
Luân Đài chiếu lệnh	172

Chương 1: Quân vương anh minh, đương triều thịnh thế

Nền văn minh Trung Hoa 5000 năm mênh mông, Đế quốc nhà Hán cường thịnh 400 năm. Tên triều Hán là có từ thời Hoàng đế khai quốc Hán Cao Tổ Lưu Bang, khi Sở Bá Vương Hạng Vũ phân phong 18 lộ chư hầu đã ban cho Lưu Bang danh hiệu Hán Vương. Nhưng thực sự để triều Hán trở thành Đế quốc mang tầm vóc thế giới thì lại là nhờ một vị đế vương vĩ đại hùng tài đại lược khác: Hán Vũ Đế...

Hán Vũ Đế thừa Thiên mệnh giáng hạ nhân gian, kế thừa đại nghiệp của 6 đời tiên vương, sáng tạo ra thời thịnh thế cổ kim hiếm có. Ông đổi nội tu lễ nhạc, thay đổi sáng tạo, xây dựng chế độ rạch rỡ mà các đời sau đều noi theo. Về đối ngoại, ông mở mang bờ cõi, đồng thời thi hành ân đức và uy vũ, thành tựu võ công hiển hách rạch rỡ ngàn năm. Ông làm lễ tế Phong thiện Trời đất, liên tiếp thấy điềm lành, trở thành thiên tử triều Đại Hán công tích vượt trăm vua. Ông chính là thiên cổ nhất đế (vị đế vương vĩ đại nhất), cùng Tần Thủy Hoàng được xưng tụng là “Tần Hoàng Hán Vũ”, cùng Đường Thái Tông khai mở ra thời kỳ “Hán Đường Thịnh Thế” (Thời thịnh vượng nhà Đường và nhà Hán.)

Hơn 2000 năm đã trôi qua, các triều đại nối tiếp nhau lên xuống giống như thủy triều. Hán Vũ Đế cũng đã ly thế nhiều năm, nhưng những sự tích và truyền thuyết về ông vẫn luôn được hậu thế truyền tụng. Chúng ta không có duyên phận được sống ở triều đại của ông,

nhưng vẫn có thể ở trên mảnh đất lịch sử lâu đời này, hồi tưởng về sự oai nghiêm hào hùng và những thành tựu bất hủ thời xưa của ông.



Mộ Lăng của Hán Vũ Đế (Acstar/Wikimedia Commons)

Đế lăng đồ sộ uy nghi

Trên vùng đất Thần Châu cổ xưa, có một cố đô của 13 triều đại danh tiếng lẫy lừng - Tây An. Nơi đây đã chứng kiến lịch sử huy hoàng của các vương triều hiển hách như nhà Chu, Tần, Hán, Đường, và trải qua thời kỳ vàng son nhất của văn minh Trung Hoa hơn ngàn năm. Đây là một thành cổ của văn hóa lịch sử, cũng là thành phố mai táng nhiều bậc đế vương cổ đại nhất.

Cách nội thị Tây An vài chục cây số là Hàm Dương Nguyên, nằm ở bờ bắc của sông Vị (hay còn gọi là Vị Hà), có một mảnh đất quý có phong thủy tuyệt đẹp. Đây là nơi yên nghỉ của chín vị Hoàng đế của vương triều Tây Hán. Lúc còn tại vị, họ đều cho đào huyệt xây mộ phần của mình tại mảnh đất bằng phẳng này. Nơi đây vẫn còn đủ chín lăng viên, chúng được bố trí thành một hàng, tạo nên một quần thể lăng viên hoàng gia hùng vĩ, đồ sộ, khí thế hào hùng, và được ví von là “Quần thể kim tự tháp của Trung Quốc.”

Trong đó, ở gần lăng viên của năm vị hoàng đế đã thiết lập nên các huyện ấp, nên Hàm Dương Nguyên còn được gọi là “Ngũ Lăng Nguyên”. Quần thể kiến trúc lăng viên để vương đồ sộ nguy nga này đã và đang lặng lẽ biểu dương sự vinh diệu và tôn nghiêm dưới thời trị vì của các bậc đế vương thiên cổ, cùng sự phồn hoa tráng lệ của một đại vương triều thống nhất. Cảnh tượng này khiến người ta không thể không hình dung rằng thời đại nhà Hán những năm đó, nhất định đã phồn vinh thịnh vượng gấp trăm ngàn lần.

Mạn tây của Ngũ Lăng Nguyên có một lăng viên ở vị trí trung tâm và nổi bật nhất. Thoạt nhìn, tưởng chừng nó không có gì khác biệt so với tám lăng viên còn lại, nhưng trên thực tế nó lại có phong cách độc đáo riêng. Đây là tòa lăng viên có kích thước lớn nhất và cao nhất trong các lăng viên của các vương đế nhà Hán. Nó cũng có thời gian xây dựng dài nhất, tiêu hao nhiều tài vật nhất, đồ tùy táng (đồ vật chôn theo người chết) cũng nhiều nhất. Lăng viên có chiều dài 9,5 km hướng từ đông sang tây, bề rộng ước chừng 7 km hướng từ nam chí bắc. Ở phía nam của của lăng mộ sừng sững

một tấm bia đá có khắc dòng chữ “*Hán Hiếu Vũ Đế Mậu Lăng*” (Lăng mộ của Hán Hiếu Vũ Đế). Sáu chữ cỡ lớn này được viết theo kiểu chữ cổ cứng cáp. Đây chính là lăng viên của Hán Vũ Đế, và được gọi là Mậu Lăng.

Trong lăng viên Mậu Lăng, lăng mộ của Vũ Đế nổi bật ở vị trí trung tâm, bao quanh là 400 ngôi mộ nhỏ hình chữ nhật, được bố trí rải rác tạo nên một kết cấu phóng xạ “*chúng tinh phủng nguyệt*” (những vì sao bao quanh mặt trăng), tượng trưng cho bối cảnh bốn bể rộng lớn quy thuận dưới vương triều Đại Hán thành một thể thống nhất. Trong “*Tân Đường Thư*” có ghi: “*Vũ Đế lịch niên trường cửu, bĩ táng, phương (lăng) trung bất phục dung vật.*” Tức là: lúc hạ táng Hán Vũ Đế, những vật phẩm chôn theo ông nhiều đến mức lăng tẩm không thể chứa hết. Điều này cũng đủ để hình dung tòa cung điện dưới lòng đất này tráng lệ đến mức nào.

Ngoài ra, ở gần Mậu Lăng còn có hai ngôi mộ bồi táng chôn cất hai danh tướng thời Tây Hán là Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh. Càng đặc biệt hơn là các ngôi mộ có tạo hình khác nhau, mô phỏng theo hình dáng của Kỳ Liên Sơn và Âm Sơn, nhằm hiển dương những chiến công huy hoàng của chủ nhân chúng lúc sinh thời; đồng thời, thể hiện rằng những tướng lĩnh này vẫn đang ở sau lưng để phò tá vị quân vương vĩ đại của mình. Ngôi mộ to nhất trong số mộ bồi táng là của Lý phu nhân. Bà chính là tuyệt đại giai nhân có vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành từng được ca tụng trong thi ca, cũng là phi tử mà Hán Vũ Đế sủng ái nhất khi còn sống. Nhưng điểm kỳ lạ là không tìm thấy di chỉ mộ phần của Hoàng hậu, Lý phu nhân cũng là sau khi quy tiên mới được truy phong ngôi vị Hoàng hậu.

Đế lăng (lăng mộ của các Hoàng đế) thường được xây dựng ngay từ khi Hoàng đế vừa đăng cơ cho đến lúc băng hà. Hình dáng, cấu tạo, quy cách, của nó phản ánh ra lý niệm, công trạng và chiến tích một đời của bậc đế vương đó khi còn chấp chính. Hán Vũ Đế tại vị 54 năm, trong thời gian trị vì, ông đã nắm trong tay một phần tư Tây Hán, và còn có hùng tài đại lược hiếm có xưa nay, sáng lập nên một thời đại giàu mạnh hưng thịnh. Thế nhưng, tại sao sau lưng ông lại không có một vị Hoàng hậu bầu bạn? Một thời đại đế vương có sự nghiệp vĩ đại ngàn đời, một thời đại huyền thoại và hoàng kim trong lịch sử, rốt cuộc còn có bao nhiêu chuyện xưa hùng tráng ly kỳ, kinh tâm động phách đang chưa được vén màn, và còn có bao nhiêu sự thần bí và nuối tiếc? Hết thấy những điều này đều nên bắt đầu giảng từ thân thể của Hán Vũ Đế.



Ngọc Trư Long (heo và rồng), thời kỳ đồ đá mới ở vùng Đông Bắc Trung Quốc, Văn hóa Hồng Sơn (3500-3000 năm trước Công nguyên). (Ảnh do Viện bảo tàng Guimet cung cấp)

Dị tượng trước lúc chào đời

Hán Vũ Đế Lưu Triệt, là vị Hoàng đế thứ bảy của Tây Hán. Trị vì trước ông có Hán Cao Tổ, Huệ Đế, hai vị Thiếu Đế, Văn Đế, đến phụ thân của ông là Hán Cảnh Đế. Thời thơ ấu và tuổi trẻ của Hán Vũ Đế chính là thời đại hoàng kim của “*Văn cảnh chi trị*” - thời kỳ sơ Hán (thời kỳ đầu của nhà Hán). Theo ghi chép trong “*Sử Ký*” và “*Hán Thư*”, Hán Vũ Đế xuất sinh vào năm mà phụ thân của ông là Hán Cảnh Đế đăng cơ. Tiểu thuyết chí quái “*Hán Vũ cổ sự*”, có nói chính xác rằng ông sinh vào sáng ngày mùng 7, tháng 7 năm Ất Dậu - tức rạng sáng của đêm Thất tịch ngày 7 tháng 7 Hoàng Lịch năm 156 [Trước Công nguyên]. Việc một hoàng đế mới đăng cơ là một sự kiện lớn, khắp chốn ăn mừng, một triều Thiên tử một triều thần, vương triều sẽ có sự đổi mới về phương diện làm lịch, chế độ, quân sự, văn hóa. Tại thời điểm Hoàng tử đản sinh, dường như cũng có những điềm lành báo trước vận mệnh cao quý của ngài. Trên thực tế, trước lúc Hán Vũ Đế chào đời, cũng đã có những câu chuyện truyền kỳ về ông.

Chính sử đều ghi, lúc Vương Mỹ Nhân - thân mẫu của Hán Vũ Đế mang thai, đã mộng thấy mặt trời rơi xuống bụng bà. Bà kể lại chuyện này với chồng mình là Hán Cảnh Đế (lúc ấy vẫn còn là Thái tử). Nghe xong, Hán Cảnh Đế liền cao hứng nói: “Đây là điềm báo hiển quý” (ý rằng con của họ sau này sẽ là người có ngôi vị cao). Kỳ thực, lai lịch của Vương Mỹ Nhân cũng rất ly kỳ. Tên thật của bà là Vương Chí, cũng được gọi là Vương Thù Nhi, còn Mỹ Nhân là phẩm cấp của bà ở chốn hậu cung. Mẫu thân của bà là Tang Nhi, là cháu gái của Tang Đồ,

ông được phong làm Yến Vương khi Hạng Vũ phong chư hầu. Vương Mỹ Nhân vốn là thê tử của một thường dân tên gọi Kim Vương Tôn. Bởi có người toán mệnh cho Vương Mỹ Nhân và em gái, nói rằng cả hai người đều sẽ giàu sang phú quý, nên Tang Nhi bèn đề nghị Vương Mỹ Nhân và Kim Vương Tôn ly hôn, nhằm để bề kết giao với những gia đình có quyền thế. Kim gia đương nhiên tức giận không muốn để Vương Thù Nhi đi, nên Tang Nhi đã nghĩ cách mau chóng tiếp cận phú quý, liền đưa con gái trực tiếp tiến cung, trở thành thiếp của Thái tử.



Wang Myi Ren. (Ảnh: baike.baidu.com)

May mắn thay, lúc đó Hán Cảnh Đế rất sủng ái Vương Mỹ Nhân, Vương Mỹ Nhân cũng sinh hạ cho ông ba nữ một nam, đứa trẻ này đã khiến bà ôm mộng, và đúng là sau này con trai bà đã trở thành Hán Vũ Đế. Những điềm lành xuất hiện trước sự ra đời của Hán Vũ Đế cũng được báo mộng cho Hán Cảnh Đế. Trong “*Hán Vũ Đế nội truyện*” có ghi, khi Vương Mỹ Nhân mang thai, Hán Cảnh Đế mộng thấy một con hồng trư (heo đỏ) sẫm màu từ trên những đụn mây hạ xuống, tiến thẳng vào trong Sùng Phương Các. Hán Cảnh Đế giật mình tỉnh giấc, vội

đến Sùng Phương Các xem sự thể thế nào, nhưng lại nhìn thấy một con xích long (rồng đỏ) khổng lồ cưỡi mây lướt gió, lượn qua lượn lại, không rời đi. Mây mù trên thân rồng còn che khuất cả cửa sổ cung điện, các phi tần cũng thấy các gian phòng phát ra hào quang sắc đỏ. Khi hào quang tắt đi, hiện ra một con xích long bay lượn trong cung. Thời cổ đại, heo là một loài động vật vô cùng tôn quý, được cho là hóa thân của rồng. Vào thời kỳ đồ đá mới, trong các văn vật được khai quật có một món đồ trang sức là một chiếc vòng ngọc khuyết hình chữ C có hình mình rồng đầu heo, được gọi với mỹ từ là “Hoa Hạ đệ nhất long” (con rồng số một của Hoa Hạ), và được xem là mẫu hình sớm nhất của rồng.

Chứng kiến điềm lành từ Thiên thượng hiển uy như vậy, Hán Cảnh Đế vội vàng đến thỉnh giáo Diêu Ông, một người tinh thông toán mệnh. Diêu Ông nói: *“Đây là điềm báo đại cát đại lợi, dự triệu trong Sùng Phương Các nhất định sẽ xuất sinh một người nắm giữ vận mệnh quốc gia. Người này tương lai sẽ bình định các dị tộc như dân tộc Di, Địch ở phương Bắc, khiến vận nước hưng vượng, trở thành một vị minh chủ trong thời kỳ hưng thịnh của vương triều Lưu Thi.”* Bởi vậy, Hán Cảnh Đế đã đổi tên Sùng Phương Các thành Y Lan Điện, để Vương Mỹ Nhân vào ở. Vương Mỹ Nhân mang thai mười bốn tháng mới hạ sinh Hán Vũ Đế ở trong điện.

“Hán Vũ cố sự” còn ghi, Hán Cảnh Đế mơ thấy Hán Cao Tổ báo mộng. Hán Cao Tổ Lưu Bang nói với ông: *“Đứa trẻ do Vương Mỹ Nhân sinh hạ, có thể lấy tên là ‘Trệ’ (heo)”. Tên của Hán Vũ Đế hồi nhỏ trước bảy tuổi là “Trệ”, có lẽ chính là xuất phát từ hai giấc mơ này của Hán Cảnh Đế.*

Vị tiểu Hoàng tử gắn với nhiều điềm lành này, mới lên bốn đã được phong làm Giao Đông Vương, bảy tuổi được sắc lập làm Thái tử, mười sáu tuổi chính thức lên ngôi Hoàng đế, trở thành Thiên tử trẻ tuổi nhất. Vương Mỹ Nhân cũng đã ấn chứng cho lời nói của thầy toán mệnh, sau đó lần lượt lên làm Hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, rồi Thái hậu. Thoạt nhìn, những năm đầu đời của Hán Vũ Đế vô cùng thông thuận, nhưng trên thực tế, ban đầu ngôi vị Hoàng đế dường như là vô duyên với ông, vậy rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra?

Chuyện phé, lập đây sóng gió

Từ thời Tây Chu, Chu Công chế Lễ tác Nhạc cho đến nay, các đế vương cổ đại thường xác lập quy tắc “đích trưởng tử”, theo đó: con trai trưởng được coi là chính thất thừa kế, ngai vàng là do con trưởng, tức là con trai lớn nhất của Hoàng hậu kế thừa. Nếu như chính thất không có con trai, thì mới lập con của phi tần có thân phận tôn quý nhất lên ngôi. Trong “*Công Dương Truyện*” cũng có nói: “*Lập đích dĩ trưởng bất dĩ hiền, lập tử dĩ quý bất dĩ trưởng*” (Tạm dịch: Lập người kế vị thì lập người con trưởng - nhiều tuổi, dù không phải là người hiền tài; lập con [thứ] thì lập người mẹ có địa vị cao quý hơn chứ không phải là người có tuổi đời lớn hơn).

Bạc Hoàng hậu của Hán Cảnh Đế không có con, vì vậy ngôi vị Thái tử sẽ dành cho một trong mười bốn vị thứ tử, là các con trai của sáu phi tần. Hán Vũ Đế xếp thứ mười, trước ông còn có chín anh trai, hơn nữa người anh Lưu Vinh của ông, là con trai của Lật Cơ, là phi tần mà Hán Cảnh Đế sủng ái nhất. Do đó, sau khi Hán Cảnh

Đế đăng cơ, liền lập Lưu Vinh làm Thái tử, phong Vũ Đế làm Giao Đông Vương.

Nhưng sự sắp đặt của số phận luôn đầy kịch tính. Chị gái của Hán Cảnh Đế là Công chúa Quán Đào có một người con gái tên Trần Thị, cũng chính là Trần A Kiều mà người đời sau nói tới trong truyền thuyết. Công chúa vì muốn gả con gái cho Thái tử, nên tìm cách lấy lòng Lật Cơ. Lật Cơ là người hay ghen tuông, nhưng công chúa Quán Đào lại luôn tiến cử những mỹ nữ trẻ trung cho Hán Cảnh Đế, và những người này sau đó đều được sủng ái. Bởi vậy Lật Cơ rất oán hận công chúa Quán Đào và một mực từ chối hôn sự.

Công chúa Quán Đào là viên minh châu của Đậu Thái hậu, hơn nữa lại có quan hệ vô cùng thân thiết với Hán Cảnh Đế, là người có ảnh hưởng rất lớn trong hậu cung. Thế nhưng Lật Cơ lòng dạ hẹp hòi, vì tư lợi mà đắc tội với Công chúa. Công chúa Quán Đào trong cơn nóng giận, đã trước mặt Hán Cảnh Đế nói lời không hay về Lật Cơ. Hán Cảnh Đế cũng vì vậy mà dần xa cách Lật Cơ. Ngoài ra, vì cầu thân không thành, nên Công chúa Quán Đào chuyển mục tiêu sang Vương Mỹ Nhân, và kết quả là Vương Mỹ Nhân liền nhanh chóng chấp thuận. Vận mệnh của Giao Đông Vương cũng từ đó mà dần biến chuyển.

Trong “*Hán Vũ Cổ Sự*” còn ghi chép một câu chuyện, rằng một ngày nọ Công chúa Quán Đào bế tiểu Lưu Triệt trên đùi và nói: “*Cháu có muốn lấy vợ không?*” Lưu Triệt đáp: “*Muốn ạ*”. Công chúa liền chỉ tay về phía hơn một trăm thị nữ và hỏi ý Lưu Triệt, nhưng Lưu Triệt đều không ưng thuận. Cuối cùng, Công chúa Quán Đào chỉ con gái mình hỏi: “*A Kiều thì sao?*” Lưu Triệt vừa

cười vừa nói: *“Thật tốt quá, nếu như có thể cưới được A Kiều, cháu sẽ xây một ngôi nhà bằng vàng cho nàng ở”*. Đây chính là nguồn gốc của câu thành ngữ *“Kim ốc tàng Kiều”*.

Công chúa Quán Đào nghe xong mừng rỡ khôn xiết, rồi lên đề nghị Hán Cảnh Đế chỉ định hôn sự cho hai người, hơn nữa còn khen ngợi tài năng và đức độ của Lưu Triệt trước mặt Hán Cảnh Đế. Tâm ý của Hán Cảnh Đế cũng dần ngả về phía Lưu Triệt và Vương Mỹ Nhân. Lật Cơ mất đi đồng minh quyền thế là Công chúa Quán Đào, mà vẫn hồn nhiên không biết bản thân đang lâm vào tình cảnh nguy hiểm, vẫn ý mình là thân mẫu của Thái tử, luôn đổ kị và oán hận, không chú ý mà đã bị tiền triều làm hại.

Trong một lần thiết triều, sau khi Lễ Quan hoàn tất dâng tấu đại sự đã bẩm: *“Tử dĩ mẫu quý, mẫu dĩ tử quý; hiện tại sinh mẫu của hoàng tử không có phong hiệu, nên phải lập làm Hoàng hậu”*. Sau khi Bạc Thái hoàng thái hậu qua đời, Bạc Hoàng hậu liền bị phế truất, ngôi vị Hoàng hậu vẫn luôn bỏ trống. Nào ngờ Hán Cảnh Đế nghe xong liền nổi cơn thịnh nộ: *“Điều này đến lượt ngươi nói sao!”* và bèn sai giết Lễ Quan. Tiếp đó, Hán Cảnh Đế phế Thái tử, cải lập Giao Đông Vương Lưu Triệt bảy tuổi làm Thái tử, phong Vương Mỹ Nhân làm Hoàng hậu.

Lật Cơ thất sủng, không cách nào biện bạch trước Hán Cảnh Đế, đành ôm uất ức sầu não mà chết. Trong chuyện lập hậu này, Lật Cơ là kẻ bị hãm hại, nhưng công bằng mà nói bi kịch này cũng do Lật Cơ tự mình chuốc lấy. Lúc trước Hán Cảnh Đế sức khỏe không tốt, có ý phong Lật Cơ làm Hoàng hậu, còn muốn để các Hoàng tử của mình cho Lật Cơ chăm sóc, và nói: *“Sau khi trầm qua*



Tranh Hán Cảnh Đế, lấy từ Đại Minh Kỳ Vương kỳ tập, thời Vạn Lịch. (Tam tài đồ hội)

đời, nàng phải đối đãi tốt với chúng”. Ý tứ gửi gắm của Hán Cảnh Đế đã rõ ràng đến vậy, nhưng Lật Cơ nghe mà không hiểu, còn oán hận sinh mẫu của các Hoàng tử đã cướp mất của nàng ta sự ân sủng của hoàng thượng, miệng nói ra những ác ngôn và không nhận lời với Hán

Cảnh Đế. Hán Cảnh Đế lúc ấy vô cùng phần nộ, chỉ là không có biểu hiện ra bên ngoài mà thôi. Sự cải lập Thái tử lần này của Hán Cảnh Đế đã đặt nền móng cho con đường tiến đến ngôi vị Hoàng đế của Hán Vũ Đế.

Cậu bé thiên tài

Thời gian này, em trai của Hán Cảnh Đế là Lương Hiếu Vương lại nhận được sự hậu thuẫn của mẫu thân là Đậu Thái hậu, cũng cực lực mưu cầu ngôi vị Thái tử. Các đại thần đã khuyên Đậu Thái hậu nên từ bỏ suy nghĩ này, nhưng thay vào đó Lương Vương đã phái sát thủ sát hại mười mấy vị đại thần đã khuyên can này. Nể mặt Đậu

thái hậu, Hán Cảnh Đế chỉ lệnh cho Lương Vương trở về thái ấp, không được phép tùy ý ra vào kinh thành. Đến đây, những chương ngại trên con đường xung vương của Hán Vũ Đế đã bị thanh từ triệt để.

Có thể có người cảm thấy việc Hán Vũ Đế lên ngôi vua có phần kịch tính và thú vị như “Cung đấu kịch” (vở kịch/tuồng về sự đấu đá trong cung). Nhưng kỳ thực, Hán Vũ Đế là người được Thiên tuyển. Không chỉ những điềm lành liên quan đến ông triển hiện không sót, mà từ nhỏ Hán Vũ Đế đã bộc lộ tài năng, đức hạnh, thông minh, trí tuệ, biết chùng mực trên dưới, không ít lần khiến những người trong hoàng cung phải nhìn ông bằng con mắt khác. Tất cả những điều này cho thấy ông đã được định trước là người xứng đáng nhất để lựa chọn kế vị ngại vàng.

Trong *“Hán Vũ cổ sự”* có viết lời ca ngợi ông như sau: *“Tuổi nhỏ mà thông minh, trí thuật, chơi với huynh đệ, cung nhân luôn biết lựa ý mà hành, lớn nhỏ đều vui lòng. Với bề trên cung kính ứng đối, như người trưởng thành, những người theo Thái hậu và văn võ bá quan đều ủng hộ.”* (6) Hán Vũ Đế từ nhỏ đã thông minh mưu trí, khi giao thiệp cùng người trong cung và các huynh đệ có thể hiểu được điều trong lòng họ mà điềm tĩnh ứng đối, được lòng hết thảy mọi người trên dưới trong cung. Trước mặt phụ hoàng Hán Cảnh Đế, Hán Vũ Đế luôn cung kính lễ độ, cử chỉ ngôn hành nhất mực đều như người trưởng thành, ngay cả Đậu Thái hậu cũng chú ý tới vị tiểu hoàng tôn đặc biệt này.

“Hán Vũ Đế nội truyện” còn ghi chép vài câu chuyện khác về thuở thiếu thời của Hán Vũ Đế. Ví như khi Hán Vũ Đế lên ba, Hán Cảnh Đế bế cậu bé vào lòng và hỏi:

“Hài nhi của ta có muốn làm Thiên tử không?” Cậu bé Lưu Triệt liền đáp: “Việc này là do thượng Thiên an bài, đâu do con muốn hay không mà được. Nhưng con hy vọng mỗi ngày đều được sống trong hoàng cung, được chơi đùa bên phụ thân, nhất định không dám láo xược vô lễ, trái bổn phận làm con”.

Hán Cảnh Đế không khỏi ngạc nhiên khi con nhỏ có thể dũng dạc nói ra những lời hiểu biết sâu sắc như vậy. Về sau, ông đặc biệt chú ý dạy dỗ và bồi dưỡng cho cậu bé này. Vài ngày sau, Hán Cảnh Đế lại bế con trai đến trước bàn đọc sách, hỏi cậu bé đọc sách gì, và nói về chúng một chút. Tiểu Lưu Triệt liền đọc to các tác phẩm từ thời Phục Hy cho đến các sách Thánh hiền mà cậu đã học thuộc lòng, trong đó có cả luận thuật về âm dương ngũ hành, các bài luận văn quốc sách trừ danh trong lịch sử, và những bài văn dài mấy vạn chữ mà không sót một từ nào.

Hán Cảnh Đế cũng là người có khả năng ghi nhớ tài tình. Không lẽ hoàng tử nhỏ của ông cũng có siêu năng lực, xem qua một lần liền nhớ? Hán Cảnh Đế cũng không đối xử với cậu bé này như những đứa trẻ bình thường khác. Lúc Hán Vũ Đế lên bảy, thì chính thức đổi tên cậu bé thành Lưu Triệt. Trong “Trang Tử” có câu: *“Mắt nhìn thông tỏ gọi là mắt sáng; tai nghe thấu suốt thì gọi là tai thính; mũi mà đánh hơi mau thì là mũi thính; miệng mà biết được các vị thì gọi là miệng ngọt; tâm mà thấu triệt được lý lẽ thì gọi là trí tuệ; trí tuệ thấu triệt hết thảy gọi là đức”.* (7) Từ “Triệt” ở đây có nghĩa là người tài ba hiểu biết hơn người. Cái tên này gửi gắm rất nhiều kỳ vọng lớn lao và lời ngợi khen của Hán Cảnh Đế dành cho người con trai này.

Sau khi Lưu Triệt lên làm Thái tử lại càng siêng năng học tập. Lưu Triệt học rộng, gồm cả cưỡi ngựa, bắn cung, Nho học, văn học, v.v. cũng vì thế mà càng được Hán Cảnh Đế yêu quý.

“Hán Vũ cổ sự” còn ghi chép: khi Lưu Triệt 14 tuổi, Đình Ủy thỉnh Hán Cảnh Đế phê chuẩn một vụ án giết người. Kẻ sát nhân tên Phòng Niên, người bị sát hại là mẹ kế của anh ta. Vì mẹ kế sát hại cha của Phòng Niên, nên anh ta đã giết bà mẹ kế đó. Đình Ủy tính phán Phòng Niên tội đại nghịch, nhưng Hán Cảnh Đế cảm thấy có phần không thỏa đáng, liền hỏi Lưu Triệt đưa ra quan điểm của mình. Lưu Triệt phân tích: *“Người ta thường nói mẹ kế giống như mẹ ruột, lời này cho thấy mẹ kế và mẹ ruột là khác nhau, chẳng qua là người cha đã cưới bà ấy về làm vợ, nên mới có địa vị giống như mẹ đẻ mà thôi. Hiện tại, mẹ kế của Phòng Niên đã sát hại cha đẻ của anh ta, nên anh ta với mẹ kế cũng có thể tính là đã đoạn tình tuyệt nghĩa, quan hệ mẫu-tử đã không còn tồn tại, nên phán xử tội sát nhân thông thường, không nên phán tội đại nghịch”*. Hán Cảnh Đế đồng tình với ý kiến này. Bình thường thì tội sát nhân sẽ bị “khí thị”, tức là xử tử phạm nhân tại một khu phố náo nhiệt. Các đại thần cũng đều cho rằng Lưu Triệt phân tích rất thỏa đáng. Từ đó về sau Hán Cảnh Đế càng xem trọng Lưu Triệt.

Năm 140 trước Công nguyên, Hán Cảnh Đế băng hà, hưởng dương 48 tuổi. Cùng ngày, Lưu Triệt 16 tuổi chính thức thừa kế ngai vàng, lấy hiệu là Hán Vũ Đế, vén tấm màn lớn mở đường cho sự cường thịnh của vương triều nhà Hán.

Chương 2: Tuổi trẻ của Hán Vũ Đế

Hán Vũ Đế Lưu Triệt, bốn tuổi được phong vương, bảy tuổi được phong làm Thái tử, mười bảy tuổi lên ngôi báu, trở thành vị Hoàng đế thứ bảy của Tây Hán. Trải qua hơn 16 năm phục hồi, quốc gia mà Hán Vũ Đế tiếp quản là một quốc gia trẻ không ngừng phát triển, có nền kinh tế thịnh vượng, có thực lực. Hán Vũ Đế là người tuổi trẻ tài cao, tất nhiên sẽ không muốn làm một vị hoàng đế cả đời yên phận, thanh nhàn.

Hán Vũ Đế đăng cơ vào năm 140 trước Công nguyên, sau đó năm này được quân thần Vũ Đế đặt là “Kiến Nguyên nguyên niên” (năm Kiến Nguyên đầu tiên của triều đại Hán Vũ Đế). Hán Vũ Đế là người đầu tiên lập ra niên hiệu trong lịch sử Trung Quốc, đặt tiền lệ cho việc Hoàng đế đặt niên hiệu. Kiến Nguyên tức là kiến lập kỷ nguyên mới, thông báo cho sự mở đầu của một sự nghiệp vô cùng lớn. Hán Vũ Đế đã làm một việc mà xưa nay chưa ai từng làm, phải chăng điều này biểu thị rằng Hán Vũ Đế tại thời điểm đó, đã đang phác họa ra một bản kế hoạch vĩ đại, đặt nền móng cho một kỷ nguyên vĩ đại của đế quốc đại Hán?

Hán Vũ Đế biết rằng muốn biến sự tài trí mưu lược của mình thành hiện thực, thì yếu tố then chốt không thể thiếu là phải có nhân tài, cần chiêu mộ nhiều người tài năng giúp thúc đẩy chính sách mới của bản thân. Bởi vậy sau khi lên ngôi, ông lập tức hạ chiếu chỉ yêu cầu các quan lại trên khắp đất nước tiến cử cho triều đình trung ương những người tài đức, ngay chính, dám nghĩ

dám đệ trình ý kiến. Lần tuyển chọn nhân tài này không giới hạn, chỉ cần là người thực học thực tài, mà lần áp dụng chế độ tuyển quan lần này chính là tiền thân của “Sát cử chế” (tức là thông qua quá trình khảo sát và đề cử quan lại), kéo dài từ thời sơ Hán đế nhà Tùy.

Sau khi Hán Vũ Đế ban chiếu lệnh, hiền sĩ bốn phương tấp nập tỵ tiến cử. Sau chín tháng lên ngôi, Hán Vũ Đế đã triệu tập hơn trăm người đã qua xét tuyển và mở hội nghị đối sách nổi danh. Trong hội nghị, Hoàng đế đưa ra những câu hỏi có liên quan đến trị quốc, những người được triệu tập sẽ phải trả lời bằng văn chương. Hán Vũ Đế liên tiếp ra ba bức chế thư. Chế thư thứ nhất, Hoàng đế vạch rõ tôn chỉ: “Trăm kể thừa địa vị cao quý nhất, đức hạnh tốt đẹp nhất của Tiên đế, nay muốn đem tất cả những điều này truyền đến vô tận. Đây là nhiệm vụ vô cùng to lớn, trách nhiệm trọng đại.



*Tượng Đồng Trọng Thu.
(Ảnh phạm vi công cộng)*

Bởi vậy ta rộng mời các nhân tài hiền lương, đức cao học rộng đến từ khắp mọi nơi, hy vọng có thể được nghe những đạo lý trị quốc an dân to lớn của mọi người.”

Tiếp đó, Hán Vũ Đế đưa ra hàng loạt câu hỏi, trong đó gửi gắm mục tiêu và lý tưởng của ông đối với quốc gia này. Lúc này, một nho sinh tên gọi Đồng Trọng Thu đã bộc lộ tài năng nổi bật, làm ra “*Thiên Nhân Tam Sách*” (Ba cách để thiên-nhân hài hòa), hối thúc Hán Vũ Đế cử hành một việc to lớn nhất kể từ khi đấng cơ, đó là tôn sùng Nho Thuật (học thuật Nho gia), đặt định vị trí chủ lưu của văn hóa Nho gia trong nền văn minh Trung Hoa.

Thiên Nhân Tam Sách

Đồng Trọng Thu tài hoa xuất chúng, ông chính là đại sư của “Xuân Thu”, phái Công Dương. Năm 30 tuổi ông đi khắp nơi dạy học, danh tiếng vang vọng bốn phương. Trong lần tiến cử này, ông cũng là người đứng ở vị trí cao nhất trong cuộc thi. Bởi vậy được lọt vào “Phần thi Hoàng Đế vấn-đáp”, hay phần thi “đối sách”. Hán Vũ Đế tiến hành ba lượt vấn đáp với Đồng Trọng Thu, Đồng Trọng Thu cũng ứng đáp bằng ba đối sách. Bởi ba đề thi mà Hán Vũ Đế đưa ra đều liên quan đến Thiên đạo, Nhân luân, bởi vậy ba bài sách văn của Đồng Trọng Thu được gọi là “Thiên Nhân tam sách”.

Nội dung ba lần vấn đáp giữa Hán Vũ Đế và Đồng Trọng Thu được ghi chép tỉ mỉ trong “Hán Thư”, nội dung rất dày. Nói một cách khái quát, Hán Vũ Đế lần lượt đưa ra các câu hỏi: Thứ nhất, làm thế nào để khôi phục được thuật cai trị (vương đạo) của thời xưa, cũng chính là đạo lý căn bản của việc củng cố chính trị; thứ hai, có hay không một quy tắc nhất quán trong việc quản lý

quốc gia, đây cũng chính là thuật quốc chính (sách lược về chính sự quốc gia); thứ ba, là cái được và cái mất trong việc chiếu theo ‘Thiên-nhân cảm ứng’ (con người cùng tự nhiên vạn vật đồng loại tương thông, cảm ứng lẫn nhau) trong quản lý triều chính hiện nay.

Đây là ba câu hỏi hóc búa về những vấn đề trọng đại, không thể chỉ với dăm ba câu mà có thể nói được thấu đáo, ấy vậy mà Đổng Trọng Thư lại nói có lý lẽ, có hệ thống một cách vô cùng rõ ràng, đưa ra giải đáp rành mạch cho từng vấn đề. Đọc xong bài viết thứ nhất, Hán Vũ Đế lập tức nhận thấy Đổng Trọng Thư không phải người bình thường. Đến khi kết thúc phần thi vấn đáp về chính sách, ông càng khâm định chắc chắn tài năng của Đổng Trọng Thư, và phong Đổng Trọng Thư làm Tể tướng quốc của Dịch Vương Lưu Phi. Dưới đây là sơ lược về phần thi vấn đáp của Đổng Trọng Thư.

Trong tam thiên sách luận, Đổng Trọng Thư chủ yếu đưa ra ba mối quan hệ lớn:

Một là, quan hệ Thiên-Nhân. Con người vâng theo mệnh Trời, quyền của Vua do Thần ban; Thiên tử trị quốc có Đạo, Trời ắt ban cát tường; Trị quốc mà vô Đạo, Trời sẽ giáng tai họa. Do đó, Trời trên có lòng nhân từ, Thiên tử cũng nên thuận theo Thiên ý, thi hành rộng rãi nhân đức.

Hai là, quan hệ giữa Mệnh, Tính, Tình với vấn đề giáo hóa (giáo dục và cảm hóa). Mệnh, là đến từ Thiên thượng; Tính, là tư chất của con người; Tình, là dục vọng của con người. Con người thọ mệnh ngắn hay dài, phẩm đức cao hay thấp, có thể được hun đúc thông qua giáo dục và cảm hóa.

Ba là, quan hệ giữa Đức và Hình (hình ở đây là hình phạt). Đức có tính dương, chủ thẳng; Hình có tính âm, chủ sát. Thiên tử nên dùng Đức không nên dùng hình.

Bởi vậy, Đổng Trọng Thư đề xuất năm điểm chủ yếu, dùng làm đạo trị quốc:

Một là, tân Vương cải chế (thay đổi chế độ xã hội, kinh tế, chính trị...). Đổng Trọng Thư nhận thấy, mỗi một vương triều mới lên, Hoàng đế mới chính là “tân Vương”, nên cần phải thay đổi chế độ và nghi thức của vương triều. Đầu tiên, cần bắt đầu thay đổi lịch pháp (cách làm lịch), và màu sắc tôn sùng. Bởi “Quân quyền thần thụ” (quyền của Vua do Thần ban), vương triều mới lên thay chính là Thiên ý, không ai có thể thay đổi. Quyền lực của hoàng đế cũng là đến từ thượng Thiên, có sứ mệnh đến để cứu vớt chúng sinh. Do đó, việc vương triều mới thay đổi chế độ, nghi thức, là thuận theo Thiên ý, mở ra đặc trưng và biểu tượng của một thời đại mới.

Hai là “đại nhất thống”, tức là thống nhất thiên hạ. Điều này lại vô cùng phù hợp với lý tưởng bình định Hung Nô của Hán Vũ Đế, thực hiện lý tưởng “đại nhất thống” thiên hạ, đúng là không mưu mà hợp.

Ba là “Hưng thái học, cử hiền lương”. Thái học là học phủ cao nhất của quốc gia, “Hưng thái học” chính là bồi dưỡng nhân tài cho xã tắc. “Cử hiền lương” là thu nạp rộng rãi hiền tài trên khắp thiên hạ. Đổng Trọng Thư kiến nghị Hán Vũ Đế cứ hai năm nên tiến hành một lần chiêu mộ nhân tài trong thiên hạ, nên quy phạm hóa và chế độ hóa việc này. Đối với một người đang khát hiền tài như Hán Vũ Đế, thì kiến nghị này đúng là gỡ chung nhíp phách.

Bốn là “tôn Nho”, tức “bãi truất bách gia, độc tôn Nho thuật”. Đồng Trọng Thư cho rằng trong thiên hạ, vô luận là quan viên hay lê dân trăm họ, chỉ cần đọc “Lục Kinh” là được rồi, không nhất định phải đọc các sách khác. Nhưng vì tư tưởng là điều rất khó thống nhất, bách gia chur tử đều có tư tưởng của mình, rất khó để có tiếng nói chung. Một khi không thống nhất được tư tưởng, thì các chế độ pháp luật kỷ cương sẽ không thể thống nhất, người trong thiên hạ cũng không biết nên tuân theo cái nào. Do đó, nếu quốc gia chọn Nho học làm dòng chính để giáo dục bách tính, cấm tuyệt đối các tư tưởng khác, có thể sẽ thống nhất được tư tưởng của người trong thiên hạ, chế độ pháp luật kỷ cương cũng sẽ thống nhất, nhân dân cũng sẽ biết nên tuân theo cái gì.

Năm là “Canh hóa”, tức là cải cách. Đồng Trọng Thư cho rằng việc cải cách đối



*Bởi sự can thiệp của Đậu Thái hậu, chính sách mới của Hán Vũ Đế ban đầu gặp trở ngại.
(Ảnh: phạm vi công cộng)*

với một vương triều là vô cùng trọng yếu. Hán triều từ khi thành lập đến nay, mặc dù nuôi hy vọng phát triển lớn mạnh, nhưng vẫn chưa được như ý, nguyên nhân trọng yếu nhất chính là thiếu cải cách.

Chính sách mới bị cản trở

“Thiên Nhân tam sách” của Đổng Trọng Thư với lý tưởng của Hán Vũ Đế quả là không hẹn mà gặp. Trong đó, tư tưởng “tôn Nho”, càng là điều khiến Hán Vũ Đế nóng lòng muốn đưa vào áp dụng thử nghiệm, chuẩn bị cho việc triển khai phổ biến mạnh mẽ việc tôn sùng Nho học, bảo vệ chính sách mới đầy quyền uy của Hoàng đế.

Hán Vũ Đế bắt đầu từ việc bổ nhiệm và miễn nhiệm quan lại, tái trọng dụng những quần thần phụng hành Nho học. Thời kỳ Tây Hán, thừa tướng có địa vị cao nhất trong Tam công (ba chức quan lớn nhất của triều đình), có quyền lực rất lớn, bởi vậy, việc lựa chọn thừa tướng là việc vô cùng trọng đại. Bởi vậy trước hết Hán Vũ Đế phế truất thừa tướng Vệ Oản, vốn là người có chủ trương chính trị theo tư tưởng Hoàng Lão, và cũng chính là thầy giáo của mình. Sau đó bổ nhiệm cháu trai của Đậu Thái hoàng thái hậu là Đậu Anh làm Thừa tướng, và cậu ruột của mình là Điền Phấn làm Thái úy, nắm giữ quân quyền. Hai người này đều yêu chuộng Nho học, một mặt phù hợp với phương châm chính trị tôn sùng Nho thuật của Hán Vũ Đế, một mặt Hán Vũ Đế có thể dựa vào sự phò tá của hai người này để củng cố hoàng quyền.

Hán Vũ Đế còn cho tổ chức nghi lễ long trọng mời Thân Sinh - đại sư Nho học danh tiếng nhất thiên hạ, để trưng cầu ý kiến về đại sự của quốc gia. Vì để tránh xe bị chòng chành rung sóc, Hán Vũ Đế cho người phủ bô

thảo lên bánh xe, và đây chính là nguồn gốc của điển cố “Bồ luân an xa” (cỏ bồ thảo làm êm bánh xe) trong lịch sử. Sau khi Thân Sinh vào triều, ông đảm nhiệm vị trí cố vấn triều đình. Hai đệ tử Vương Tang, Triệu Oản của ông cũng được trọng dụng. Theo kiến nghị của những quan viên tôn sùng Nho học, Hán Vũ Đế đã thực thi hàng loạt các biện pháp đổi mới: xây dựng minh đường (nơi làm việc của vua) theo kiến trúc cổ, lấy tiêu chuẩn của Nho gia để quy định việc ma chay cưới hỏi, chế độ yết triều của chư hầu; lệnh cho các liệt hầu trở về phong địa (đất vua phân cho các thành viên hoàng thất, đại thần, chư hầu), dỡ bỏ trạm gác giữa các nước chư hầu; phát hiện và giám sát các hành vi phi pháp phía đằng ngoài họ Đâu và những người quyền quý có chức sắc; chuẩn bị phản công Hung Nô.

Lúc này, Đâu Thái hoàng Thái hậu ở trong thâm cung mới biết chuyện. Triều đình đại Hán từng lấy tư tưởng của Hoàng Lão (Lão Tử và Hiên Viên Hoàng Đế) để trị quốc, nay bỗng nhiên âm thầm thay đổi hướng đi. Hoàng tôn mà bà hết mực thương yêu, với tài năng và sự quả quyết của tuổi trẻ, lại trở thành một người ủng hộ mạnh mẽ học thuyết Nho gia, muốn thay đổi truyền thống trị quốc “vô vi mà trị” của tiên đế các triều đại. Điều này khiến một người vốn tôn sùng Hoàng Lão như Đâu Thái hoàng Thái hậu vô cùng bất mãn. Không chỉ vậy, cách làm của Hán Vũ Đế còn động chạm đến lợi ích của những người quyền quý và họ ngoại của Đâu Thái hậu, nên bên tai Đâu Thái hoàng Thái hậu đầy rẫy những lời tố cáo than trách kể khổ của người nhà. Họ nói những quy định này của Hán Vũ Đế là phá hoại tổ tông, gây nhiễu loạn kỷ cương của triều đình.

Điều khiến Thái hoàng Thái hậu không thể tha thứ, chính là việc Vương Tang đề xuất Hán Vũ Đế không nên để Thái hoàng Thái hậu tiếp tục can thiệp triều chính. Vừa hay tin, Đâu Thái hoàng Thái hậu vô cùng phẫn nộ. Một mặt, bà yêu cầu Hán Vũ Đế cách chức quan của đám người Vương Tang, Triệu Oản. Mặt khác, bà yêu cầu Hán Vũ Đế xóa bỏ hàng loạt các chính sách cải cách vừa mới đưa vào thực thi, cách chức Thừa tướng Đâu Anh và Thái úy Điền Phấn vừa mới bổ nhiệm, và đưa người mà Thái hoàng Thái hậu sủng ái và tin tưởng lên đảm nhiệm những chức vị trọng yếu này.

Hán Vũ Đế dù thân là Thiên tử cao quý, nhưng dẫu sao tuổi vẫn còn trẻ, hơn nữa Hán triều tôn sùng hiếu đạo, Hán Vũ Đế cũng không muốn làm trái ý tổ mẫu. Trong lần gặp Đâu Thái hậu trước khi bà qua đời, Hán Vũ Đế đã đồng ý với Thái hậu sẽ bãi bỏ tất cả mọi chính sách mới, việc triều chính sẽ xin ý kiến của thái hậu, cũng không trọng dụng Nho sinh. Theo đó, việc xây dựng chế độ mới của tân triều một thời cực thịnh phải tạm gác lại, chủ trương văn hóa và trị quốc theo tư tưởng Nho học cũng bị ngăn trở. Tại sao Hán Vũ Đế và Đâu Thái



hoàng Thái hậu lại vì bất đồng tư tưởng nào đó mà xảy ra mâu thuẫn lớn như vậy?

Bối cảnh thời sơ Hán

Để trả lời câu hỏi trên, cần bắt đầu tìm hiểu về tình trạng xã hội trong 60 năm của Tây Hán. Vào thời đầu của nhà Hán, sau khi trải qua sự cai trị hà khắc của Tần Nhị Thế và loạn lạc trong cuộc chiến tranh giành quyền lực của Hán-Sở, trên cả nước, ruộng vườn hoang vu, kinh tế tiêu điều. Lúc đó nhà Hán thê thảm đến mức nào? Trong *“Hán Thư. Thực Hóa Chí”* có ghi: *“Hoàng đế không có nổi cho mình một cỗ xe ngựa với bốn con tuấn mã cùng màu, tướng lĩnh chỉ được ngồi xe bò, dân không tấc đất canh tác, trong nhà không có cửa để dành. Gặt phải năm mất mùa, năm ngàn phần tiền đồng mới mua được mười đấu gạo, không đủ tiền mua gạo, người ăn thịt người, một nửa dân số đã chết vì nạn đói”*.

Trước yêu cầu vô cùng bức thiết của việc khôi phục và phát triển của đất nước, mà tư tưởng Hoàng Lão là thuận theo Thiên ý và lòng dân, nên trở thành lý niệm trị quốc thời Sơ Hán. Tư tưởng là một trường phái của Đạo Gia, quan điểm cốt lõi chính là “vô vi mà trị”, cho rằng các chính sách mà vua thực thi sẽ phá vỡ trật tự hình thành một cách tự nhiên của xã hội, thậm chí gây nguy hại cho thiên hạ. Bởi vậy, vua phải thuận theo tự nhiên, để bách tính tự do phát triển. Trong *“Đạo Đức Kinh”*, Lão Tử cũng nói: *“Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định”* (Không ham muốn để được yên tĩnh, do đó thiên hạ sẽ định). Hán Cao Tổ sau khi vào Quan Trung đã đặt ra ba điều quy ước (ước pháp tam chương), xóa bỏ luật pháp của nhà Tần. Sau khi khai quốc, càng thực

hiện nhiều thay đổi hơn, từ Thiên tử đến vương hầu đều thực hành tiết kiệm, giảm thuế khóa, cùng người dân phục hồi. Những điều này đặt định cơ sở cho một nền chính trị vô vi.

Bởi vậy, bốn triều đại Cao, Huệ, Văn, Cảnh đều nối tiếp nhau thực thi các quốc sách chú trọng nông nghiệp và thu nhập của người dân, thực thi các chính sách khôi phục và phát triển đất nước. Hán Văn Đế nổi tiếng là vị vua sống thanh đạm, yêu dân, thường thực hiện miễn giảm thuế đất. Hán Cảnh Đế cũng thiết lập hệ thống điền tô với 31 loại thuế. “Vô vi nhi trị” cũng mở rộng sang lĩnh vực văn hóa. Triều đình rất tôn sùng Hoàng Lão, nhưng cũng không bài trừ Nho học. Do đó, tư tưởng Hoàng Lão đóng vai trò chủ đạo, nhưng đồng thời các tư tưởng học thuật khác cũng tự do phát triển.

Lịch sử chứng minh sự thành công của tư tưởng Hoàng Lão trong thời kỳ đầu, sức mạnh của nhà Hán nhanh chóng phục hồi, đã xuất hiện “Văn Cảnh chi trị”. Đến thời Hán Vũ Đế, đất nước cũng rất thịnh vượng. Trong “*Sử Ký*” nói, thời đó ở trong kho lương, thóc mới chùng lên thóc cũ, tiền trong ngân khố nhiều không đếm xuể, tiền nhiều đến nỗi dây râu tiền đều đứt cả. Trên phố, nơi nơi dân chúng cơm no áo ấm, có ngựa riêng, trên cánh đồng dê bò hợp lại hàng đàn. Đệu Thái hậu cũng rất tôn sùng Hoàng Lão và tư tưởng này được phát triển và phổ biến mạnh mẽ trong cung đình, các hoàng tử, hoàng tôn, thậm chí là họ ngoại của Đệu Thái hậu cũng phải học thuộc lòng “Hoàng Đế” và “Lão Tử”.

Khôi phục sức mạnh quốc gia thời Sơ Hán, không thể che lấp đi các vấn đề xã hội, đây cũng chính là vấn

đề không thể giải quyết được bằng tư tưởng Hoàng Lão. Trong “*Hán Thư. Thực Hóa Chí*” có ghi, trong những năm đầu của Hán Vũ Đế, “*Tai họa ít nên dân giàu có, sử dụng của cải kiêu sa vùng phí, thậm chí có những kẻ kết bè đảng, dùng sức mạnh ức hiếp hoành hành ở làng quê. Người trong tông thất đều có nhiều đất đai, từ công khanh đại phu trở xuống đều đua nhau xa xỉ, nhà cửa, xe cộ, trang phục tiếm vượt phạm thượng, không còn giới hạn. Vật thịnh thì sẽ suy, thế nên nó phải thay đổi*”. Nói cách khác, giới nhà giàu dựa vào sự khoan dung của luật pháp và của cải trong tay, tùy ý thôn tính đất đai, ý thế làm càn ở địa phương. Các quan lại hoàng tộc thì



*Tranh tường Đôn Hoàng: đội thương nhân trên con đường tơ lụa.
(Ảnh miền công cộng)*

đua nhau xa xỉ lãng phí, phục trang và xe ngựa đều vượt mức giới hạn của cấp bậc.

Vào thời Tây Hán, không thể không đề cập đến mỗi nguy cơ chính trị và quân sự cả trong lẫn ngoài. Bên trong có chư hầu cát cứ (chia đất xưng hùng), bên ngoài có Hung Nô xâm phạm, uy hiếp nghiêm trọng đến cấu trúc thống nhất của đại vương triều. Bởi quốc lực suy yếu, các đế vương trong lịch sử đều lựa chọn thỏa hiệp. Thế nhưng sách lược phòng thủ, không sao giải quyết tận gốc vấn đề của quốc gia. Hán triều cần một trung ương hùng mạnh để dẹp tan mọi mây mù trên đất nước, trở thành một đế chế thống nhất và thịnh vượng thực sự.

Bởi vậy, đến khi đăng cơ, vị hoàng đế trẻ tuổi Hán Vũ Đế này có tâm ý muốn làm điều gì đó to lớn, có thái độ tích cực hơn trong việc đưa những học thuyết của Nho gia vào trong thực tiễn cuộc sống, hết sức quan tâm tới Nho gia, và theo đó trào lưu văn hóa tôn Nho ra đời.

Khai thông Tây Nam

Hán Vũ Đế đăng cơ vào năm 140 Trước Công nguyên, và Đậu Thái hoàng Thái hậu qua đời vào năm 135 Trước Công nguyên. Trong mấy năm này, tuy các chính sách mới của Hán Vũ Đế gặp khó khăn, nhưng ông lại làm được hai việc gây tiếng vang lớn với bên ngoài. Một là phái Trương Khiên đi sứ ở Tây Vực, hai là giải cứu nước Đông Âu ở phía Nam một cách khéo léo tài tình.

Mọi người đều biết, Trương Khiên đi sứ tây vực, mở ra con đường tơ lụa nổi tiếng. Tuy nhiên, ban đầu Hán Vũ Đế cử Trương Khiên đi sứ, mục đích là nhằm đánh

trả người Hung Nô ở phương Bắc. Từ thời đầu nhà Hán, người Hung Nô đã luôn xâm chiếm và gây rối ở biên giới, giết người dân ở vùng biên, cướp bóc của cải tiền bạc. Đây là sự xâm phạm biên cương lớn nhất của Hán triều, cũng là chướng ngại vô cùng to lớn cho việc thống nhất Hoa Hạ của Hán Vũ Đế. Hán Cao Tổ Lưu Bang từng chiến đấu với quân Hung Nô, kết quả đã bị vây khốn, suýt mất mạng. Kể từ đó, các hoàng đế nhà Hán đều không dám khinh suất ra quân đánh Hung Nô. Một mặt áp dụng chính sách phòng thủ một cách bị động, một mặt áp dụng phương sách biếu tặng lễ vật và cầu thân để xoa dịu Hung Nô.

Thông qua các tù nhân của Hung Nô, Hán Vũ Đế tình cờ biết rằng ở Tây Vực có một quốc gia tên gọi Đại Nguyệt Thị, từng bị người Hung Nô áp bức, quốc vương cũng bị Hung Nô sát hại. Để thoát khỏi sự nô dịch của người Hung Nô, người Đại Nguyệt Thị đã nhiều lần di cư. Hán Vũ Đế liền nghĩ cách giao kết nước xa để đánh nước gần. Thế nhưng, không một ai biết nước Đại Nguyệt Thị ở nơi nào. Cuối cùng, Hán Vũ Đế ra chiếu lệnh, chiêu mộ những người có khả năng làm sứ giả đi sứ Đại Nguyệt Thị. Cuối cùng, Hán Vũ Đế cũng tuyển chọn được một trăm người, với tư cách là thành viên sứ đoàn, và bổ nhiệm Trương Khiên, một người giữ chữ tín, dũng cảm mưu lược, tiếng thơm lẫy lừng làm Tiết sứ.

Trương Khiên ban đầu giữ chức quan Lang trong cung, rất giỏi cưỡi ngựa bắn cung, hiểu rất rõ về tình huống Hung Nô. Giống với Hán Vũ Đế, ông cũng chủ trương dùng vũ lực đánh trả Hung Nô. Năm Kiến Nguyên thứ 2 (tức năm 139 TCN), Trương Khiên và phái đoàn gồm hơn một trăm người khởi hành từ Lũng Tây, bắt

đầu công cuộc tìm kiếm thăm dò Tây Vực của nhà Hán. Con đường phía trước đằng đẵng, không ai biết ngày mai sẽ xảy ra điều gì.

Thật không ngờ, khi vừa đến hành lang Hà Tây, Trương Khiên đã bị người Hung Nô bắt giữ, và mất liên hệ với nhà Hán. Không ai biết ông còn sống hay đã chết, đầu hàng hay bị cầm tù. Hơn nữa, vào năm Trương Khiên đi sứ, chính sách mới cũng vừa được dứt gánh. Lúc này, Hung Nô lại một lần nữa đề nghị cầu thân. Bởi Trương Khiên vừa đi đã bật vô âm tín, Hán Vũ Đế lại không có trước phương án tác chiến khả thi có tính thực tiễn, nên phải đáp ứng yêu cầu của Hung Nô. Thế nhưng, việc Hán Vũ Đế phái Trương Khiên đi Tây Vực, là một điềm báo quan trọng cho việc thực hiện tham vọng vô cùng to lớn của mình.

Năm Kiến Nguyên thứ 3 (năm 138 TCN), nước Mân Việt ở phía Nam đã bao vây nước Đông Âu, nước này đã phái người đến cầu cứu triều đình nhà Hán. Thời đó, Phúc Kiến và địa khu Chiết Giang nằm ở phía Đông Nam của Hán triều có tổng cộng ba nước nhỏ: Nam Việt, Mân Việt và Đông Âu, đều là hậu duệ của người Việt. Vào thời Hán Cảnh Đế cầm quyền, bảy nước chư hầu của Ngô, Sở phát sinh cuộc đại phản loạn. Quốc vương Lạc Vọng của Đông Âu vì tham lợi nhỏ mà đã phái quân đội đến gia nhập vào quân phản loạn của Ngô Vương Lưu Ty.

Sau khi cuộc nổi dậy thất bại, Lưu Ty đào tẩu đến Đông Âu. Hán Cảnh Đế phái sứ giả đến đàm phán, chỉ cần Lạc Vọng giao Lưu Ty, sẽ được miễn và xá mọi tội trạng. Lạc Vọng vì bảo vệ bản thân đã ra tay giết Lưu Ty. Con trai Lưu Ty là Lưu Câu đã trốn chạy đến nước Mân Việt, cũng mượn cơ hội này xúi giục quốc vương Mân

Việt bành trướng lãnh thổ, tiến đánh Đông Âu. Đông Âu khó lòng chống cự, phải cầu cứu đại Hán.

Về phần Hán Vũ Đế mà nói, đây là một việc khá khó khăn. Nếu gửi quân đến Đông Âu, nhất định phải được sự cho phép của Đâu Thái hoàng Thái hậu, thế nhưng Đâu thái hoàng Thái hậu lại thi hành “vô vi nhi trị”, nên rất có khả năng sẽ phản đối việc dùng đến quân đội. Nhưng nếu như lần này không thể giải cứu nước Đông Âu, thì sẽ không gây dựng được uy tín với các nước, tương lai sẽ rất khó làm yên lòng các quốc gia, bởi vậy Hán Vũ Đế đã đưa ra một thỏa hiệp.

Hán Vũ Đế phái đại thần Trang Trợ đến đó, điều động quân đội đồn trú tại địa phương đối phó với Mân Việt. Trang Trợ cùng tùy tùng mang theo cây quyền trượng đại biểu cho quyền lực của Hán Vũ Đế mau chóng đến Hội Kê, tuyên đọc chỉ lệnh của Hán Vũ Đế cho quan lại có chức vị cao nhất ở đó. Vua Mân Việt hay tin Hán Vũ Đế đã phái đại thần đến Cối Kê, liền tức tốc thu quân, trừ bỏ mối nguy cho Đông Âu. Sau đó, Đông Âu di chuyển đến khu vực nằm giữa sông Trường Giang và sông Hoài (Hoài Hà), chính thức trở thành thần dân của nhà Hán.

Qua việc cứu viện thành công Đông Âu, Hán Vũ Đế đã tạo dựng được uy tín trong và ngoài triều đình. Mặc dù trong mấy năm này, tham vọng của Hán Vũ Đế chưa thể thực hiện, nhưng sự mưu lược và sự quyết đoán của ông đã khiến mọi người phải trầm trồ thán phục.

Chương 3: Tôn Nho, mở trường học, tuyển Bách gia

Khi Hoàng Thái Hậu Đậu Thái tại thế, tôn sùng Hoàng Lão, áp chế chính sách mới, Hán Vũ Đế vừa đăng cơ, lại xuất từ đạo hiếu, nên cũng tránh việc đao to búa lớn, tạm cất việc quy hoạch đế quốc trong tâm, thanh nhàn vài năm để che giấu ý đồ. Thời gian này, Hán Vũ Đế trên bề mặt là vui chơi sơn thủy, săn bắt du ngoạn, mở rộng lâm viên, cùng văn nhân nhã sĩ ngâm tụng thơ phú. Nhưng trong tâm vẫn nung nấu việc quốc gia đại sự.

Năm Kiến Nguyên thứ 5 (năm 136 TCN), Hoàng Thái Hậu Đậu Thái đột nhiên lâm trọng bệnh, không còn quan tâm tới chính sự, Hán Vũ Đế hạ chiếu khôi phục chức quan của những Nho sinh bị phế truất trước đây, lại tiếp tục nêu cao Nho giáo. Năm sau (Năm 135 TCN), Hoàng Thái Hậu qua đời, Hán Vũ Đế không còn bất kỳ chướng ngại gì, chính thức lãnh đạo vương triều Đại Hán đi trên con đường cường thịnh.

Năm thứ hai năm quyền, ông triệu tập đại thần, thương thảo quyết sách trị sửa quốc gia. Tác giả của “Thiên Nhân tam sách” (Tạm dịch: Ba sách lược về Thiên, Nhân) là Đổng Trọng Thư cũng ở đó. Đổng Trọng Thư xuất phát từ tư tưởng Nho gia, lần nữa đề xuất “Bãi bỏ Bách gia, độc tôn Nho thuật”, kiến nghị thành lập Thái Học để bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia. Với khát vọng thống nhất thiên hạ, Hán Vũ Đế chính thức thực hiện kiến nghị của Đổng Trọng Thư.



*Trong “Thiên Nhân tam sách” đề xuất “Hung Thái học, trí minh sự”.
Tranh “Tiên hiền đồ quyển” của Nguyễn Triệu Ung. (Miền công cộng)*

Bác sĩ ngũ kinh

Văn hóa Nho gia hết sức trọng thị giáo hóa đạo đức, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu trong trị sửa thiên hạ. Để thực hiện tác dụng của giáo hóa, cần phải có một chế độ giáo dục hoàn thiện. Trong “Thiên Nhân tam sách”, Đổng Trọng Thư đã kiến nghị thành lập trường học, tăng thầy để bồi dưỡng nhân tài.

Ông nói: *“Muốn trị sửa thiên hạ, không thể không coi giáo hóa là đại sự, nên việc bồi dưỡng nhân tài, phải có Thái học. Thái học có liên quan đến hiền sĩ, là gốc của giáo hóa. Hạ thần mong Bệ hạ chấn hưng Thái học, đặt các chức minh sự, bồi dưỡng kẻ sĩ trong thiên hạ, khảo vấn kỹ càng để biết thực tài, mới có được nhân tài anh tuấn.*

Minh sư trong lời của Đổng Trọng Thư, là chỉ những vị hiểu rõ kinh thư, cũng là những vị quan bác sĩ trong triều đình (thầy dạy học trong triều gọi là: Quan bác sĩ). Thái học và Bác sĩ thời cổ đại đã có. Từ “Thái” trong Thái học có nghĩa là đệ nhất, người xưa thường dùng liên quan đến những thứ to lớn, ví dụ như Thái Dương, Thái không, Thái tử... Thái học là chỉ cơ sở đào tạo tối cao, là đại học trung ương do nhà vua cai quản.

Thời cổ đại, Trung Quốc đã có trường đại học. Đổng Trọng Thư viết: “Ngũ đế danh đại học viết thành quân.” (Tạm dịch: Thời Ngũ đế gọi đại học là Thành quân). Các thời Hạ, Thương, Chu, cách gọi đại học cũng khác nhau, thời Tây Chu xuất hiện từ Thái học, cũng gọi là “Đại học”, Thiên tử và chư hầu đều có thể thiết lập đại học. Nhưng khi ấy Thái học không chỉ đơn thuần là học phủ, mà còn là nơi cử hành tế tự, yến hội, tuyển dụng võ sĩ, bàn soạn sách lược. Cho đến tận thời Hán Vũ Đế, Thái học mới trở thành nơi chuyên môn đào tạo của chính quyền trung ương.

Chúng tôi giới thiệu sơ lược danh vị Bác sĩ thời cổ đại. Tên gọi Bác sĩ bắt đầu từ thời Chiến Quốc, có chức năng dạy dỗ đệ tử. Thời Tần Thủy Hoàng, có đến 70 Bác sĩ, không chỉ có Nho sinh, mà còn gồm cả các học phái khác, hoặc người giỏi thơ phú, phương thuật, bói toán. Bác sĩ thời Tần là trực thuộc quan Thái thường, một trong 9 chức khanh, phụ trách tế tự điển lễ, không phụ trách việc giáo dục. Bác sĩ bác cổ thông kim, có chuyên môn học thuật và tri thức, làm cố vấn cho triều đình.

Nhà Hán thừa kế nhà Tần, Chư tử Bách gia đều có Bác sĩ. Năm 136 TCN, Hán Vũ Đế lấy hai kinh “Dịch”, “Lễ” đặt làm Bác sĩ, thời Văn Đế, Cảnh Đế hợp cả “Thư”,

“ Thi”, “ Xuân Thu” thành “Ngũ kinh Bác sĩ”. Ngũ kinh đó đều là kinh điển của Nho gia mà ngày nay mọi người đều biết “Tứ thư ngũ kinh”. Động thái này của Hán Vũ Đế không bị Hoàng Thái Hậu phản đối, một là do Thái Hậu lâm bệnh nặng, nhưng một nguyên nhân khác là Hán Vũ Đế chỉ là hoàn thiện thêm cơ cấu Bác sĩ, chứ không phải là chính sách mới.

Kiến nghị của Đổng Trọng Thư là kết hợp giữa Bác sĩ và Thái học, xác lập chế độ đào tạo theo Kinh thuật, do đó Ngũ kinh Bác sĩ và Bác sĩ thời sơ Hán là khác biệt rất lớn: Thứ nhất, Bác sĩ từ Thái thường tách ra, khôi phục tính độc lập từ thời Chiến Quốc, có tính học thuật rất mạnh. Thứ hai, Bác sĩ có chức năng đào tạo đệ tử, trở thành học quan có chức vị cao nhất nắm vững Ngũ kinh, được mệnh danh là “Thiên hạ tông sư” (Tạm dịch: Bậc thầy của thiên hạ). Thứ ba, cũng là khác biệt lớn nhất, “Bãi truat Bách gia, độc tôn Nho thuật” chính thức trở thành chế độ của quốc gia. Cũng nói, ngoài học giả Nho gia, bất kỳ học giả khác phải đều mất đi tư cách và cơ hội thành “Bác sĩ”. Nhưng cho dù là học giả Nho gia, muốn trở thành Bác sĩ, phải nghiên cứu trong phạm vi của “Ngũ kinh”, cho dù có chút thành tựu ngoài phạm vi đó thì cũng không thể trở thành Bác sĩ. Đây là hàm nghĩa chân chính của câu “Bãi truat Bách gia, độc tôn Nho thuật”.

Vẫn còn một điểm cần giải thích thêm, “Độc tôn Nho gia” của Hán Vũ Đế chủ yếu là để suy tôn “Công Dương xuân thu học”. Lấy “Công Dương truyện” giải thích kinh “Xuân Thu” làm học vấn. Tương truyền là tác phẩm của Công Dương Cao người nước Tề, chuyên giải nghĩa “Xuân Thu”. Ban đầu chỉ là truyền miệng, thời sơ



*Thái học không chỉ bồi dưỡng những Nho gia ưu tú cùng quan lại cho quốc gia, mà còn đặt định cơ sở thống nhất đại nghiệp của Hán Vũ Đế. Tranh vẽ “Hán cung thu nguyệt” của Viên Diệu đời Thanh.
(Miền công cộng)*

Hán mới viết thành văn, đồng thời được Hán Cảnh Đế trọng thị. Hán Vũ Đế suy tôn việc này cũng là thể hiện sự tôn sùng tiên đế, duy hộ uy quyền tối thượng, chủ trương “Đại nhất thống”, tương hợp với chí hướng to lớn của ông.

Hoàn thiện Thái học

Năm Kiến Nguyên thứ 6 (135 TCN), Đậu Thái Hoàng Thái Hậu qua đời, Hán Vũ Đế cho cậu là Điền Phân phục chức, đảm nhiệm Thừa tướng. Năm sau, năm đầu Nguyên Quang (134 TCN), Hán Vũ Đế lại một lần nữa chiêu gọi những Nho sinh hiền lương phương chính. Lần này, được đề bạt là một vị lão Nho sinh tuổi ngoài 60, tên là Công Tôn Hoằng, cũng giống như Đồng Trọng Thư, đều là đại Nho gia cùng nghiên cứu Công Dương Xuân Thu. Công Tôn Hoằng là một vị Nho sĩ đại khí thành đạt muộn, 40 tuổi mới bắt đầu nghiên cứu “Xuân Thu”, 60 tuổi được đề cử “Hiền lương”, tham dự Kiến Nguyên đối sách, sau đó đi sứ Hung Nô, do bẩm báo không hợp ý Hán Vũ Đế mà cáo bệnh về quê, đến năm đầu Nguyên Quang mới trở lại.

Năm đầu Nguyên Quang, Hán Vũ Đế hỏi Công Tôn Hoằng về Thiên Đạo, Công Tôn Hoằng nhấn mạnh trong luận điểm của mình: *Làm vua thân phải chính, vì bách tính kiến lập tín nghĩa*. Ông còn đề xuất 8 chủ trương để trị quốc an dân, thực hiện hai việc chính: Một là quốc gia tiết kiệm, giảm nhẹ lao dịch thuế khóa, trân quý nhân lực, làm đời sống bách tính thuận lợi tốt đẹp. Hai là triều đình dùng người công minh, tài sao chức vậy, chỉ dùng người hiền tài, thưởng phạt phân minh, làm quan lại tận chức tận tài mà phục vụ. Tư tưởng này

bao hàm Nhân nghĩa của Nho gia, dùng Đức chấp chính, “Thiên Đức vô tư thân, thuận chi hòa khởi, nghịch chi hại sinh” (Tạm dịch: Đức của Trời là vô tư, thuận theo sẽ tốt đẹp, trái lại sẽ sinh hại), cũng kết hợp cả tư tưởng của Pháp gia, thưởng phạt phân minh, trọng dụng tài năng. Tương đồng với lý niệm trị quốc của Hán Vũ Đế.

Lúc ban đầu khi thẩm luận cả trăm luận điểm, đã xếp luận thuật của Công Tôn Hoảng vào hạng dưới. Nhưng sau khi Hán Vũ Đế xem xong, lại đặt ông lên hàng đầu. Sau đó, ông triệu kiến Công Tôn Hoảng, để biểu hiện trọng dụng nhân tài và phong làm Bác sĩ, sau đó đề bạt lên làm quan Tả nội sử, rồi Ngự sử Đại phu, Thừa tướng, còn phong làm Bình Tân Hầu, quan lộ hanh thông.

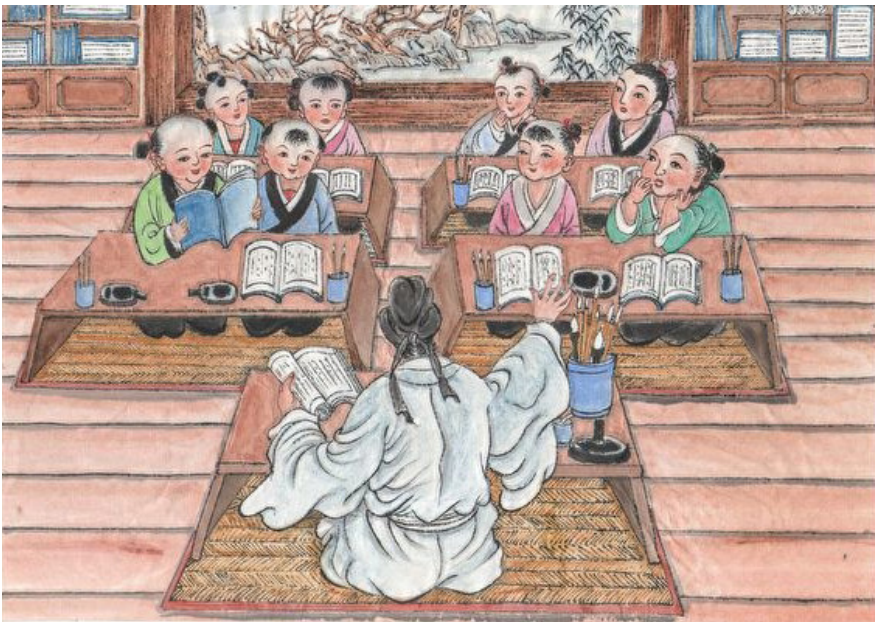
Cống hiến lớn của Công Tôn Hoảng là giúp Hán Vũ Đế thực hiện “Tôn Nho thuật”. Năm thứ 5 Nguyên Sóc (124 TCN), Hán Vũ Đế ban chiếu thư phát triển học thuật: *“Ta thường nghe dùng Lễ dạy dân chúng, dùng Nhạc dạy phong tục, mà nay Lễ hư Nhạc hỏng, Trầm thật đau xót. Nên cẩn thận hỏi han chí sĩ trong thiên hạ. Lệnh Lễ quan khuyến khích việc học, giảng giải thông thuận, chấn hưng lễ nghĩa, lấy thiên hạ làm đầu. Các chức quan là đề cử từ các đệ tử của Bác sĩ, người đồng môn để khuyến khích hiền tài”*. Trong chiếu thư nhấn mạnh tính trọng yếu của Lễ Nhạc, đồng thời lệnh sắp xếp vị trí cho người có học, hy vọng các nơi tôn sùng giáo hóa, đạt được mục đích đào tạo nhân tài. Cho nên, tể tướng Công Tôn Hoảng cùng các quan viên đề ra phương thức đào tạo đệ tử như sau:

Một, tuân theo “Tam đại chi Đạo” (Tạm dịch: Đạo ba đời), để thực hiện giáo hóa thiên hạ, đầu tiên sắp xếp

các chức quan trung ương phụ trách khuyến học, sau đó mở rộng về các địa phương.

Hai, quy định một chức quan bác sĩ đào tạo chính thức 50 đệ tử. Do Thái thường tuyển người từ 18 tuổi trở lên, có dung mạo đoan chính làm đệ tử, miễn trừ lao dịch thuế khóa cho họ.

Ba, thiết lập đệ tử dự thính, coi như các đệ tử chính thức. Do các quận, huyện, ấp tiến cử những thanh niên ưu tú “Hiếu học, kính trọng bề trên, tuân phép tắc, thuận lệ làng, hành vi ngay chính”, qua Quận thú, vương tướng thẩm tra thực lực xong gửi tới Bộ học (Thái thường), trở thành đệ tử dự thính, không hạn chế số lượng.



Quy định khảo thí hàng năm, nếu qua một Kinh trở lên, có thể làm trợ giảng, người đặc biệt ưu tú có thể làm Lang trung. Học kém, không qua được một Kinh thì cho thôi học. (Ảnh: Epoch Times)

Bốn, chế độ kiểm tra và bổ nhiệm sử dụng định kỳ. Quy định khảo thí hàng năm, nếu qua một Kinh trở lên, có thể làm trợ giảng, người đặc biệt ưu tú có thể làm Lang trung. Học kém, không qua được một Kinh thì cho thôi học.

Hán Vũ Đế tiếp thu kiến nghị của Công Tôn Hoằng, kiến lập Thái học ở kinh đô, đồng thời tuyển chọn 5 vị Nho học uyên thâm làm Ngũ Kinh Bác Sĩ, 50 thanh niên ưu tú làm Bác sĩ Đệ tử (Thái học sinh). Giáo trình học là Ngũ Kinh, khảo hạch nếu thông hiểu một trong Ngũ Kinh thì trao chức quan nhỏ, người ưu tú được theo hầu Hoàng Đế, người xuất sắc được đề bạt vượt cấp. Từ năm Kiến Nguyên hưng khởi Thái học, đặt “Ngũ Kinh Bác sĩ”, đến chế độ Bác sĩ Đệ tử năm Nguyên Quang, chế độ Thái học đã đạt đến hoàn thiện.

Cùng với sự hưng thịnh của Thái học, các địa phương, quận quốc, cũng liên tiếp mở trường, thiết lập Học quan cùng đệ tử. Trong “Hán thư - Tuần lại truyện” có viết: *“Đến thời Hán Vũ Đế, lệnh các quận quốc đều lập chức quan trường học”*. Hán Vũ Đế mở rộng giáo dục Nho học trong toàn quốc, chấn hưng Nho học, có tác dụng hết sức to lớn.

Do Bác sĩ là chức quan của triều đình, đệ tử ưu tú (Bác sĩ Đệ tử) có thể làm quan, học Kinh với chính trị cùng quan lộ là có quan hệ mật thiết. Trong triều đình, có rất nhiều danh thần là thầy dạy Kinh hoặc Bác sĩ Đệ tử, trong “Hán thư - Nho lâm truyện” viết: *“Các bậc công khanh đại thần quan lại đều là kẻ sĩ học văn cả”*. Chế độ học và tuyển bạt nhân tài này, làm cho người học trong thiên hạ ra sức nghiên cứu học tập Kinh thư, lấy đó làm con đường tiến thân lập nghiệp. Đặc biệt là Công

Tôn Hoằng, tuổi cao chí lớn, bái tướng phong hầu, dẫn hướng cho một phong trào văn sĩ của cả một thời đại. Trong “Hán thư - Nho lâm truyện” có ghi: *“Công Tôn Hoằng học kinh Xuân Thu mà thành thừa tướng, được phong hầu, người học trong thiên hạ theo đó mà thành phong trào học tập”*.

Theo thế nước cường thịnh, kinh tế phát triển, quy mô Thái học của Tây Hán cũng mở rộng không ngừng, Bác sĩ Đệ tử ở Tây Hán lên tới ngàn người, năm cuối Đông Hán có tới 3 vạn người. Thái học không chỉ bồi dưỡng học giả Nho gia cùng nhân tài quan lại cho quốc gia, mà còn đặt định cơ sở cho đại nghiệp thống nhất thiên hạ của Hán Vũ Đế. Thông qua các biện pháp hưng thịnh Thái học, thiết lập Ngũ Kinh Bác sĩ cùng Bác sĩ Đệ tử, Hán Vũ Đế đã thành công trong việc dùng Nho học thay thế cho Hoàng Lão học, đồng thời trở thành tư tưởng thống trị chính thống của vương triều Trung Hoa. Địa vị chủ lưu của Nho học chảy suốt, không cải biến đến tận triều Thanh.

Tuyển chọn Bách gia

Hán Vũ Đế thực hiện “Bãi truất Bách gia, độc tôn Nho thuật”, không phải là chuyên chế văn hóa, ông không những không bài xích các học thuyết khác, cũng không dùng biện pháp cực đoan để tuyệt diệt Bách gia. “Bãi truất Bách gia” đơn giản chỉ là bãi bỏ chức học quan của Chư tử. Dưới tiền đề học Nho làm quan, trong các lĩnh vực văn hóa, học thuật, tư tưởng, ông thi hành sách lược “Tuyển chọn học vấn của Bách gia”. Tư tưởng chính sách của ông bao gồm cả Vương Đạo, Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, rồi Âm Dương gia. Kỳ thực bản thân

Nho gia đã có tư tưởng bao hàm rất lớn, “Dịch Kinh” trong Ngũ Kinh là kinh điển của Đạo gia và Âm Dương gia, “Kinh Thư” cũng là hành chính pháp điển của cả 3 triều đại Hạ, Thương, Chu.

Trong “Sử ký - Quy sách liệt truyện” miêu tả: *“Từ khi tại vị cho đến nay, đã mở ra con đường rộng lớn, tuyển chọn học vấn Bách gia, người thông thạo một nghề đều có hiệu quả”*. Sau khi Hán Vũ Đế tại vị, trừ việc học quan chỉ dùng Nho gia, các phương diện khác đều rộng mở, thúc đẩy phát triển, nối dài toàn diện học vấn của Bách gia. Trọng dụng những nhân tài tinh thông một kỹ năng nào đó, tùy theo tài năng mà sử dụng. Có người được phò tá quân vương, có vị thậm chí làm tới công khanh, thỏa chí bình sinh văn võ song toàn. Ví dụ lão thần Cấp Âm chuyên học Hoàng Lão của triều trước, vẫn được Hán Vũ Đế trọng dụng, nhậm chức Huỳnh Dương Lệnh, Trung Đại Phu, Thái Thú, Đô Úy; rồi vị quan nổi tiếng hà khắc Trương Thang, là đại biểu của Pháp gia, dùng pháp nghiêm khắc nhưng làm quan thanh liêm, rất được Hán Vũ Đế tin cẩn, từng đảm nhiệm chức Thái Trung Đại Phu, Đình Úy, Ngự Sử Đại Phu; cha là Yến Thiện giỏi thuật, văn hay mà được thăng chức, từ thân phận bình dân làm tới chức Lang Trung, một năm mà được phá lệ thăng chức 4 lần, lên tới Trung Đại Phu. Trong nhân gian, Hán Vũ Đế cho phép các loại học phái tự do hoạt động.

Hiển nhiên rằng, cho dù Hán Vũ Đế trọng thị Nho gia, nhưng ông không câu nệ vào gia nào cả, mà vì đại nghiệp thống nhất lựa chọn những chỗ hữu dụng của các học thuyết để dùng.



*Sau khi Hạng Vũ vào Hàm Dương, hỏa thiêu Hàm Dương và lăng Tần Thủy Hoàng, tạo thành sự phá hoại rất lớn đối với văn hóa Trung Hoa. Tranh vẽ “Cung A Phòng” của Viên Giang đời Thanh.
(Miền công cộng)*

Sưu tập thư tịch

Vô luận là tôn vinh Nho gia hay duy trì Bách gia, đều phản ánh rõ thái độ tôn trọng, mở mang phát triển đối với văn hóa học thuật. Các loại văn hóa học thuật trong toàn quốc không vì tôn Nho mà suy bại, mà trái lại càng phồn vinh. Hán Vũ Đế còn có một cống hiến lớn nữa, đó là sưu tập quy mô lớn các điển tịch văn chương thời trước, đồng thời coi đó là một hạng mục công tác văn hóa của nhà Hán.

Thời Hán Sở tranh hùng, Hạng Vũ sau khi vào Hàm Dương, hỏa thiêu Hàm Dương và lăng Tần Thủy Hoàng, lửa cháy ngút trời ba tháng chưa tắt. Gây tổn hại cự đại cho văn hóa Trung Hoa, tất cả văn hóa điển tịch mà Tần

Thủy Hoàng đã dày công xây dựng, sưu tầm sau khi thống nhất thiên hạ, đã bị hủy sạch trong lửa đỏ. “Sở nhân nhất cự, khả lân tiêu thổ” (Tạm dịch: Một bó đuốc người Sở châm lên, tiếc thay đất bằng thành tro bụi), các điển tịch của văn hóa Hoa Hạ từ trước thời Tần, hầu như bị thiêu rụi. Thời đầu nhà Hán, triều đình bắt đầu cho sưu tập thư tịch. “Hán thư - Nghệ văn chí” có viết: “Đại sưu tập thư tịch, mở rộng đường văn hiến», nhưng do thiếu nhân lực chuyên môn cùng biện pháp thi hành cụ thể, nên thành quả sưu tầm còn hạn chế. Đến thời Hán Vũ Đế, xã hội vẫn còn vấn đề: “Thư khuyết giản thoát, lễ hoại nhạc băng” (Tạm dịch: Thư tịch thiếu mất, lễ nhạc băng hoại), làm ông cảm thán: “Trẫm thậm mẫn yên” (Tạm dịch: Trẫm thật xót xa)!

Hán Vũ Đế không vừa lòng với công tác sưu tầm thư tịch của nhà Hán thời kỳ đầu, trong chiếu thư năm Nguyên Sóc thứ 5, ông đề cập đến tầm quan trọng của việc sưu tập kinh điển văn hiến: “Lệnh cho lễ quan khuyến khích học tập, giảng giải thông thuận, hưng khởi việc sưu tập điển tịch, lấy đó là việc hàng đầu”). Vì vậy, Hán Vũ Đế đã triển khai hàng loạt biện pháp: “Vây nên cho xây dựng thư viện, cấp chức quan cho việc ghi chép, thư tịch các gia phái, đều thu thập cất vào mật phủ”. (Hán thư - Nghệ văn chí). Ông thiết lập cơ cấu chuyên môn cùng các chức quan, chuyên sao chép thư tịch cổ, sưu tập học thuyết các gia phái, kinh điển lễ nhạc, thi từ ca vũ...văn chương trong thiên hạ, tất cả đều đưa vào lưu giữ trong thư viện quốc gia. Trong “Tùy thư - Kinh tịch chí” còn ghi lại, Hán Vũ Đế từng hạ lệnh: Thừa tướng, Thái sử lệnh, Thái thường, Bác sĩ quan, đều phải có trách nhiệm sưu tầm thư tịch trong thiên hạ.

Có một vị Lỗ Cung Vương Lưu Dư, khi phá dỡ nhà cũ của Khổng Tử, chuẩn bị xây cung điện của mình, phát hiện trong tường còn lưu giữ “Thượng thư”, “Lễ ký”, “Luận ngữ” và mấy chục quyển cổ thư. Những cổ thư này đối chiếu với thư tịch lưu giữ trong thư viện triều đình nhà Hán thì “Lễ ký” nhiều hơn 39 quyển, “Thượng thư” nhiều hơn 16 quyển, lại còn viết bằng lối chữ Triện cổ, thường gọi là “Cổ văn kinh”; Kinh thư mà Ngũ kinh Bác sĩ sử dụng là dùng lối viết Lệ thư chữ Hán, gọi là “Kim văn kinh”. Cổ văn kinh sau này tất cả được hiến tặng cho Hán Vũ Đế, phong phú thêm cho thư viện triều đình, chỗ khác biệt cổ, kim trong lĩnh vực học thuật, cũng từ đây mà ra.

Việc sưu tầm thư tịch cổ, do Hán Vũ Đế tận sức đề xướng, thực thi, trở thành trào lưu văn hóa xuyên suốt vương triều Đại Hán. Lượng lớn cổ tịch đã được khai quật, chỉnh lý, lưu giữ, đưa trở lại nhân gian, đã có tác dụng quan trọng thúc đẩy sự hưng thịnh của các lĩnh vực văn hóa như Kinh học, Sử học, Văn học, Nghệ thuật... Ví dụ như cha con Sử học gia Tư Mã Thiên thời Tây Hán, thụ ích từ nghiên cứu lượng lớn thư tịch cổ, hoàn thành một pho sử ký bất hủ “Sử Ký Tư Mã Thiên”: *“Cứu thiên nhân chi tế, thông cổ kim chi biến”* (Tạm dịch: Nghiên cứu mối quan hệ giữa Trời và con người, thì sẽ hiểu rõ sự biến đổi từ xưa đến nay). Đây cũng là cống hiến văn hóa rất lớn của việc sưu tầm thư tịch cổ.

Chương 4: Sử dụng hiền tài, không xem xuất xứ

Thời đại Hán Vũ Đế là thời nhân tài nườm nượp, thời hoàng kim của nhân tài trị thế. Những danh thần bên cạnh Hán Vũ Đế là những nhân vật truyền kỳ, về văn có Tư Mã Thiên, Tư Mã Tương Như, võ có Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, Nho sĩ có Đổng Trọng Thư, Công Tôn Hoảng, về trị luật có Triệu Vũ, Trương Thang, tài chính có Tang Hoảng Dương, âm luật có Lý Diên Niên, sứ giả có Trương Khiển, Tô vũ, đại thần tin cẩn có Hoắc Quang, Kim Nhật Di... nhiều không kể hết. Những hiền thần đó, người mưu lược tài hoa, người tận trung ái quốc, phẩm đức cao thượng, tập trung quanh Hán Vũ Đế, đều có những cống hiến kiệt xuất.

Hán Thư của Ban Cố có lời khen ngợi Hán Vũ Đế rằng: *“Tham vấn khắp thiên hạ, trọng dụng bậc hiền tài, giúp ông lập công”*.

Hán Vũ Đế cầu hiền như khát nước, trong phạm vi toàn quốc chỉ cần có tài là để cử, lập lên sự nghiệp bất hủ. Về phương diện biết người, dùng người, Hán Vũ Đế có tầm lòng quảng đại khoan dung cùng huệ nhãn thức nhân, do đó nhân tài thời này vượt xa hai thời Hán trước. Cho nên Ban Cố đánh giá rất cao: *“Trong các triều Hán, triều này là có nhiều nhân tài nhất”*.

Các triều đại trong lịch sử đều có chế độ tuyển dụng và đề bạt nhân tài, thời Hạ, Thương, Tây Chu thực hành “Thế khanh thế lộc chế” (*Chế độ chức quan và bổng lộc truyền thế*). Thời Chiến Quốc xuất hiện “Quân công

tước chế độ” (*Chế độ ban tước dựa trên chiến công*) cho đến “*Dưỡng sĩ*” (*nuôi dưỡng môn khách*). Nhà Tần dùng công lao khai phá ruộng đất và quân công làm căn cứ tuyển quan, cũng xuất hiện chế độ tiến cử.

Phần trước chúng ta đã biết, Hán Vũ Đế hưng Thái học, đặt chế độ Bác sĩ và đệ tử, kiến lập chế độ học Kinh tuyển quan, đào tạo cho quốc gia những quan viên ưu tú, tài đức vẹn toàn. Hán Vũ Đế không chỉ tôn sùng Nho học, mà nhân tài ở các lĩnh vực khác, ông cũng cầu hiền như khát nước. Nhân tài quanh ông cũng chỉ có một bộ phận



Tranh vẽ Đồng Trọng Thư. (Miền công cộng)

là từ Nho học. So sánh với thời Sơ Hán, Hán Vũ Đế thiết lập chế độ khảo sát đa dạng để tuyển quan, chiêu hiền nạp sĩ trên quy mô lớn, trợ giúp ông sáng lập lên một vương triều hưng thịnh chưa từng có trước đây.

Thời Sơ Hán tuyển quan

Thời Sơ Hán, các hạng mục chế độ vừa mới lập ra, chế độ bổ nhiệm sử dụng quan viên chưa hoàn thiện, cho dù có xuất hiện nhiều nhân vật tài hoa khi ấy, nhưng quan tước công khanh đều là những người phú quý, thân cận, còn người thường, đặc biệt là học sinh nghèo, thì rất khó đặt chân chốn miếu đường. Trước thời Hán Vũ Đế, chế độ tuyển quan của nhà Hán có ba loại:

Loại thứ nhất là quý tộc. Đại đa số là những vị khai quốc công thần, chiến đấu trên lưng ngựa, do vậy khi luận công ban thưởng, phong hầu, phong vương rất nhiều. Ví dụ thời Sơ Hán, có hơn trăm vị được Hán Cao Tổ phong làm Liệt Hầu. Khi ấy, công khanh triều đình và các trưởng quan địa phương, hầu hết được tuyển chọn và bổ nhiệm từ các quý tộc có công bên dưới Liệt Hầu. Từ thời Cao Tổ, Cảnh Đế, nhà Hán có 12 Thừa tướng, đều xuất thân từ Liệt Hầu; 15 vị Ngự sử Đại phu, tuyệt đại đa số cũng xuất thân từ Liệt Hầu.

Loại thứ hai là chế độ sử dụng con quan. Trong “Hán quan nghi” (*Nghi thức Hán quan*) có ghi chép, quan viên có bổng lộc từ 2 nghìn thạch trở lên, hết nhiệm kỳ ba năm, có thể lấy một con em, phong làm quan Lang.

Loại thứ ba là chế độ tuyển chọn theo tài sản. Bình dân bách tính có tiền tài nhất định thì có thể được chọn làm quan. Tiêu chuẩn thông thường là: “*Nhiều tiền tài chức Lang, ít tiền tài chức Lại*”. Thời Hán Văn Đế quy

định, tài sản có 10 vạn tương đương tài phú bậc trung. Trương Thích Chi nhờ có gia tài 500 vạn mà được tuyển chọn làm chức Thường Thị Lang, sau làm tới Đình Úy. Nhưng vào những năm cuối Cảnh Đế, tiêu chuẩn này hạ xuống còn 4 vạn.

Ngoài ra, Hoàng Đế thời Sơ Hán cũng tôn trọng hiền sĩ, Hán Cao Tổ từng ban chiếu cầu hiền, mở rộng việc chiêu hiền cử sĩ tới các chư hầu, quận, huyện. Khi trưởng quan địa phương phát hiện nhân tài, tự thân đến khuyên nhủ cổ vũ, tiến cử họ đến Phủ Thừa tướng, dùng xe công cung kính đưa lên kinh đô, để đợi triều đình trưng dụng. Phương thức chiêu hiền này, có thể coi là tiền thân của các phương thức tuyển dụng sau này. Nhưng có điều đáng tiếc, việc chiêu hiền cử sĩ này lại không trở thành chế độ và quy mô ở thời Sơ Hán, trước thời Hán Vũ Đế, triều đình chỉ có hai lần chiêu hiền, hai lần cử Hiếu liêm. Cho nên, chiêu nạp được ít nhân tài, lượng lớn nhân tài vẫn trong nhân gian, đợi một minh quân chân chính phát hiện sử dụng.

Đến thời Hán Vũ Đế, trong “Thiên Nhân tam sách” của Đổng Trọng Thư, chỉ thẳng ra tệ nạn của chế độ tuyển quan thời Sơ Hán. Ông nói: *“Quan lại, quận thú hiện nay, đa số xuất thân từ Lang trung, mà Lang trung lại tuyển dụng từ con em của Đại quan, y vào thân phận phú quý, khó mà trở thành hiền minh. Thời cổ khảo hạch công lao quan lại, xét xem làm quan đã xứng với chức danh chưa, chứ không xét nhiệm kỳ dài ngắn.”*

Ông còn nói: *“Sau thời gian lâu, quan lại dựa nhiệm kỳ mà thăng quan, liêm khiết và vô sỉ lẫn lộn, người tốt người xấu không phân biệt, hiền tài chân chính chẳng phải là bị đẩy ra ngoài sao?”*



Tranh vẽ Hán Vũ Đế. (Miền công cộng)

Đổng Trọng Thư còn đưa ra các biện pháp cải thiện: *Các vị chư hầu, quận thú hoặc cao quan khác, mỗi năm phải lựa chọn hai vị hiền tài trong chức lại, hoặc trong dân để tiến cử. Nếu người được tiến cử xác thực là hiền tài, thì sẽ thưởng cho người tiến cử, nếu không phải vậy sẽ trừng phạt.* Ông cho rằng, như vậy các chư hầu, cao quan sẽ tận tâm tìm kiếm hiền tài, người tài đức trong thiên hạ sẽ được Hoàng Đế sử dụng.

Hán Vũ Đế hùng tài đại lược, sau khi lên ngôi muốn thành tựu văn trị võ công, nhưng bị đám sủng thần quần chân, kiến nghị của Đổng Trọng Thư vừa hợp ý ông. Nhưng xem Hán Vũ Đế lựa chọn cách nào để tuyển quan, để chiêu nạp tinh anh trong thiên hạ?

Chi đề cử hiền tài

Mọi người đã biết “Sát cử chế” (*Chế độ đề cử, sát hạch*) là chế độ tuyển quan điển hình nhất của Hán Vũ Đế, đề cử từ thấp đến cao, qua khảo hạch nhân tài mà tuyển quan, là một chế độ được xác lập và hoàn thiện ở thời Hán Vũ Đế. Ông từng hạ chiếu yêu cầu: “Cử hiền lương phương chính, năng trực ngôn cực gián giả” (*Tạm dịch: Đề cử người hiền lương chính trực, có khả năng dùng lời ngay thẳng mà tận lực can gián*), đồng thời định ra các vòng thi. Người được đề cử sau khi qua thi tuyển, do chính phủ sử dụng tùy theo tài năng, năng lực.

Tuy nhiên ban đầu, người được tiến cử đại đa số là thân thích, hoặc bằng hữu của người tiến cử, hiền tài không nhiều. Do vậy, sau khi nghe kiến nghị của Đổng Trọng Thư, Hán Vũ Đế liền cho mở rộng phạm vi, mức độ đề cử, trở thành phương thức tuyển bạt chủ yếu nhất trước khi chế độ khoa cử trong lịch sử Trung Hoa ra đời.

Cuối năm Nguyên Quang thứ nhất (năm 134), Hán Vũ Đế hạ chiếu lệnh các địa phương quận quốc mỗi nơi tiến cử một người hiếu liêm. “Hiếu” là chỉ người con hiếu thuận, “Liêm” là chỉ chức lại thanh liêm, họ đều là những đại biểu phẩm hạnh ưu tú ở địa phương. Tuy nhiên, khi Hán Vũ Đế mở rộng phạm vi tuyển cử, đã gặp sự phản đối của một số đại thần. Họ lo lắng rằng từ đây, con em trong họ tộc khó thuận lợi tiến thân, do vậy có một số nơi dùng câu “Dã vô di hiền” (*Không còn người hiền tài nào bị bỏ sót ở địa phương*) tấu lên Hán Vũ Đế.

Hán Vũ Đế tuy giận nhưng không trừng phạt họ, mà soạn một chiếu thư, nói rõ cho thiên hạ biết tính quan trọng của chế độ tuyển cử, đồng thời cho các đại thần thảo luận. Ông viết trong chiếu thư: *“Trẫm mệnh lệnh quận quốc tiến cử hiếu tử liêm lại, là để làm gương, kế thừa sự nghiệp của Thánh nhân. Khổng Tử đã nói ‘Thập ốc chi ấp, tất hữu trung tín’ (Ấp có 10 hộ dân, tất có người trung tín), ‘Tam nhân hành tất hữu ngô sư’ (Trong 3 người cùng đi, tất có người là bậc thầy của ta), hiện nay có những quận huyện không tiến cử được một người hiền. Từ cổ đến nay, tiến cử nhân tài thì được thưởng, áp chế nhân tài phải chịu phạt. Nay ta lệnh cho các quan thương nghị về tội danh không tiến cử hiền tài.”*

Các quan phụ trách việc tuyển cử rất nhanh chóng đã có kết quả thương nghị tấu lên: *“Không tiến cử hiếu tử, là không phụng chiếu, nên trị tội đại bất kính; không tiến cử liêm lại, là danh không xứng chức, nên cách ngay chức quan.”*

Hán Vũ Đế lấy điều này chiếu cáo toàn quốc. Sau khi hạ chiếu chỉ, quan viên các nơi không dám chậm trễ, tấp

nạp tiến cử hiền tài. Số lượng lớn người hiền đức được tiến cử, qua khảo hạch mà tiến nhập triều đình.

Theo ghi chép trong “Thông điển”, năm Nguyên Thú thứ 6 (năm 177), Hán Vũ Đế lại hạ chiếu thư chi tiết về việc tuyển bạt: *Quận quốc nhân khẩu 20 vạn, mỗi năm tiến cử một người; 40 vạn tiến cử hai người, theo đó mà làm.* Đồng thời định ra 4 đại khoa mục để khảo sát, so với thời Hán Văn Đế chỉ có hiếu liêm và hiền lương, thì hoàn bị hơn: *“Thứ nhất là đức hạnh cao khiết, chí khí tiết độ trong sáng; thứ hai là học vấn tinh thông, tu dưỡng phẩm hạnh, làm Bác sĩ học kinh; thứ ba hiểu rõ pháp lệnh, có khả năng cân nhắc, xử án, nhậm chức Ngự sử; thứ tư cương nghị có sách lược, gặp việc không dao động, nhìn rõ kẻ gian, có dũng quyết đoán, làm Tam Phụ Lệnh”.*

Nói một cách cụ thể, căn cứ vào bốn tiêu chuẩn này phân loại, lấy “Đức” làm đầu có hiếu liêm, hiếu liêm phương chính, chí hiếu, đôn hậu; lấy “Kinh học” làm chủ, ở đây là chỉ kinh điển của Nho gia; lấy “Văn pháp” làm chủ, tức tuyển bạt nhân tài thông hiểu luật lệnh; lấy “Tài năng” làm chủ, dũng mãnh, hiểu binh pháp, rõ biến động âm dương. Nhưng tất cả các khoa mục đều lấy đức hạnh làm đầu, về học vấn lấy Nho học làm chủ. Đây chính là thể hiện cụ thể của việc thúc đẩy sách lược “Tôn Nho thuật” của Đổng Trọng Thư mà Hán Vũ Đế bắt đầu thực hiện.

Năm thứ 5 Nguyên Phong (năm 106), những văn võ danh thần thời kỳ đầu của Hán Vũ Đế, đại đa số là về hưu hoặc già chết, triều đình rất thiếu nhân tài, nên Hán Vũ Đế hạ chiếu tăng thêm khoa “Mậu tài dị đẳng” (Có tài đặc biệt), cũng nói cứ có tài là tiến cử, đặc biệt là những

nhân tài có thể đảm nhiệm các chức tướng, hoặc đi sứ nước ngoài.

Hán Vũ Đế thông qua phương thức này mà tuyển dụng được một lượng lớn người tài đức. Các đế vương đời sau không ngừng hoàn thiện, Hán triều chế độ đề cử phân thành hai khoa lớn, Tuế khoa và Đặc khoa. Tuế khoa bao gồm hiếu liêm, mạo tài (tú tài), sát liêm, quang lộc tứ hạnh, lấy khoa hiếu liêm làm trọng. Đặc khoa phân thành thường kiến đặc khoa và nhất ban đặc khoa, lấy hiền lương phương chính làm trọng.

Có thể nói, “Sát cử chế” của Hán Vũ Đế đã khai sáng ra đế nghiệp huy hoàng, đặt nền móng cơ sở vững chắc. Quy chế này được thực thi trong suốt 1300 năm, trở thành quy chế tuyển quan lại trọng yếu trong lịch sử Trung Quốc cổ đại.



*Thời kỳ Hán Vũ Đế, quan lại, thứ dân có tài có thể dâng thư tự tiến cử.
Tranh “Các vị tiên hiền” của Triệu Ung đời Nguyên. (Miền công cộng)*

Thời kỳ Hán Vũ Đế, quan lại, thứ dân có tài có thể dâng thư tự tiến cử, trình bày chủ trương chính trị với triều đình, gọi là “Bắc khuyết thượng thư” (*Dâng thư cửa Bắc*), hoặc “Công xa thượng thư” (*đưa thư cho Công xa - Công xa là tên gọi bộ phận tiếp nhận*).

Quan lộ rộng mở

Ngoài hai chế độ bồi dưỡng tuyển dụng nhân tài là “Sát cử chế” và “Thái học”, Hán Vũ Đế còn ra sức mở rộng tìm kiếm hiền tài, áp dụng phương thức tuyển quan linh hoạt, không chỉ dùng chỉ dụ hậu lễ triều đình đối đãi, mà còn cho phép người có tài tự tiến cử (như Mao Toại tự tiến), trực tiếp đối thoại với Hoàng đế. Mở ra chế độ tuyển quan đa dạng, tụ tập quanh mình toàn danh thần chân tài thực học, nên nói: thời Hán Vũ Đế “Dã vô di hiền” (*Không còn người hiền tài nào bị bỏ sót*) kể cũng không quá.

Năm Nguyên Thú thứ 6, Hán Vũ Đế phái 6 vị Bác sĩ quan, đến các nơi tìm kiếm hiền năng ẩn sĩ, tiến cử cho Hoàng đế, chính thức đưa “Trung chiêu chế” (chế độ chiêu mời) trở thành chế độ tuyển quan của triều đại nhà Hán. Gọi là trung chiêu, là nói về Thiên tử đối với những bậc đức cao vọng trọng, bậc túc Nho có tài năng nhưng không muốn ra làm quan, phái lễ quan cùng lễ tiết long trọng tới đón, khẩn mời vào triều làm quan. Với người ưng thuận, do Thiên tử đích thân chiêu kiến, không qua sát hạch mà trực tiếp nhậm chức quan. Trung chiêu cũng phân ra phổ thông và cá biệt, khác nhau ở chỗ tùy vào đối tượng được chiêu nạp.

“Trung chiêu chế” được thi hành từ thời kỳ đầu khi Hán Vũ Đế tại vị, ông dùng xe êm che lụa trắng, long

trọng thỉnh mời được Mai Thừa và Lỗ Thân Công, trở thành câu chuyện kinh điển của việc lễ hiền đãi sĩ. Năm Nguyên Quang thứ 5 (năm 117), Hán Vũ Đế lại hạ trung chiêu lệnh: *Vô luận quan lại hay thứ dân, chỉ cần thông hiểu chính sách, có học thức tài cán, là có thể được quan kinh đô dẫn tiến vào triều, dọc đường được chính phủ cấp đồ ăn thức uống.*

Tào Tháo từng nuôi tiếc chiêu nạp Quan Vũ trong câu thơ: “Thanh thanh tử khâm, du du ngã tâm” (*Xanh xanh đai áo của người; Sầu sầu phiền muộn nhớ người hôm nao*) biểu đạt sự tôn trọng và khát vọng cầu hiền. Thành ý chiêu hiền nạp sĩ của Hán Vũ Đế cũng được thể hiện đầy đủ trong chiếu thư của ông.

Còn có quan lại, thứ dân tài năng dâng thư tự tiến cử, trình bày với triều đình chủ trương chính trị của mình, gọi là “Bắc khuyết thượng thư” (Dâng thư cửa Bắc), do triều đình nhận thư dâng ở phía Bắc cung điện nên gọi như vậy. Người tự tiến có một bộ phận gọi là Công xa lệnh tiếp đãi, quản lý, do vậy phương thức này cũng được gọi là “Công xa thượng thư”. Nếu người tự tiến có thực tài, thì cũng được trọng dụng, không cần xem thành phần xuất thân. Hán Vũ Đế hết sức coi trọng những người tự tiến, thường tự thân đọc duyệt thư dâng, tuyển bạt nhân tài.

Trong lịch sử Tây Hán còn lưu lại dấu ấn của các danh thần như Đông Phương Sóc, Chu Mãi Thần và Chủ Phụ Yển, thông qua phương thức này mà được tuyển bạt. Ví dụ Đông Phương Sóc, tính cách khôi hài, ngôn từ mẫn tiệp, nổi tiếng là hoạt kê đa trí, lần thứ nhất dâng thư cho Hán Vũ Đế, ông mang đến ‘thư tự tiến cử’ 3 nghìn thẻ tre, dùng hai người mới khiêng nổi, Hán

Vũ Đế phải mất hai tháng mới đọc hết. Thấy rõ Đông Phương Sóc không phải tầm thường.

Còn Chu Mãi Thần, mới đầu chỉ là một thư sinh nghèo khó, 40 tuổi vẫn đồn củi nuôi thân, sau đó dâng thư lên triều đình nhưng không thấy hồi âm, may sao gặp đồng hương làm chức Trung Đại Phu tiến cử, được Hán Vũ Đế tiếp kiến. Chu Mãi Thần giảng giải kinh Xuân Thu, Sở từ được thưởng và phong chức Trung Đại Phu, sau này có công trong việc hiến kế sách bình định Đông Việt quốc, được phong Thái Thú.

Còn Chủ Phụ Yển, vừa dâng thư là được Hán Vũ Đế triệu kiến, phong làm Lang Trung, còn được đề bạt vượt bậc. Sau này, Hán Vũ Đế muốn tập trung quyền lực về



Vệ Tử Phu do Bình Dương công chúa tiến cử, do có giọng hát hay cùng mái tóc đẹp mà được Hán Vũ Đế sủng ái. Tranh “Nữ nhạc đồ” của Cừ Châu đời Minh. (Miền công cộng)

triều đình trung ương, nên ban bố thi ân, cho phép các Vương chư hầu chia đất cho con em họ, làm như vậy các nước chư hầu càng ngày càng nhỏ, quốc lực cũng yếu nhược, không thể chống lại triều đình. Kiến nghị quan trọng này là do Chủ Phụ Yến đề xuất.

Không câu nệ cứng nhắc

Thông qua những phương thức trên, Hán Vũ Đế thu thập được rất nhiều nhân tài hiền sĩ trong thiên hạ. Ngoài ra, anh hùng bất vấn xuất xứ, Hán Vũ Đế tuyển dụng nhân tài không câu nệ cứng nhắc, có khí lượng bao dung tất cả anh hùng trong thiên hạ. Trong phần đầu chúng tôi đã đề cập, trong Mậu Lăng có hai ngôi mộ bồi táng hình quả núi, là của Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh, họ xuất thân thấp kém, nhưng có võ công cao cường, tài hoa quân sự xuất chúng, không phải thân thích vương tộc nhưng vẫn được Hán Vũ Đế tín nhiệm và trọng dụng, lập lên quân công bất hủ bình định Hung Nô, trở thành danh tướng nhà Hán.

Trong “Sử ký” có ghi, thân mẫu của Vệ Thanh tên là Vệ Ảo, là nô tỳ của Bình Dương công chúa, chị của Hán Vũ Đế, sinh được một nam ba nữ. Một trong ba nữ là Vệ Tử Phu, là Hoàng Hậu thứ hai vang danh thiên hạ của Hán Vũ Đế. Vệ Ảo sau này sinh với người khác một con trai tên là Vệ Thanh. Thừa nhỏ Vệ Thanh rất cực khổ, sống ở trong nhà cha mình nhưng bị ngược đãi suốt ngày. Khi lớn lên, làm nô bộc dắt ngựa cho Bình Dương công chúa. Có một lần, Vệ Thanh theo người ta đến cung Cam Tuyền, một người tù thấy tướng mạo của ông nói: *“Đây là tướng mặt của quý nhân, quan tới chức Hầu.”*

Vệ Thanh cười khổ nói: *“Tôi là con của nô lệ, chỉ cầu không bị đánh chửi, cũng là sướng rồi, còn nói gì đến lập công phong hầu?”*.

Năm Kiến Nguyên thứ 2 (năm 139), Thiên tử Hán Vũ Đế 18 tuổi, đến Hồng Môn Yến tế tổ cầu phúc, thuận đường tới thăm Bình Dương công chúa. Do Trần Hoàng Hậu nhiều năm vô sinh, Bình Dương công chúa học theo cô cô Quán Đào công chúa, tiến cử mỹ nữ cho em mình. Vệ Tử Phu có tiếng hát say lòng cùng mái tóc mỹ lệ mà được Hán Vũ Đế sủng ái, cho nhập cung. Theo địa vị của chị là Vệ Tử Phu thay đổi, Vệ Thanh cũng được làm sai dịch trong cung. Khoảng một năm sau, Vệ Tử Phu có mang, ân sủng càng thêm lớn, mẫu thân của Trần Hoàng Hậu là công chúa Quán Đào chuyển giận sang Vệ Thanh, muốn giết ông, may thay, bạn ông là Công Tôn Ngao nhanh tay cứu thoát. Đại nạn không chết, Vệ Thanh do họa mà đắc phúc, sự việc này kinh động đến Hán Vũ Đế, nên triệu kiến Vệ Thanh. Hán Vũ Đế trọng dụng tài hoa của ông, phong làm Kiến Chương Cung Giám, Thị Trung, Thái Trung Đại Phu, có phú quý công danh từ đây.

Năm thứ 6 Nguyên Quang (năm 129), Vệ Thanh đảm nhiệm Xa Kỵ tướng quân chinh thảo Hung Nô, 7 trận toàn thắng, mở rộng biên cương miền Bắc Tây Hán, lập công lao to lớn. Ông không chỉ giỏi cầm quân đánh trận, mà còn có phẩm hạnh đoan chính, kính trọng hiền tài, không nuôi môn khách, do đó được phong làm Trần Bình Hầu, quan chức Đại Tư Mã Đại Tướng Quân, được bàn soạn quyết sách trong triều. Sau khi Vệ Thanh bị bệnh mất đi, được đặt Thụy hiệu là “Liệt”, có nghĩa là

có công đức to lớn, lăng mộ cũng được xây hình quả núi để ghi nhận công lao hiển hách của ông.

Hoắc Khứ Bệnh là con riêng của chị Vệ Tử Phu, cũng là cháu ngoại Vệ Thanh. Do thân thế đặc thù, từ nhỏ đã học cưỡi ngựa bắn cung, kiếm thuật võ nghệ, 17 tuổi đã được Hán Vũ Đế phong làm Phiếu Diêu Hiệu Úy, hai lần cùng Vệ Thanh thâm nhập phía Nam sa mạc truy kích Hung Nô. Hai lần xuất chinh đều anh dũng quả cảm nổi bật, được phong Quán Quân Hầu. Hai năm sau, Hoắc Khứ Bệnh với chức vụ Phiếu Kỳ tướng quân tiếp tục thảo phạt Hung Nô, trợ giúp Hán Vũ Đế khống chế địa khu Hà Tây, đặt định nền móng khai thông Tây Vực. Dân Hung Nô lưu truyền ca dao: *“Ta mất Kỳ Liên Sơn, gia súc không kịp thở, mất cả Yên Chi Sơn, vợ con không nhan sắc!”*, ông cùng cậu mình là Vệ Thanh đều được phong Đại Tư Mã, sau này tuổi trẻ bạc mệnh, mộ của ông được kiến trúc như hình Kỳ Liên Sơn, bồi táng cùng Đế Lăng, hiển dương công lao khắc định Hung Nô của ông.

Ngoài hai vị Hoắc, Vệ ra, xung quanh Hán Vũ Đế còn nhiều truyền kỳ về các hiền tài, như Đại Thần Kim Nhật Di là người Hung Nô, là tù binh. Tang Hoảng Dương là con trai của một nhà buôn bị kỳ thị khi ấy, do Hán Vũ Đế quý trọng hiền tài mà trở thành đại thần rường cột quốc gia, giúp Hán Vũ Đế kiến tạo lên sự nghiệp huy hoàng.

Chương 5: Trấn định biên cương, tấn công Hung Nô

Hán Vũ Đế Lưu Triệt, Vũ Đế là thụy hiệu của ông, thụy hiệu chính thức là “Hiếu Vũ Hoàng Đế”, sau này người ta giản lược chữ “Hiếu”, gọi ông là “Hán Vũ Đế”, đây cũng là thể hiện sự sùng kính đối với công lao hiển hách của Hán Vũ Đế. Thời cổ đại, thụy pháp cho là: người có công khắc định họa loạn, mở mang bờ cõi, thì được dùng thụy hiệu là “Vũ” (Võ). Những quân vương có thụy hiệu “Vũ” trong lịch sử có: Chu Vũ Vương, Ngụy Vũ Đế, họ hầu hết là hoàng đế khai quốc, trong binh lửa mà có được thiên hạ, suất lĩnh tinh binh mãnh tướng mở rộng biên cương, kiến lập lên công tích huy hoàng trong lịch sử quân sự.

Hán Vũ Đế là vị hoàng đế thứ 7 thời Tây Hán, biên cương triều Hán luôn bị uy hiếp từ khi lập quốc, mãi chưa giải quyết được. Với lý niệm chấp chính vô vi nhi trị thời kỳ sơ Hán, vua tôi lúc đó đối với vấn đề biên cương thì dùng thái độ thỏa hiệp, buông xuôi. Đến thời Hán Vũ Đế, kế thừa tài phú cự đại tích lũy từ thời sơ Hán, ôm hùng tâm tráng chí thu phục giang sơn, thông qua hàng loạt biện pháp quân sự và ngoại giao đối với các quốc gia vùng biên, đã thực hiện được mục tiêu trấn định biên cương, mở mang cương vực, kiến lập lên một đế quốc đa dân tộc, hiển dương vinh diệu và quyền uy của đế quốc Đại Hán ra khắp thế giới.

Do vậy, một chữ “Vũ” dùng khái quát thành tựu một đời của Hán Vũ Đế là xác đáng. Trong phần trước,



Để chuẩn bị đối kháng Hung Nô, Hán Vũ Đế cải cách binh chế, phát triển kỵ binh. Tranh vẽ “Xuất cảnh đồ” đời nhà Minh, bảo tàng Cố Cung Đài Bắc. (Miền công cộng)

chúng ta đã biết về hai đại danh tướng của Hán Vũ Đế là Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh. Chính là do Hán Vũ Đế có huệ nhãn trọng dụng hai vị này mà vương triều Tây Hán đã trấn định được biên cương, giải quyết mối lo từ thời lập quốc, cũng thành tựu lên công tích to lớn của Hán Vũ Đế sáng soi lịch sử ngàn năm. Đó là đánh bại Hung Nô, kẻ thường quấy nhiễu biên cương phía Bắc, an định toàn bộ vùng biên giới phía Bắc.

Họa Hung Nô

Bắt đầu từ tập này, chúng tôi sẽ nói về quá trình trước và sau bình định Hung Nô của Hán Vũ Đế. Hung

Nô là một dân tộc thiểu số phía Bắc, trước thời Hán cũng gọi là tộc Hồ, Quỷ Phương, Sơn Nhung, Hiểm Doãn, trong “Sử ký” nói tổ tiên người Hung Nô là hậu duệ của Hạ Hậu thị, có quan hệ huyết thống với dân tộc Hoa Hạ. Thời nhà Tần, có đạo đã bị đại tướng Mông Điền đánh bại, chạy dạt về sa mạc phía Bắc, hơn 10 năm không dám xuống phía Nam.

Sau khi nhà Tần diệt vong, Hung Nô nhân lúc Hán, Sở tương tranh, quay lại khống chế vùng rộng lớn Tây Bắc Bộ, Bắc Bộ và Đông Bắc Bộ. Sau khi nhà Hán kiến lập vương triều, Hung Nô tham lam tàn bạo liên tục uy hiếp biên cảnh Tây Hán. Trong “Ngôn binh sự sớ” của Trào Thác có nói: *“Hung Nô nhiều lần xâm phạm biên cảnh, quy mô nhỏ thì cướp ít, quy mô lớn cướp nhiều, cướp thành cướp ấp, sát hại lại dân, tàn bạo vô cùng”*.

Để an định phương Bắc, năm 201 TCN, Hán Cao Tổ Lưu Bang đã từng lĩnh đại quân thân chinh Hung Nô, nhưng cuối cùng thất bại, bị vây khốn ở núi Bạch Đăng 7 ngày 7 đêm, sau cùng phải hối lộ Yên Chi, vợ của Thiển Vu - vua Hung Nô, mới thoát hiểm. Sau đó, Hán Cao Tổ đành phải dùng chính sách làm thân, tặng cho tơ lụa vật phẩm, nhằm giảm thiểu can nhiễu của Hung Nô. Những Hán Đế về sau cũng theo chính sách này mà duy trì, không giải quyết được gốc rễ vấn đề, Hung Nô thường xuyên vi phạm hiệp ước hòa bình, xâm phạm biên cương, sát nhân cướp của.

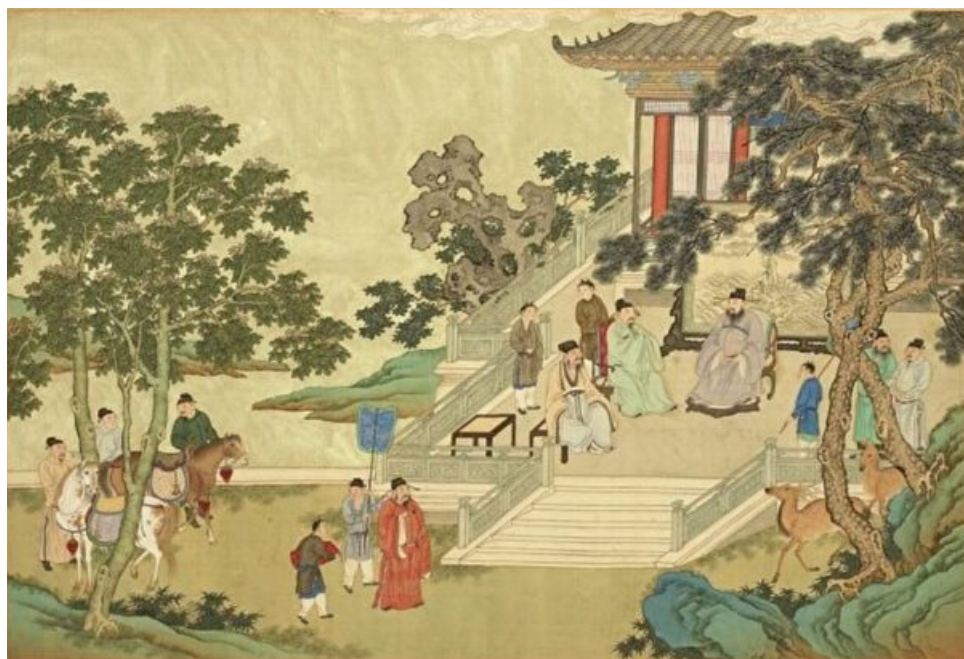
Nhưng hiệp ước hòa bình cũng mang lại cho triều Hán cơ hội nghỉ ngơi dưỡng sức. Đến thời Hán Vũ Đế, quốc gia hưng thịnh, quốc khố chứa đầy, bách tính đủ đầy, đặt cơ sở vững chắc hùng hậu cho việc chinh phạt Hung Nô của Hán Vũ Đế.

Hán Vũ Đế trước khi tại vị, đã nghe nhiều đến việc bạo ngược của Hung Nô, nên sau khi lên ngôi là tích lũy lực lượng chờ thời, chuẩn bị đánh Hung Nô. Về quân sự, Hán Vũ Đế cải cách binh chế, phát triển đội kỵ binh. Quân đội Tây Hán gồm các binh chủng: Xa binh, Bộ binh, Cung nỏ binh, Kỵ binh, Thủy sư binh, nhưng Hung Nô uy hiếp quân Hán chủ yếu là kỵ binh. Hán Vũ Đế nhận ra, muốn đánh bại Hung Nô, phải dùng kỵ binh mà đối kháng, muốn vậy phải có ngựa khỏe, kỵ sĩ dũng mãnh, vũ khí sắc bén, huấn luyện bài bản, tướng lĩnh kiệt xuất.

Tất cả những điều đó, Hán Vũ Đế đều làm được. Đầu tiên đưa số lượng ngựa lên 45 vạn con, đồng thời tuyển bạt những dũng sĩ trung thành dũng cảm, võ nghệ cao cường, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, tổ chức thành hai đội quân thị vệ tinh nhuệ, một gọi là “Kỳ môn lang”, một là “Tập lâm kỵ”, là đội Thị vệ quân đầu tiên do Thiên tử sáng lập trong lịch sử Trung Hoa.

Hán Vũ Đế còn bổ sung mở rộng lực lượng sẵn sàng là “Bắc quân”, đặt chức “Bát hiệu úy”, gồm Đồn kỵ, Bộ binh, Việt kỵ, Trường thủy, Hồ kỵ, Xạ thanh, Hồ bôn, Trung lũy, trong đó hầu hết là Kỵ binh. Để kỵ binh được trang bị vũ khí sắc bén, ông còn lệnh cho kho binh khí hoàng cung sản xuất và cung cấp lượng lớn đao, kiếm, giáo, tên sắt, giáp sắt cùng cung nỏ, binh khí thông dụng được trang bị cho kỵ binh là nỏ nhẹ, giáo dài và đao.

Nỏ nhẹ gọi là “Nỏ bằng đồng”, giống như nỏ thời Tần, là binh khí bắn xa có uy lực lớn. Còn một loại Nỏ nữa là “Đại hoàng” rất lợi hại, vị danh tướng trong lịch sử là Lý Quảng đã từng dùng nó bắn hạ nhiều tướng lĩnh Hung Nô. Giáo dài thường trang bị cho quân sĩ.



Đối với Hung Nô thì hòa hay là đánh, Hán Vũ Đế thường triển khai thảo luận ở triều đình. Tranh “Phúc thọ tề thiên sách. Gia hựu tứ chân”, không rõ tác giả. (Miền công cộng).

Hán Vũ Đế nhanh chóng thiết lập xong quân đoàn kỵ binh uy mãnh hùng tráng, chỉ cần thời cơ thích hợp là vị thiên tử Đại Hán có thể phát động cuộc chinh phạt Hung Nô.

Đêm trước đại chiến

Thời Hán Vũ Đế, quan hệ Hán, Hung có thể phân làm ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là lấy hòa mà chiến, trù hoạch sách lược. Khi mới lên ngôi, Hán Vũ Đế rất căm giận Hung Nô bội tín bất nghĩa, muốn động binh thảo phạt, nhưng suy xét: thứ nhất là thiên tử vừa mất, chính quyền chưa ổn định; thứ hai là trong triều đình

còn nhiều vị muốn thủ hòa; thứ ba là động binh lại vi phạm lý niệm vô vi của tiên nhân, Hán Vũ Đế vẫn bị Đậ Thái Hậu dẫn dắt.

Ví dụ năm Kiến Nguyên thứ 6 (năm 135 TCN), Hung Nô cầu hòa, Hán Vũ Đế triệu tập đại thần thương nghị, triều đình đã bắt đầu có tiếng nói chủ chiến. Vương Khôi Nhiệm “Đại Hành Lệnh”, phụ trách ngoại giao quốc gia, ông cho rằng Hung Nô phản phúc khó lường, hung tàn thành tính, cần hưng binh thảo phạt. Nhưng Ngự sử đại phu Hàn An Quốc lại cực lực phản đối, ông nói: Hung Nô là dân du mục, nếu quân Hán bôn ba ngàn dặm tiến đánh, người ngựa mỗi mệt, quá nguy hiểm, chi bằng hòa hoãn ổn thỏa. Các đại thần khác cũng đồng ý hòa hoãn.

Trong “Sử ký Hung Nô liệt truyện” có nói, Hán Vũ Đế tiếp tục kéo dài hòa ước kết minh, hậu đãi Hung Nô, trao đổi mậu dịch, cung cấp đủ đầy; Hung Nô từ Thiên Vu trở xuống đều nguyện ý thân cận Hán triều, thường xuyên lui tới Trường Thành. Nhưng đây chỉ là bề ngoài, Hán Vũ Đế chỉ là ẩn nhẫn tạm thời, trên thực tế đang tích cực chuẩn bị chinh thảo Hung Nô. Ví dụ như phát triển quân đội như nói ở trên, còn phái Trương Khiên đi sứ Tây Vực.

Hai năm sau, năm Nguyên Quang thứ hai (năm 133 TCN), ở huyện Mã Ấp (nay là Sóc Châu, Sơn Tây), một thương gia giàu có tên là Nhiếp Ông Nhất rất lo lắng về nạn cướp bóc của Hung Nô vùng biên, thông qua Vương Khôi, ông đã kiến nghị lên Hoàng đế rằng, sau khi hòa ước, Hán triều đã thủ tín làm Hung Nô tin tưởng, nay chỉ cần lấy lợi mà dụ dỗ, là có thể đánh bại chúng. Hán Vũ Đế lại cho triển khai thương nghị trong triều, trong “Tu

trị thông giám” ghi chép rằng hai phái đại thần tranh luận kịch liệt.

Hàn An Quốc chủ hòa, nói: *“Hán Cao Tổ bị vây khốn, đoạn lương thực 7 ngày, sau khi giải vây, lấy thiên hạ làm trọng, cầu hòa với Hung Nô, tiếp theo 5 đời đế vương, quốc gia đều có lợi ích từ việc hòa hoãn đó”*.

Vương Khôi phản bác: *“Cao Tổ không phục thù, là vì sự an định của thiên hạ. Nhưng bây giờ thiên hạ đã an định, biên thù nhiều lần cảnh báo, binh sĩ cùng bách tính bị thương vong thảm trọng”*.

Hàn An Quốc nói: *“Quân Hán đường xa mỗi một, thâm nhập xứ địch, vật tư vận chuyển khó khăn, tác chiến rất khó, không xuất binh là hơn”*.

Vương Khôi cũng nói thẳng: *“Đánh Hung Nô có thể dụ địch đến biên cương, đặt kỳ quân phục kích, nhất định thắng”*.

Sau cùng bên chủ hòa không nói được gì, Hán Vũ Đế quyết định chính thức cải biến chính sách đối với Hung Nô, từ hòa sang chiến.

Cùng năm ấy, Hán Vũ Đế sắp đặt 6 vị tướng như Hộ quân Tướng quân Hàn An Quốc, Tướng đồn Tướng quân Vương Khôi, Kiêu kỵ Tướng quân Lý Quảng và những người khác, dẫn 30 vạn quân thực hiện kế hoạch dụ địch vào phục kích, Nhiếp Nhất làm nội ứng lừa Thiên Vu Quân Thần, đây là mưu kế nổi danh trong lịch sử gọi là “Mã Ấp chi mưu”.

Nhiếp Nhất nói, ông sẽ giết Lệnh Thừa của Mã Ấp, dâng thành đầu hàng Hung Nô, tất cả tài vật trong thành đều thuộc về Hung Nô. Thiên Vu đều tin là thật, ước định thời gian hành động. Đến ngày ấy, Nhiếp Nhất cho treo vài đầu lâu lên thành, phía Bắc thành cho thả rông



Tranh vẽ Vệ Thanh trong “Một trăm vị anh hùng” của Vương Song Khoan. (Vương Song Khoan đề tặng)

một đàn gia súc, đồng thời cho 30 vạn quân Hán mai phục ngoài thành. Thiên Vu dẫn 10 vạn kỵ binh lao đến Mã Ấp, nhìn thấy gia súc nên sinh nghi hoặc, nên bắt một viên quan vùng lân cận tra hỏi, biết được quân Hán đang mai phục. Quân Hung Nô kinh hoàng rút chạy, khi quân Hán biết tin truy đuổi, thì Hung Nô đã cao chạy xa bay, “Mã Ấp chi mưu” đã thất bại. Vương Khôi nguyên được giao cho tấn công đoàn xe chở đồ của Hung Nô, nhưng khi lâm trận không dám xuất kích, sau đó sợ tội mà tự sát.

Từ đây, quan hệ hòa hảo mấy chục năm đã vỡ, đoạn tuyệt bang giao. Hung Nô nhiều lần quấy nhiễu xâm phạm biên ải, nhưng Hán Vũ Đế đã có chuẩn bị kỹ càng, quân Hung Nô bị nhận đòn đau, bắt đầu cuộc chiến Hán - Hung kéo dài mười mấy năm.

Bộc lộ tài năng

Khoảng 4 năm sau, tức năm Nguyên Quang thứ 6 (năm 129 TCN), Hung Nô lại cử đại quân xâm phạm quấy nhiễu Hán triều, một mạch tiến sâu vào Trương Gia Khẩu, Hà Bắc ngày nay, dọc đường chúng đốt nhà cướp của, bách tính lầm than không thốt nổi lời. Một bản tấu chương cấp báo dày đã tới tay Hán Vũ Đế. Long nhan đại nộ, Hán Vũ Đế nói với cận thần: *“Trẫm đang cần thảo phạt Hung Nô, thì chúng lại tự dẫn xác đến!”*

Hán Vũ Đế tìm phục thời cơ đã lâu, nay là lúc cùng Hung Nô quyết chiến phân cao thấp. Thêm nữa, ông đã có một vị tướng quân sự kỳ tài - Vệ Thanh, người sẽ giúp ông thực hiện việc khắc định Hung Nô.

Tập trước chúng ta đã biết, Vệ Thanh là nô lệ dắt ngựa cho công chúa Bình Dương, chị của ông là Vệ Tử

Phu nhập cung được sủng ái, do vậy mà ông được Hán Vũ Đế để mắt tới mà trở thành cận thần. Nhưng Hán Vũ Đế không vì vậy mà đề bạt Vệ Thanh, mà do ông có thực tài bản cung cưỡi ngựa, là người cẩn thận khiêm tốn, hành sự quả cảm. Trước đại chiến, Vệ Thanh đã đảm nhiệm những chức vụ: Kiến Chương Giám, Thị Trung, Thái Trung Đại Phu, học tập công vụ bên cạnh Hán Vũ Đế, rất được tín nhiệm.

Để chinh thảo Hung Nô, Hán Vũ Đế lập tức triệu kiến Vệ Thanh, Công Tôn Hạ, Công Tôn Ngao, Lý Quảng, giao nhiệm vụ cho họ làm tướng quân xuất chinh Hung Nô, đồng thời nói rõ ý đồ chiến lược lần này, tức dùng sách lược chia quân đột kích, cho người Hung Nô một bài học, để họ lĩnh giáo uy lực quân đội Đại Hán. Nhưng quân Hán không cần thâm nhập sâu vào địch quốc, đợi chuẩn bị xong xuôi mới tấn công lớn. Bốn vị tướng quân mỗi vị cầm vạn quân người ngựa nhanh chóng tới biên ải, đây là lần đầu tiên quân Hán tổ chức phản công trên quy mô lớn.

Trong bốn vị tướng quân, Vệ Thanh và Công Tôn Ngao là được đặc cách đề bạt, không có kinh nghiệm thực chiến trước đây. Công Tôn Ngao lúc đầu là quan coi ngựa của Hán Vũ Đế, do cứu Vệ Thanh mà được Hán Vũ Đế trọng dụng. Đối với hai vị này, bách quan còn có những nghi ngờ. Nhưng Hán Vũ Đế vẫn kiên tín rằng Vệ Thanh trong chiến dịch này sẽ có công tích không kém gì tướng quân Lý Quảng. Quả không sai, Vệ Thanh dẫn đầu kỵ binh từ Thượng Cổ (nay là Hoài Lai, Hà Bắc) xuất phát, không câu nệ theo sách lược ban đầu, tấn công thẳng Long Thành (nay là vùng Xilingol, Nội Mông Cổ), trung tâm chính trị, văn hóa, tế tự của Hung nô,

quân Hung Nô trở tay không kịp, bị bắt làm tù binh hơn 700 người.

Ba lộ đại quân còn lại, Công Tôn Hạ vô công rút lui; Công Tôn Ngao giao chiến với Hung Nô, làm 7 nghìn kỵ binh tử trận, cho nên bị phán tội chết, sau nộp vàng chuộc tội, bị biếm chức làm thường dân. Tướng quân được coi là uy dũng nhất - Lý Quảng, thì bị Hung Nô phục kích, bắt làm tù binh, sau may mắn trốn thoát quay về, bị biếm chức làm dân thường.

Kết quả này, một mặt làm Hán Vũ Đế rất đau lòng, nhưng mặt khác, thắng lợi của Vệ Thanh - người được ông đề bạt, cũng an ủi Hán Vũ Đế rất nhiều, ông lập tức phong Vệ Thanh làm Quan Nội Hầu. Vệ Thanh uy dũng trùm ba quân, một trận lên danh.

Năm sau (năm 128 TCN), người Hung Nô điên cuồng phục thù, cướp phá biên cương, sát hại Thái Thú Liêu Tây, đồng thời xâm phạm Ngự Dương (nay là Mật Vân, Tây Nam Bắc Kinh). Hán Vũ Đế quyết định phát động chiến tranh lần nữa. Lần này ông càng trọng dụng Vệ Thanh, giao cho cầm 3 vạn kỵ binh tinh nhuệ, xuất binh tiến Nhạn Môn phía Bắc, tập trung binh lực, tàn diệt Hung Nô. Đồng thời phái tướng quân Lý Tức dẫn quân tác chiến phối hợp với Vệ Thanh. Hai vị này không phụ mong đợi, diệt mấy nghìn quân Hung Nô, giành đại thắng. Trận chiến Nhạn Môn là thắng lợi chính thức đầu tiên của Hán Vũ Đế trước Hung Nô, cổ vũ sĩ khí cả triều đình.

Trong thời gian này, Lý Quảng cũng làm quân Hung Nô nghe danh mà run sợ. Ông được phục chức Thái Thú Hữu Bắc Bình (nay là Lăng Nguyên, Tây Nam Liêu Ninh), ông từng đoạt cung bắn ngã kỵ binh Hung Nô,



*Tranh vẽ “Xuất cảnh đồ” thời nhà Minh, bảo tàng Cố Cung Đài Bắc.
(Miền công cộng)*

trăm phát trăm trúng. Hung Nô kính sợ gọi ông là “Phi tướng quân” (tạm dịch: Tướng giỏi phi tiễn), vài năm không dám xâm phạm địa giới cai quản của ông.

Thắng lợi Mạc Nam càng làm cho điểm hiểm yếu Sóc Phương thêm vững chắc, triệt để tiêu trừ uy hiếp của Hung Nô đối với kinh đô Trường An.

Thu phục Hà Nam

Sau răn đe Hung Nô, Hán Vũ Đế muốn tiến hành cải cách chính trị, nhưng năm Nguyên Sóc thứ 2 (năm 127 TCN), Hung Nô xâm nhập Thượng Cốc và Ngưu Dương, sát hại hơn nghìn quân dân. Hán Vũ Đế quyết định phát

động chiến tranh quy mô lớn, phản kích Hung Nô, tiêu trừ mối lo biên cương.

Xét đặc điểm Hung Nô di chuyển mau lẹ, Hán Vũ Đế lựa chọn sách lược tránh đối đầu trực diện, dương Đông kích Tây (Tị thực tựu hư). Ông phái Vệ Thanh, Lý Tư cầm quân phản kích, tiến công địa khu Hà Thao là nơi đồn cứ của Hung Nô. Nơi đây thời cổ gọi là “Hà Nam địa”, nơi đây gần quốc đô Trường An, kỵ binh Hung Nô hai ngày là tới, uy hiếp cực lớn đến Hán triều.

Vệ Thanh dẫn đại quân men theo Hoàng Hà tây tiến, tập kích, tiêu diệt 5 nghìn quân Hung Nô, thu về hàng trăm vạn dê, bò, cuối cùng thu phục được “Hà Nam địa”.

Hán Vũ Đế nghe theo kiến nghị của quan đại thần Chủ Phụ Yển, cho lập Sóc Phương quận và Ngũ Nguyên quận, đồng thời cho xây thành Sóc Phương, di dân hơn 10 vạn đến sinh sống trồng trọt. Ngoài ra còn cho tu sửa thành trì của Mông Diêm ngày trước, khôi phục biên cương một dải Âm Sơn.

Việc thu phục “Hà Nam địa” của Hán Vũ Đế có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, không chỉ tăng cường biên phòng dọc Hoàng Hà, giải trừ sự uy hiếp đối với Trường An, mà còn kiến lập lên cơ sở phản kích Hung Nô. Trên thực tế, hành động này của Hán Vũ Đế đã làm Hung Nô tổn thương trầm trọng, Thiên Vu Quân Thần nghe tin lẩn ra ốm, hai năm sau (năm 126 TCN) thì qua đời, em trai là Y Trĩ Gia kế vị. Thiên Vu mới lên (Vua Hung Nô gọi là Thiên Vu) không cam tâm để mất vị trí chiến lược này, nhiều lần tập kích Sóc Phương, Nhạn Môn, Định Tương nhằm đoạt lại địa khu Hà Nam.

Hán Vũ Đế định phản kích, nhưng vừa lúc Hoàng Thái Hậu qua đời. Để thủ hiếu nên Hán Vũ Đế nén giận

trong lòng, không xuất binh. Điều này làm Thiên Vu Y Trĩ Gia nhầm tưởng rằng Hán triều binh lực không đủ để tác chiến, nên xuất binh đánh chiếm phía Bắc Sơn Tây và phía Nam Nội Mông, đồng thời áp ủ tiến công quy mô lớn.

Năm Nguyên Sóc thứ 4 (năm 125 TCN), vua Hung Nô Y Trĩ Gia xuất 9 vạn kỵ binh chia 3 đường tấn công Đại Quận (nay thuộc Hà Bắc), Định Tương (nay là nội Mông Cổ), Thượng Quận (nay là Thiểm Tây), Hung Nô Hữu Hiền Vương cũng nhân cơ hội này tấn công thành Sóc Phương, biên giới phía Bắc nhiều nơi cấp báo. Tuy quân Hán ra sức chống đỡ, nhưng vẫn bị tổn thất nặng nề, vài nghìn người bị bắt đi.

Nhận được tin báo liên tiếp, Hán Vũ Đế nhẫn vô khả nhẫn, tại hội nghị triều đình đề xuất ngay mục tiêu chiến lược “từ phòng Hồ sang diệt Hồ”. Hán Vũ Đế nhận định, phòng vệ đơn thuần, không trừ được gốc của họa, di hại trăm năm, trừ bỏ họa căn sẽ tạo phúc vạn đại, có dốc toàn lực quốc gia cũng phải làm. Khí phách của Hán Vũ Đế đã cổ vũ sĩ khí của triều đình và tướng sĩ.

Mùa Xuân năm sau, Hán Vũ Đế phát động chiến tranh ở Mạc Nam. Vệ Thanh được phong làm Thống Sư, suất lĩnh sáu vị tướng quân cùng 10 vạn kỵ binh tinh nhuệ tiến về phía Bắc tấn công Hung Nô. Một đạo quân do tướng quân Lý Túc, xuất binh Hữu Bắc Bình (nay là nội Mông Cổ Ninh Thành Tây Nam), áp chế Thiên Vu và Tả Hiền Vương, phối hợp với quân chủ lực Vệ Thanh, cũng giành nhiều thắng lợi. Vệ Thanh dẫn một đạo quân rời Sóc Phương, tiến thẳng Mạc Nam, tập kích căn cứ của Hung Nô Hữu Hiền Vương. Hữu Hiền Vương có mơ cũng không tưởng tượng được quân Hán như từ trên

trời rơi xuống, cuống cuồng cùng vài trăm hộ vệ chạy thoát, còn hơn 10 Bì vương (tiểu vương Hung Nô), 10 vạn 5 nghìn người Hung Nô, cùng trên 100 vạn gia súc, đều trở thành chiến lợi phẩm của Vệ Thanh.

Tin báo thắng trận truyền tới kinh thành, Hán Vũ Đế rất đổi vui mừng, ngoài việc phong Vệ Thanh làm Đại Tướng, còn thêm 8 nghìn hộ dân cho ấp cũ, ba con trai đều được phong hầu. Phong thưởng hậu đãi như vậy, thì từ khi Hán triều lập quốc cho đến nay, chỉ có Tiêu Hà thời sơ Hán là được như thế. Vệ Thanh khiêm tốn không nhận, nói đó là công lao của chư tướng sĩ đã xuất sinh nhập tử mà thành.

Kỳ thực, Vệ Thanh có tài có đức, xứng đáng với sự phong thưởng đó. Sử sách còn ghi, Vệ Thanh trị quân hiệu lệnh nghiêm minh, thương xót cấp dưới. Khi lâm trận, ông tiên phong như sĩ tốt; khi có thưởng thì chia hết cho thủ hạ, không giữ riêng mình; dọc đường hành quân, dừng chân cắm trại, binh sĩ nghỉ ngơi trước, ông nghỉ ngơi sau; gặp sông sâu suối xiết, để binh sĩ qua sông an toàn, ông sang sau. Cho nên tướng sĩ đều nguyện ý cùng ông tác chiến. Có thể nói Vệ Thanh là vị tướng lĩnh trung nghĩa mà Trời ban cho Hán Vũ Đế, cũng là chỗ sáng suốt trong việc nhìn người, dùng người của Hán Vũ Đế.

Thắng lợi trong trận chiến Mạc Nam, làm vững chắc thêm cứ địa Sóc Phương, triệt để tiêu trừ mối nguy uy hiếp kinh đô Trường An, chia cắt Hung Nô làm hai, dùng quân đội nhà Hán trị lý.

Chương 6: Hoạch định sách lược – Đại chiến Hung Nô

Từ năm Nguyên Quang thứ 4 (năm 129 TCN) trở đi, Hán Vũ Đế bắt đầu triển khai giao tranh quân sự kịch liệt với Hung Nô ở các địa khu Long Thành, Nhạn Môn, Hà Nam, Mạc Nam. Trong đó, Vệ Thanh xuất thân thấp kém, nhưng dựa tài năng quân sự xuất chúng cùng phẩm đức liêm khiết cao thượng, lập nhiều công lao, làm quân Hung Nô điêu đứng, hiển dương uy lực Đại Hán, làm toàn quốc trên dưới đều phấn chấn.

Vệ Thanh do có công lao to lớn mà được bá tước phong hầu, xứng đáng là đệ nhất danh tướng của Hán Vũ Đế. Lúc này, còn xuất hiện một ngôi sao sáng nữa, ông là cháu ngoại Vệ Thanh, tên là Hoắc Khứ Bệnh. Hai vị đại tướng dũng mãnh liên thủ, quân đội Đại Hán như hổ thêm cánh, rong ruổi sa mạc nhiều lần đánh bại Hung Nô. Hai vị phò tá Hán Vũ Đế, giải quyết được mối lo uy hiếp biên cương mấy chục năm, thành tựu lên sự nghiệp võ công hiển hách một đời của Hán Vũ Đế.

Hai lần xuất quân Định Tương

Từ khi Hán Vũ Đế lên ngôi đến nay, Hán, Hung đã bốn lần giao chiến, do Vệ Thanh có tài tác chiến mà bốn lần đều thắng, làm Hung Nô không dám xem thường triều đình nhà Hán. Tuy nhiên Thiên Vu Y Trĩ Gia không cam chịu thất bại, không lâu sau phái hơn vạn kỵ binh xâm phạm Đại Quận, sát hại Đô úy Châu Anh, cướp đi hơn nghìn người. Mùa Xuân năm Nguyên Sóc thứ 6 (năm



*Tượng điêu khắc Hoắc Khứ Bệnh. (Sigismund von Dobschütz/
Wikimedia Commons)*

123 TCN), Hán Vũ Đế quyết định, giao cho Vệ Thanh - vị đại tướng vừa nhậm chức, suất lĩnh 6 vị tướng lĩnh là Công Tôn Ngao, Lý Quảng, và các tướng khác, dẫn hơn 10 vạn kỵ binh theo hướng Định Tương tiến đánh Hung Nô. Trận này đại thắng quay về, Hung Nô đại bại, tổn thất nặng nề, ổn định suốt một dải Định Tương.

Mùa thu năm ấy, Vệ Thanh lại một lần nữa xuất binh hướng Định Tương, vượt qua dải Âm Sơn, truy sát hơn vạn quân Hung Nô. Trong hai trận Định Tương, quân Hán đã tiêu diệt 1 vạn 9 nghìn kỵ binh Hung Nô. Ở hai chiến dịch này, quân Hán đã thay đổi cách tổ chức quân đội, kiến lập các đội quân trước, sau, trái, phải, do

Vệ Thanh thống nhất chỉ huy, đồng thời trực tiếp chỉ huy quân cung nỏ, từ đó nâng cao năng lực hiệp đồng tác chiến. Đây là lần tổ chức quân đội nghiêm mật nhất trong các trận chiến với Hung Nô của Hán Vũ Đế.

Có hai điểm nổi bật, trong trận thứ hai này, vị đại tướng 17 tuổi - Hoắc Khứ Bệnh, lần đầu tiên xung trận. Ông dẫn 8 trăm kỵ binh, truy kích vài trăm dặm, truy sát hơn hai nghìn quân Hung Nô, giết cha của Thiển Vu Y Trĩ Gia, bắt chú của Thiển Vu là La Cô cùng nhiều tướng quốc, quan lại cấp cao Hung Nô, an toàn rút về. Hán Vũ Đế đánh giá công lao to lớn, phong làm Quán Quân Hầu, ban thực ấp 2 nghìn 5 trăm hộ.

Hoắc Khứ Bệnh trải qua chiến đấu cũng giống như Vệ Thanh, lần đầu xuất trận cũng nhất chiến thành danh, lập chiến công hiển hách. Ông tính cách cương nghị, trí dũng song toàn, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, trẻ tuổi đã nhập cung hầu cận Hán Vũ Đế. Trong trận chiến Định Tương, Hán Vũ Đế nhận định Hoắc Khứ Bệnh là tướng tài hiếm thấy, do vậy đã đề bạt đặc cách làm Phiêu Kỵ Hiệu Úy cầm quân ra trận. Quả nhiên là hậu sinh khả úy, không phụ trông đợi, đã thành một chiến tướng uy danh sát cánh bên Vệ Thanh.

Phần trước chúng ta đã nói tới năm Kiến Nguyên thứ 3 (năm 138 TCN), Trương Khiên nhà Hán lần đầu đi sứ Tây Vực, mười mấy năm bật vô âm tín. Lần này ông xuất hiện trong đội quân với vai trò dẫn đường. Bởi ông thông thuộc địa hình, rõ cỏ cây nguồn nước, làm quân Hán tiến sâu vào hoang mạc mà không bị đói khát. Vậy trong những năm đó đã phát sinh việc gì đối với ông? Nguyên là khi vừa tới hành lang Hà Tây, thì bị Hung Nô câu lưu 10 năm, sau đó lưu lạc tới tộc Đại Nguyệt, ném

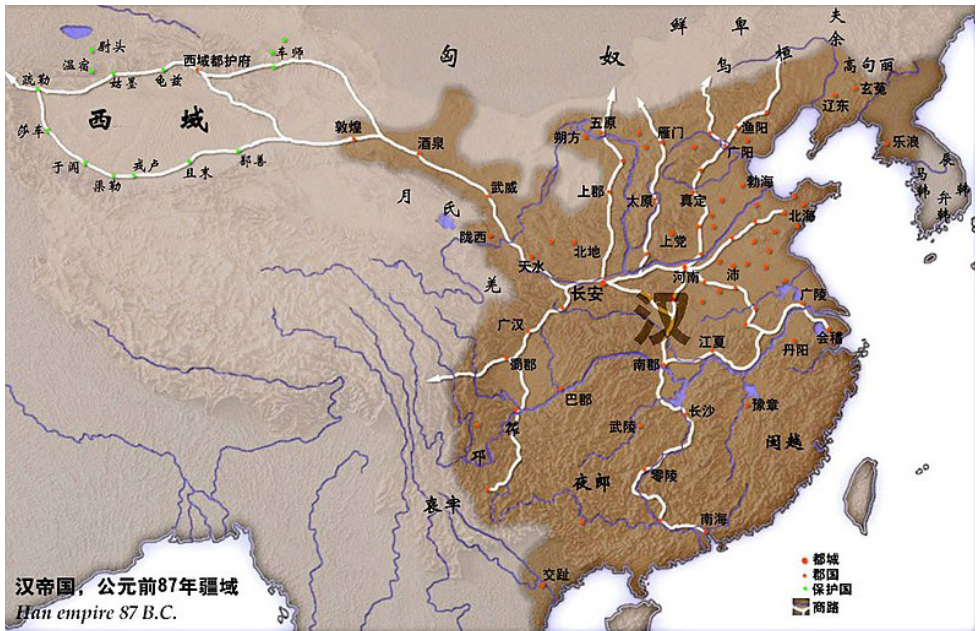
trải gian khổ cùng cực mới trốn thoát về nước vào năm Nguyên Sóc thứ 3 (năm 126 TCN). Từ đó, ông rong ruổi lưng ngựa thảo phạt Hung Nô. Do công lao dẫn đường, cùng công lao đi sứ Tây Vực trước đây, nên sau trận chiến ông được phong Bác Vọng Hầu. Câu chuyện về ông, chúng ta sẽ kể chi tiết ở phần sau.

Hai lần Hán Vũ Đế xuất quân Định Tương đánh Hung Nô, thu nhiều thắng lợi, đồng thời làm quân chủ lực của Hung Nô phải rút về phía bắc sa mạc, tránh xa khỏi biên cương nhà Hán. Đây cũng là yếu tố quan trọng để Hán Vũ Đế triển khai chiến dịch Hà Tây giành thắng lợi sau này.

Trận chiến Hà Tây

Hà Tây, cũng gọi “Hành lang Hà Tây”, do ở bờ tây Hoàng Hà mà có tên như vậy, thời Tây Hán là chỉ địa danh Vũ Uy, Trương Dịch, Tửu Tuyền của Cam Túc ngày nay, là con đường duy nhất nối nội địa với Tây vực, có vị trí chiến lược trọng yếu. Khi ấy, hành lang Hà Tây bị Hung Nô khống chế, uy hiếp sát sườn Hán triều. Để đả thông huyết mạch nối Tây Vực, tăng cường quan hệ với các nước Tây Vực đồng thời củng cố địa khu phía tây, Hán Vũ Đế cho triển khai chiến dịch Hà Tây, lần nữa thể hiện tầm nhìn chiến lược của mình.

Năm Nguyên Thú thứ nhất (năm 122 TCN), một vạn quân Hung Nô ào ào kéo tới, tàn sát mấy trăm người ở Thượng Cốc. Mùa Xuân năm sau, Hán Vũ Đế tổ chức phản công, nhậm mệnh viên tướng mới 20 tuổi - Hoắc Khứ Bệnh, làm Phiêu Kỵ tướng quân, xuất chinh Hà Tây, truy tìm quân đội Hung Nô quyết chiến. Phiêu Kỵ tướng quân có cấp bậc ngang Đại tướng quân, chức



Cương vực đồ thời Hán Vũ Đế. (Kallgan/Wikimedia Commons)

vụ lớn như vậy kiến không ít đại thần kinh động. Vài vị tướng chinh chiến lâu năm cho rằng đem cánh quân cô độc như vậy tiến sâu đất địch là rất nguy hiểm, nhưng Hán Vũ Đế nhận định, để đối phó Hung Nô cần dùng kỳ tướng, xuất kỳ binh.

Hoắc Khứ Bệnh quả nhiên không phụ kỳ vọng của Hán Vũ Đế. Ông dẫn 1 vạn kỵ binh tinh nhuệ tới Lũng Tây (nay là Lâm Thao, Cam Túc), vượt Yên Kỳ Sơn (nay là Đại Hoàng Sơn, Sơn Đan, Cam Túc), tấn công Hung Nô ở hành lang Hà Tây. Ông dùng cách đánh đột kích, thọc sâu hơn nghìn dặm vào lãnh địa của Hưu Đồ Vương, Hung Nô, đại chiến 6 ngày. Tiếp đó kịch chiến với Hung Nô ở chân núi Cao Lan, đánh thắng liên tiếp, tiêu diệt gần 9 nghìn địch quân. Trảm sát Chiết Lan Vương, Lu

Hầu Vương, bắt sống Vương tử Hồn Tà cùng nhiều tướng quốc, Đô úy làm tù binh, đến người bằng vàng mà Hưu Đồ Vương dùng tế Trời cũng bị Hoắc Khứ Bệnh thu làm chiến lợi phẩm mang về.

Chiến dịch này đã làm Hung Nô tổn thương trầm trọng. Hán Vũ Đế hết sức vui lòng. Để kỷ niệm trận này, ông mang người vàng đặt ở cung Cam Tuyền, đồng thời phong thưởng lớn cho Hoắc Khứ Bệnh. Hán Vũ Đế còn dự định xây một biệt phủ lớn cho vị dũng tướng trẻ tuổi này, nhưng Hoắc Khứ Bệnh cự tuyệt, ông nói: “Hung Nô vị diệt, hà dĩ gia vi?” (Hung Nô chưa diệt, sao có thể làm nhà như vậy?), Hoắc Khứ Bệnh thường ngày trầm mặc ít lời, nhưng câu nói này của ông chứa đựng tráng chí ngút trời, đã trở thành danh ngôn thể hiện lòng yêu nước lưu truyền thiên cổ.

Mùa hè năm đó, để đánh đuổi triệt để Hung Nô ra khỏi hành lang Hà Tây, Hán Vũ Đế đã dùng hai đạo quân tiến đánh. Hoắc Khứ Bệnh lại thống lĩnh quân chủ lực xuất kích, mở ra chiến trường phía Tây. Quân đội phía Đông sẽ phối hợp tác chiến với quân chủ lực, do Trương Khiên và Lý Quảng từ Hữu Bắc Bình chia đường xuất phát, tiến đánh Tả Hiền Vương. Kết quả chiến sự không thuận lợi, 4 nghìn quân tiên phong của Lý Quảng bị 4 vạn địch quân bao vây, tử thương quá nửa. Tuyến phía tây của Công Tôn Ngao thì bị chậm trễ.

Cũng may là còn đội kỵ binh của Hoắc Khứ Bệnh liên tiếp thắng trận. Ông dẫn quân từ Tây Bắc hướng sang Đông Nam xuất kích, thâm nhập chiến địa nghìn dặm, tấn công lãnh địa của Hưu Đồ Vương, Hồn Tà Vương. Dưới chân Kỳ Liên Sơn, Hoắc Khứ Bệnh triển khai quyết chiến với chủ lực Hung Nô, diệt hơn 3 vạn

địch quân, bắt vương tướng Hung Nô làm tù binh, tất cả trên 70 người, Tướng quốc, Đô úy dẫn hơn 2 nghìn quân đầu hàng.

Sau đó, Hưu Đồ Vương không chịu đầu hàng, bị Hồn Tà Vương Hung Nô hạ sát, mang 4 vạn quân hàng Hán. Quân Hán giành thắng lợi quyết định. Đối với quân Hung Nô đầu hàng, Hán Vũ Đế cũng đối xử rất rộng lượng. Ông phong cho Hồn Tà Vương làm Vạn Hộ Hầu, đây là cấp cao nhất trong chức Hầu của nhà Hán, ngang hàng với Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh, phong các tiểu vương khác làm Liệt Hầu, ban thưởng nhiều tài vật.

Thắng lợi Hà Tây lần này, làm các vị đại thần tâm phục khẩu phục, ca ngợi Hán Vũ Đế dùng người chính xác, có tâm kiên định trong việc dùng người. Vị tướng quân trẻ tuổi Hoắc Khứ Bệnh cùng Vệ Thanh đều được tôn vinh. Hung Nô bị hủy diệt ở chiến trường phía Tây, họ không những tổn thất ba phần mười binh lực, mà sĩ khí cũng rơi rụng sạch, sẽ khó hồi phục trong thời gian dài.

Mặt khác, sự thống trị của Hán triều nối dài sang địa khu Hà Tây, biên cương cũng mở rộng dọc hành lang Hà Tây và lưu vực sông Hoàng Thủy, nay là phía đông hồ Thanh Hải, đông bắc Kỳ Liên Sơn. Hán triều trước sau thiết lập 5 quận Tửu Tuyền, Vũ Uy, Trương Dịch, Đôn Hoàng, Kim Thành. Hán Vũ Đế còn thu xếp cho 4 vạn người Hung Nô đầu hàng về các quận, tôn trọng phong tục tập quán cùng chế độ xã hội của họ, để họ bảo trì tối đa tính độc lập, lịch sử gọi là “Ngũ thuộc quốc” (5 quốc gia phụ thuộc). Người Khương sống tập trung ở lưu vực Hoàng Thủy cũng bị đuổi dạt về địa khu Canh Tây, liên hệ giữa họ và Hung Nô bị cắt đứt. Cánh cửa lớn

nổi Trung Nguyên và Tây Vực được mở rộng, Hán Vũ Đế đã thực hiện được việc “Chặt tay phải của Hung Nô”, tạo đà cho việc tấn công Hung Nô trên quy mô lớn.

Trận chiến Mạc Bắc

Trận chiến Hà Tây và sự đầu hàng của Hồn Tà Vương làm Hung Nô suy yếu, không đủ sức để quấy nhiễu biên cương phía tây nhà Hán. Nhưng dù mất cánh tay phải, nhưng Vương tộc vẫn còn. Năm Nguyên Thú thứ 3 (năm 120 TCN), Hung Nô lại tập hợp mấy vạn binh mã, phát động công kích phía Đông, cướp người cùng tài vật. Hán Vũ Đế điều động quân đội từ tây về đông để đối phó chủ lực Hung Nô, đồng thời quyết tâm đánh một trận sống còn.

Trải qua một năm chuẩn bị, Hán Vũ Đế phát động một cuộc viễn chinh quy mô lớn, có cự ly xa nhất, huy hoàng nhất trong lịch sử Trung Hoa: chiến dịch Mạc Bắc. Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh đương nhiên là đại tướng thống lĩnh toàn quân, lão tướng Lý Quảng cũng trong trận này. Vệ Thanh dẫn quân nghênh chiến Tả Hiền Vương của



Chân dung bản thân Vệ Thanh, lấy từ “Chân dung các thánh hiền cổ đại” của Cổ Nguyên Tập, vẽ năm Đạo Quang đời Thanh. (Miền công cộng)

Hung Nô, Hoắc Khứ Bệnh thẳng tiến tấn công Thiên Vu Hung Nô. Chiến dịch này, xuất mười vạn kỵ binh, mấy chục vạn bộ binh và quân vận chuyển. Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, mỗi vị dẫn 5 vạn kỵ binh tiến sâu vào sa mạc hoang vu, xa tới 2 nghìn dặm tận đến Lang Cư Tư Sơn (nay là vùng gần Ulanbato Mông Cổ). Có điều trái với dự định, đó là Vệ Thanh thì đánh Thiên Vu Hung Nô, Hoắc Khứ Bệnh đánh Tả Hiền Vương Hung Nô.

Nguyên là Hoắc Khứ Bệnh xuất phát từ Định Tương, qua thông tin của tù binh Hung Nô mà được biết Thiên Vu Y Trĩ Gia đã đi về phía đông, thế là Hán Vũ Đế lệnh Hoắc Khứ Bệnh xuất phát từ Đại Quận, Vệ Thanh xuất phát từ Định Tương, sẽ hội quân ở Mạc Bắc hợp công Thiên Vu. Vệ Thanh dẫn quân tiến nhanh vào sa mạc, triển khai kịch chiến với Thiên Vu. Vệ Thanh là vị tướng lão luyện cơ trí, đã dùng kế dụ địch, tiêu diệt 1 vạn 9 nghìn quân kỵ, Thiên Vu cùng vài trăm hộ vệ trốn thoát. Vệ Thanh cho kỵ binh tinh nhuệ đuổi theo hơn hai trăm dặm, nhưng Thiên Vu đã may mắn thoát thân.

Phía Hoắc Khứ Bệnh cũng tiến sâu 2 nghìn dặm vào sa mạc, tiêu diệt quân chủ lực của Tả Hiền Vương, bắt Hàn Vương, tướng quân, tướng quốc hơn 80 người làm tù binh. Sau đó cho xây đài cao ở ngọn núi lớn nhất Lang Cư Tư, khắc đá ghi công tích, đồng thời cử hành lễ duyệt binh lớn, thể hiện sự uy nghiêm của Hán triều. Đại chiến Mạc Bắc đã thắng lớn, nhưng quân Hán cũng tổn thất thảm trọng. Hơn vạn sĩ binh tử chiến sa trường, tôn thất hơn 10 vạn ngựa, danh tướng Lý Quảng do lạc đường không đến kịp chiến trường, ông không muốn bị xét xử nên đã tự sát. Ông cuối cùng đã không thực hiện được nguyện vọng được phong hầu của mình, để lại nỗi

tiếc nuối như câu nói “Lý Quảng nan phong” (Lý Quảng khó phong hầu).

Nhưng thắng lợi Mạc Bắc có ý nghĩa quan trọng đối với Hán triều. Sử Ký có ghi, đế quốc Hung Nô cường đại hung mãnh nhiều lần uy hiếp nhà Hán đã bị suy sụp, dân Hung Nô phải di dời về nơi xa vắng. Từ đây trong thời gian dài “Mạc Bắc vô vương đình” (Mạc Bắc không có vua), nghĩa là bất kể Thiên Vu hay các vương Hung nô khác, đều không dám kiến lập chính quyền ở Mạc Bắc. Mối lo uy hiếp Hán triều trăm năm đã giải quyết, kết quả này sẽ không bao giờ có nếu không có một Hán Vũ Đế hùng tâm đại lược, can đảm thực thi.

Sau này, Hán Vũ Đế vẫn muốn tiếp tục đánh Hung Nô, tiếp tục chuẩn bị chiêu binh mãi mã. Đáng tiếc là, năm 117 TCN, danh tướng Hoắc Khứ Bệnh qua đời ở tuổi 24. Hán Vũ Đế hết sức đau buồn, truy tặng ông thụy hiệu Cảnh Hằng Hầu, còn điều động xe cộ binh giáp từ 5 quận vùng biên, xếp thành hàng dọc Trường An về đến đông Mậu Lăng, mộ của Hoắc Khứ Bệnh. Hán Vũ Đế còn lệnh cho thiết kế mộ hình Kỳ Liên Sơn, để hiển dương công tích đánh đuổi Hung Nô của Hoắc Khứ Bệnh.

Mười năm sau, Vệ Thanh cũng qua đời. Hán Vũ Đế cho kiến tạo mộ phần hình quả núi Âm Sơn phía đông bắc Mậu Lăng để mai táng Vệ Thanh. Sau này, Hán Vũ Đế cũng không tìm được tướng lĩnh nào kiệt xuất như họ, nên cũng không tiến hành chiến dịch tiến sâu đánh phá Hung Nô. Tuy nhiên, sau trận Mạc Bắc, đế quốc Hung Nô cũng đi vào suy tàn, còn Hán triều không những mở rộng biên cương mà quốc gia càng thêm thống nhất, trong ngoài Trường Thành chặn thả gia súc, bò dê đầy bãi, khôi phục lại cảnh tượng thái bình bị mất từ lâu.

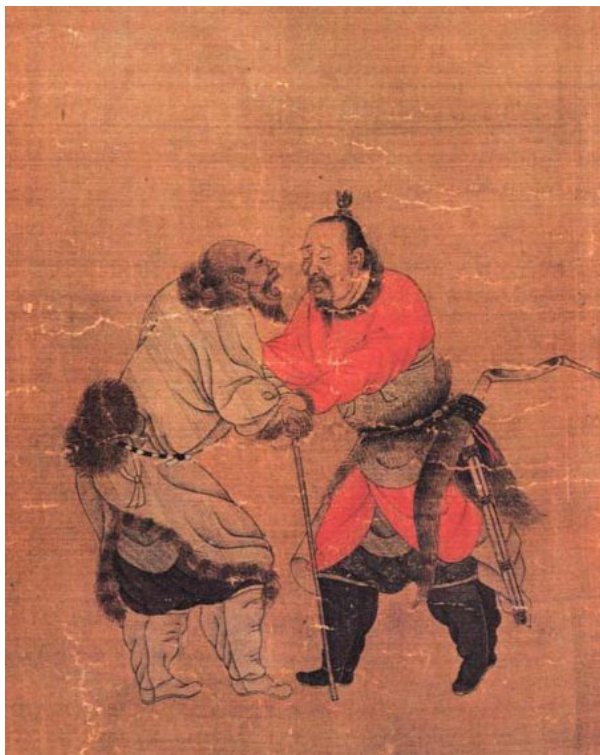
Những lần đại chiến xuất chinh Hung Nô, không chỉ hai vị tướng tài Vệ, Hoắc cùng quân sĩ anh dũng sa trường, mà Hán Vũ Đế trấn định hậu phương, chỉ huy tiền tuyến có tác dụng không thể thay thế. Đầu tiên là Hán Vũ Đế anh minh nhìn ra người tài, có gan trọng dụng người mới. Hán Vũ Đế còn là nhà quân sự, nắm chắc thời cơ, chế định sách lược đều do ông tự quyết. Chính sử còn ghi, Hán Vũ Đế muốn trọng dụng Hoắc Khứ Bệnh nên muốn dạy ông binh pháp Tôn Tử, Ngô Khởi, Hoắc Khứ Bệnh trả lời: “Cổ phương lược hà như nhĩ, bất chí học cổ binh pháp.” Có nghĩa là đánh trận cần chú trọng mưu lược, đâu cần câu nệ vào binh pháp cổ đại. Nhưng chính vì Hán Vũ Đế tinh thông binh pháp, nên mới nhìn ra nhân tài, đồng thời dạy dỗ vun đắp, đưa ra quyết sách chính xác vào thời khắc then chốt.

Tô Vũ chặn dê

Từ năm Nguyên Thú thứ 5 (năm 118 TCN) trở đi, Hán triều và Hung Nô đi vào giai đoạn ngừng chiến dần hòa. Thiên Vu Y Trĩ Gia chủ động phái sứ giả đến đất Hán, thỉnh cầu hòa, nhưng có đại thần cho là nên làm Hung Nô triệt để thần phục Hán triều, phái sứ giả đi khuyên thuyết Thiên Vu. Thiên Vu nghe xong cả giận, bắt giữ sứ giả Hán triều, Hán triều cũng câu lưu sứ giả Hung Nô. Cũng phát sinh vài lần Hung Nô quấy nhiễu biên cương, nhưng không gây ảnh hưởng lớn, nhưng Hán Vũ Đế do Hoắc Khứ Bệnh qua đời, lại bận thu phục biên cương tây nam, nên không tiếp tục phát động chiến tranh với Hung Nô, do vậy biên cương lúc này tạm lắng.

Bốn năm sau, tân Thiên Vu Ô Duy lên ngôi, bắt đầu thương thảo hòa bình. Hán Vũ Đế yêu cầu Hung Nô

xưng thần, Thiên Vu đại nộ nhưng không dám xuất binh, tiếp tục đưa sứ giả sang Hán duy trì quan hệ hòa hảo. Cứ vậy cương trì gần 20 năm, sứ giả hai bên qua lại liên tục, cũng thường xuất hiện tình huống câu lưu sứ giả của nhau. Đến cuối năm Thái Sơ thứ 4 (năm 101 TCN), Thiên Vu Thư Đê Hầu lên ngôi, chủ động giao hảo với Hán triều, nói: “Thiên



Tranh vẽ “Tô Lý biệt ý đồ” của Chu Văn Củ thời Nam Đường – Ngũ Đại. (Miền công cộng)

tử triều Hán (Hán Vũ Đế) là anh trai ta”. Đồng thời cho thả hết những sứ giả nhà Hán không đầu hàng trước đây đưa về nước. Quan hệ căng thẳng đã được giải hòa, Hán Vũ Đế cũng rất vui, năm Thiên Hán thứ nhất (năm 100 TCN), ông cũng đưa trả sứ giả Hung Nô để đáp tạ thiện ý của Thiên Vu, cùng lễ vật hậu hĩnh.

Hoạt động ngoại giao trao trả sứ giả lần này là lần cảm động nhất, Tô Vũ chần dề 19 năm, giai thoại trung nghĩa kiên định lưu truyền thiên cổ là sự kiện phát sinh trong lần này.

Lần đi sứ đó, sứ đoàn triều Hán có 100 người, do Trung Lang Tướng Tô Vũ dẫn đầu, còn có phó sứ Trương Thăng, Thường Huệ. Nhiệm vụ hoàn thành, đáng lẽ Tô Vũ có thể về nước, nhưng nội bộ Hung Nô lại phát sinh mưu phản hành thích Thiên Vu. Phó sứ Trương Thăng cũng đứng đằng sau việc này, liên đới sang Tô Vũ. Tô Vũ định tự sát nhưng bị ngăn lại.

Thiên Vu nghe xong, chuẩn bị khuyên sứ đoàn đầu hàng, Tô Vũ trả lời: “Cúi đầu chịu nhục, có thể giữ mạng, nhưng mặt mũi nào mà quay về Hán!” - nói xong rút dao tự sát. Thực ra ông đã tắt thở rồi, nhưng được cứu sống. Thiên Vu rất khâm phục khí tiết Tô Vũ, sớm tối cho người thăm nom, càng muốn chiêu hàng Tô Vũ. Người đến khuyên hàng tên Vệ Luật. Trước tiên, trước mặt Tô Vũ, Vệ Luật ra tay giết chủ mưu, xong đưa kiếm uy hiếp nói: “Phó sứ có tội, trưởng quan cũng liên đới”.

Tô Vũ trơ trơ bất động, đồng thời vặn lý: “Tôi không tham dự kế hoạch, cũng không phải thân thuộc, dựa vào đâu mà nói liên đới?”

Vệ Luật thấy dọa không được, bèn dùng lợi dụ dỗ: “Tôi đầu hàng xong hưởng thụ bao vinh hoa phú quý, ông đầu hàng thì cũng sẽ như tôi, nếu không thì thân đó cũng chỉ làm phân bón nơi đồng vắng. Hôm nay ông đầu hàng, thì chúng ta kết thành huynh đệ, nếu không sau này muốn gặp tôi e là khó đấy!”

Tô Vũ liền lớn tiếng mắng Vệ Luật: “Ông là quan nhà Hán, không nhớ ân nghĩa, phản bội Thiên Tử cùng cha mẹ, là tù binh đầu hàng, ta xem rồi ông làm gì?”

Tô Vũ còn nói Vệ Luật làm vậy là khêu lên mâu thuẫn Hán Hung. Do khi xưa Nam Việt, Uyển Quốc giết sứ thần nhà Hán mà sau này bị nhà Hán tiêu diệt, hôm

nay Tô Vũ do không đầu hàng mà bị giết, thì Hung Nô cũng khó thoát họa diệt vong. Vệ Luật thấy phú quý, uy vũ không khuất phục nổi Tô Vũ, đành phải về.

Thiên Vu bèn đày Tô Vũ đến Bắc Hải chặn dê, chặn toàn dê đực, còn hạ lệnh khi cả bầy dê sinh con mới cho về Hán. Thực ra là muốn ông chết già trên đất Hung Nô.

Sau đó Tô Vũ đến Bắc Hải, không có cái ăn, ông đào hang chuột lấy quả hạt. Mỗi ngày đều cầm gậy sừ tiết nhà Hán chặn dê, hầu như tay không rời gậy sừ tiết nhà Hán, lông gấn trên gậy rụng hết vẫn không bỏ gậy. Đến tận khi Hán Vũ Đế băng hà, Tô Vũ vẫn chưa được về Hán. Khi nghe tin Hán Vũ Đế băng hà, Tô Vũ sớm tối quay mặt hướng nam khóc chảy máu mắt, tế bái Hán Vũ Đế, cứ vậy kéo dài vài tháng. Tận đến năm 81 TCN, Tô Vũ mới về tới Trường An, tính từ khi đi sứ đã 19 năm trôi. Tô Vũ do thân tại Hung Nô nếm trải tận cùng ma nạn mà vẫn không phản bội nhà Hán, nên khi về nước ông lập tức trở thành đại thần đức cao vọng trọng, cả đời được người tôn kính.

Sau khi Tô Vũ bị câu lưu, quan hệ Hán Hung trở lên căng thẳng, Hán Vũ Đế trước sau phát động 4 lần chiến tranh, nhưng chiến sự không thuận lợi, Hung Nô nguyên khí cũng tổn thương trầm trọng nên không thể xâm phạm biên cương quy mô lớn, trọng trách chinh phục Hung Nô cũng giao lại cho Hoàng đế đời sau. Nhưng công tích chinh thảo Hung Nô của Hán Vũ Đế cùng hai vị tướng quân Vệ, Hoắc thì bất kể vị Hoàng đế nhà Hán nào cũng không thể sánh nổi, vĩnh viễn chói sáng trong lịch sử dân tộc Trung Hoa.

Chương 7: Bảo vệ con đường tơ lụa

Hơn hai nghìn năm trước, phía tây bắc vương triều Đại Hán, men theo phía nam sa mạc Taklamakan có một vùng đất thần bí mỹ lệ. Nơi đó có vài chục địa khu cổ kính khác biệt, do một vị sứ giả nhà Hán tên là Trương Khiên trải qua nghìn trùng gian khó mà phát hiện ra.

Kể từ đó, những quốc gia nhỏ bé cổ đại này được gọi là “Tây Vực”, đồng thời họ cũng biết được phía đông có một thượng quốc rộng lớn hùng mạnh gọi là Đại Hán, được trị vì bởi một vị Hoàng Đế anh minh thần vũ: Hán Vũ Đế.

Con đường quanh co gập ghềnh nối với Tây Vực được người sau gọi là “con đường tơ lụa”. Đây là con đường mậu dịch nối Trung Quốc với Trung Á, Tây Á thậm chí cả Châu Âu, Châu Phi. Nó rất dài và xa xôi, đi qua vài chục quốc gia, chiếu rọi nghìn năm lịch sử, nơi đó đông đúc phồn hoa, các đoàn thương lữ nối nhau bất tận, đưa tơ lụa, đồ sứ, văn hóa Trung Hoa đến những nơi xa xôi, triển hiện ở Tây phương nền văn minh phương Đông trác việt huy hoàng, các đặc sản phương Tây cũng theo đó về Đông làm phong phú thêm cho văn minh Trung Nguyên.

Người tạo lập ra tất cả sự phồn thịnh đó chính là Hán Vũ Đế. Để thực hiện lý tưởng đại thống nhất vương triều, bắc chinh Hung Nô, uy chấn tứ Di mà làm ra con đường phía tây.



*Bích họa Đôn Hoàng: Đoàn thương lữ trên con đường tơ lụa.
(Miền công cộng)*

Lần đầu đến Tây Vực

Tây Vực thời nhà Hán là chỉ khu vực Tân Cương ngày nay. “Hán thư - Tây Vực truyện” có ghi: “Tây Vực bắt đầu thông từ thời Hán Vũ Đế, gồm 36 nước, sau này phân thành hơn 50 nước, đều ở phía Tây Hung Nô, nam Ô Tôn. Nam bắc có núi cao, ở giữa có sông, đông tây hơn 6 nghìn dặm, nam bắc hơn nghìn dặm. Đông giáp Hán, chỗ hẹp là Ngọc Môn, Dương Quan, phía tây chắn bởi dãy núi Thông Lĩnh.” Từ Ngọc Môn, Dương Quan đến Thông Lĩnh là một dải từ cao nguyên Pamir đến dãy núi Côn Luân.

Phần trước chúng ta đã nói đến, Hán Vũ Đế khi lên ngôi, ngay thời kỳ đầu đã cử Trương Khiên đi sứ Tây Vực lần đầu, để liên lạc với Đại Nguyệt Thị quốc, nước cũng bị Hung Nô xâm phạm bắt nạt, cùng tấn công Hung Nô. Lần đầu đi sứ này vô cùng nguy hiểm, năm Kiến Nguyên thứ 2 (năm 139 TCN), Trương Khiên cùng Đường Ấp Phụ cùng hơn trăm tùy tùng được chọn lựa, xuất phát từ Lũng Tây, rất nhanh tới hành lang Hà Tây. Không ngờ trên đường lại gặp kỵ binh Hung Nô nên bị bắt làm tù binh, đưa về triều đình Thiên Vu. Trương Khiên bị câu lưu 10 năm, lấy vợ sinh con ở đó.

Trong 10 năm này, Trương Khiên không quên sứ mệnh được giao. Vào một ngày, nhân lúc Hung Nô canh phòng lơ lửng, đội Trương Khiên tranh thủ trốn thoát, tiếp tục đi về phía tây. Họ theo đường xe đi ở phía nam chân núi Thiên Sơn, đi qua Yên Kỳ, Cưu Tư, vượt qua Thông Lĩnh, đến được Đại Uyên (nay là lưu vực Fergana Trung Á), Khang Cư (nay là khu vực giữa hồ Balkhash và biển Aral, Kazakhstan), Đại Hạ (nay là miền bắc Afghanistan), cuối cùng đến được nước Đại Nguyệt Thị. Lúc này dân Đại Nguyệt đang sống an bình, không còn muốn phục thù Hung Nô nữa.

Trương Khiên lưu lại đây hơn một năm, do không có kết quả, nên năm Kiến Nguyên thứ nhất (năm 128 TCN), ông lên đường quay về. Trên đường về, ông chuyển hướng nam, nhằm tránh Hung Nô, nhưng vẫn bị Hung Nô bắt được, lại bị câu lưu hơn một năm. Nhân lúc Hung Nô nội loạn, Trương Khiên mang theo vợ con cùng Đường Ấp Phụ trốn về Hán. Toàn bộ hành trình đó mất 13 năm, khi ấy cả sứ đoàn trăm người chỉ còn lại hai người là Trương Khiên và Đường Ấp Phụ. Hán Vũ

Đế ghi nhận công lao, phong ông làm Thái Trung Đại Phu, sau này phong làm “Bác Vọng Hầu”.

Tuy Trương Khiên không đạt được mục đích của chuyến đi sứ, như do đi qua các nước Đại Uyên, Khang Cư, Đại Nguyệt Thị, Đại Hạ, nên hiểu biết tương đối tường tận về địa lý, sản vật, phong tục tập quán của Tây Vực, ví dụ các quốc gia này xuất khẩu Nho, cỏ Mục Túc, Thạch Lựu, Vàng, Tỏi, Đậu Tằm, Dưa chuột, Sư Tử, Tê Giác, Hãn Huyết Bảo Mã (Giống ngựa quý chạy ngàn dặm có mồ hôi màu đỏ như máu), là những tư liệu quý giá để nhà Hán khai thông mậu dịch với Trung Á, cũng là căn cứ để Hán Vũ Đế chế định sách lược với Tây Vực sau này.

Khi Hán Vũ Đế hỏi về tình hình các nước Tây Vực, Trương Khiên trả lời rằng, thế lực Hung Nô rất mạnh, nên Tây Vực có nhiều quốc gia bắt buộc phải phục tùng Hung Nô. Ông nêu ra mâu thuẫn của Ô Tôn quốc và Hung Nô, đồng thời đề nghị chiêu nạp Ô Tôn vương hướng về Đông, một dải Đôn Hoàng cùng chống lại Hung Nô. Chiến lược này gọi là “Chặt tay phải của Hung Nô”.

Đồng thời, Trương Khiên còn kiến nghị tăng cường ngoại giao qua lại với các nước Tây Vực, dùng cách tặng lễ vật, cho phương tiện làm họ đến Hán triều bái kiến Thiên tử. Nếu có được sự trợ giúp của họ, thì có thể mở rộng vạn lý quốc thổ, chiêu nạp nhiều dân tộc có phong tục khác nhau, làm uy danh và ân đức Hán triều truyền xa bốn biển. Hán Vũ Đế chấp thuận sách lược này.

Năm Nguyên Thú thứ 4 (năm 119 TCN), Hán Vũ Đế đánh bại Hung Nô lần nữa, không chế hành lang Hà Tây, Hán Vũ Đế lần nữa phái Trương Khiên đi sứ Tây Vực.



Tranh Trương Khiên đi sứ Tây Vực trên bích họa hang số 323 Mạc Cao Đôn Hoàng. (Phạm vi công cộng)

Trương Khiên mở đường

Lần thứ hai đi sứ Tây Vực, quy mô sứ đoàn to lớn gồm 3 trăm người, mỗi người trang bị hai ngựa, mang cả vạn bò dê cùng vật phẩm trị giá nghìn vạn tiền. Trạm đầu tiên của sứ đoàn tới Ô Tôn quốc, được Ô Tôn vương là Côn Mạc cung kính tiếp đãi. Trương Khiên nói rõ mục đích của chuyến đi sứ, mong muốn Ô Tôn cùng Hán triều hợp tác, cùng kháng Hung Nô. Nhưng nội bộ Ô Tôn chia rẽ làm ba phe, Côn Mạc không thể khống chế hoàn toàn, nên cũng không có cam kết gì với Trương Khiên. Tuy cuộc du thuyết này không thành công, nhưng Côn Mạc đối đãi Trương Khiên vô cùng hữu hảo.

Trương Khiên phái phó sứ đi tiếp đến các nước Đại Uyên, Khang Cư, Đại Nguyệt Thị, Đại Hạ, An Tức, Thân

Độc (nay là Ấn Độ), Yên Sái, Điều Chi (thuộc quốc của An Túc), Lê Hiên, còn mình thì lưu lại Ô Tôn để đợi tin tức. Đi sứ An Túc quốc rất thành công, sứ đoàn Hán triều được hai vạn người long trọng nghênh tiếp.

Đến năm Nguyên Đỉnh thứ 2 (năm 115 TCN), Trương Khiên về Hán, quốc vương Ô Tôn cũng phái người dẫn đường, phiên dịch, hộ tống sứ đoàn về nước, còn phái sứ giả theo Trương Khiên về đến Trường An, đáp tạ Hán Vũ Đế, cũng là để nhân tiện quan sát tình hình nhà Hán, tìm hiểu phong cách Hán triều. Trong Sử Ký ghi lại, đây là lần đầu tiên người Tây Vực tới Trung Nguyên. Hán Vũ Đế thấy Ô Tôn phái sứ giả đến thì rất vui mừng, không chỉ tiếp đãi nồng hậu, mà còn đưa đi thăm danh lam thắng cảnh. Sứ giả Ô Tôn thấy Hán triều đất rộng vật nhiều, dân đông lại giàu, về nước báo lại cho quốc vương, Ô Tôn lại càng kính trọng Hán triều.

Trương Khiên có công đi sứ, được phong làm quan Đại Hành, nhưng không lâu sau thì qua đời. Các sứ giả mà năm ấy ông phái đi giao lưu với các quốc gia Đại Hạ cũng lần lượt về tới Trường An. Kể từ đây, các quốc gia Tây Vực bắt đầu có quan hệ ngoại giao với Hán triều. Con đường ngoại giao này do Trương Khiên khai thông, nên về sau các sứ giả Hán triều đi sứ Tây Vực đều được gọi là “Bác vọng hầu” để thủ tín với ngoại quốc, các nước ngoại quốc cũng do vậy mà tín nhiệm sứ giả Hán triều.

Trong “Sử ký - Đại Uyên liệt truyện” gọi đoàn lữ hành đi sứ Tây Vực của Trương Khiên là “Tạc không”, có nghĩa là người mở đường. Sau thời Trương Khiên, mỗi năm Hán triều đều cử sứ giả đi tới Tây Vực, khi nhiều có tới mười mấy đoàn, lúc ít cũng có 5, 6 đoàn. Mỗi sứ đoàn đông tới vài trăm người, ít cũng phải hơn

trăm người, những thứ mang theo đại thể là ngang với Bắc Vọng Hầu. Khi đi xa, sứ đoàn cần 8, 9 năm mới về, gần thì cũng mất vài năm mới về.

Các sứ giả nước ngoài, trừ các nước như An Tức, Ô Tôn, còn có cả các nước nhỏ phía tây Đại Uyên như Quán Tiềm, Đại Ích, rồi phía đông Đại Uyên như Xa Sư, Hu Thâm, Tô Giới, cũng theo sứ giả nhà Hán mà đến hiến cống phẩm vật và bái kiến Hán Vũ Đế. Thành Trường An xuất hiện nhiều người Tây Vực, nghiêm nhiên trở thành một đô thị quốc tế.

Do Trương Khiên cùng sứ đoàn Hán triều đi sứ, từ đây giao thông của Hán triều và Tây Vực với Trung Á, Tây Á đã khai thông, văn hóa ngoại lai cũng bắt đầu từ đây, “Con đường tơ lụa” trứ danh trong lịch sử cũng bắt đầu từ đây. Khi các quốc gia Tây Vực trầm trở về sự giàu có và khí độ của Thiên tử Hán triều, thì những kỳ trân dị bảo cũng nườm nượp theo về vương triều nhà Hán, ví dụ như Voi lớn, Khổng tước của Thân Độc quốc, rồi Đà điểu, Sư tử từ An Tức quốc, cùng các loại hoa quả Tây Vực, cho đến nhạc cụ như đàn Tỳ Bà... mở rộng tầm mắt cho người Hán.

Thế nhưng, Hung Nô vẫn có sức ảnh hưởng ở Tây Vực, vẫn can nhiễu sứ giả nhà Hán cùng thương lữ vắng lai, chư quốc Tây Vực cũng khiếp sợ vũ lực của Hung Nô mà trở thành trợ thủ của Hung Nô. Để tiêu trừ lực lượng của Hung Nô ở Tây Vực và liên hiệp các nước Tây Vực đối phó Hung Nô, đảm bảo thông suốt con đường tơ lụa, Hán Vũ Đế cho thi hành sách lược đối với các quốc gia Tây Vực: Hòa-Chiến đều dùng, Ân- Uy rõ ràng.



Ô Tôn quốc và các quốc gia xung quanh thời nhà Hán. (Miền công cộng)

Thi ân và thị uy

Sách lược của Hán Vũ Đế với các quốc gia Tây Vực, cụ thể là thi hành “Hòa thân” với các quốc gia thân Hán, còn với các quốc gia dựa vào Hung Nô uy hiếp Hán triều thì tiến hành thảo phạt quân sự.

Ô Tôn quốc có ý thân cận Hán triều, làm Hung Nô bất mãn, chuẩn bị đánh Ô Tôn. Năm Nguyên Phong thứ 6 (năm 105 TC), Ô Tôn quốc vương là Côn Mạc mang nghìn con ngựa tốt làm sính lễ thỉnh cầu hòa thân với Hán triều, hy vọng được lấy công chúa chư hầu cùng nhà Hán kết làm huynh đệ. Hán Vũ Đế cho con gái của Giang Đô vương Lưu Kiến là Tế Quân công chúa đưa tới Ô Tôn kết hòa thân, cùng rất nhiều trang sức. Hung Nô nghe tin, cũng đưa tới một công chúa, Tế Quân công chúa được phong làm Hữu Phu Nhân, công chúa thường

dùng tài vật, tư lỵ biểu tặng các quý tộc quanh quốc vương, nhằm duy trì quan hệ bền chặt của Hán triều và Ô Tôn.

Sau khi Tế Quân công chúa qua đời, Hán Vũ Đế lại cho cháu gái của Sở Vương Mậu là công chúa Giải Ưu kết hôn với tân Ô Tôn vương. Công chúa Giải Ưu đã làm tốt sứ mệnh hòa thân mà Hán Vũ Đế giao phó, bà còn có một nữ hầu tên là Phùng Liêu, là cung nữ giỏi thơ văn rành sự lý, làm sứ giả của công chúa mà ban thưởng tài vật nhà Hán cho các chư quốc, được kính trọng và tín nhiệm tôn xưng là “Phùng phu nhân”. Việc làm của hai vị đã củng cố thêm cho quan hệ của Hán triều và Ô Tôn.

Ô Tôn quốc sau này đã trở thành một địa bàn trọng yếu giúp Hán triều thảo phạt Hung Nô. Thời Hán Tuyên Đế, Ô Tôn từng xuất 5 vạn binh hiệp trợ quân Hán đánh Hung Nô. Công lao này là do tầm nhìn xa rộng của Hán Vũ Đế mà có được.

Khi ấy trong các nước Tây Vực thì có nước thân Hán, có nước phản Hán. Khi sứ đoàn nhà Hán đi sứ Tây Vực, xuất phát từ Dương Quan và Ngọc Môn Quan có hai đường, một đường đi qua Lâu Lan quốc và Xa Sư quốc. Lâu Lan ngày nay là khu vực La Bố Bạc Tân Cương, Xa Sư nay là Thổ Lỗ Phiên Tân Cương. Do sứ giả Hán triều và Tây Vực qua lại thường xuyên, hai quốc gia này phải đón tiếp không ngừng nên bắt đầu quay sang dựa Hung Nô, cố ý làm khó Hán sứ, ví dụ như không cung cấp lương thực, phái binh chặn đường sang Tây Vực, thậm chí cướp của giết người. Họ còn tiết lộ hành tung của Hán sứ cho Hung Nô, dẫn đến rất nhiều Hán sứ bị quân binh Hung Nô cướp giết.

Để bảo vệ an toàn tính mạng cho sứ giả, duy trì thông thương con đường tơ lụa, Hán Vũ Đế quyết định viễn dương quân uy. Năm Nguyên Phong thứ 3 (năm 108 TCN), ông phái tướng quân Triệu Phá Nô dẫn mấy vạn quân xuất kích Tây Vực. Hung Nô nghe tin xong vội vàng rút quân. Triệu Phá Nô đầu tiên cho 700 kỵ binh đột kích Lô Lan, bắt sống Lô Lan vương; tiếp sau dẫn đại quân tấn công vây hãm Xa Sư vương thành. Hán quân thắng lợi, làm các nước xung quanh như Ô Tôn, Đại Uyên chấn động.



Tranh “Chăn ngựa” của Hàn Cán thời Đường. (Miền công cộng)

Người Xa Sư bại trận chạy đến Thổ Lỗ Phiên, dựa vào Hung Nô, sống phân bố ở phía nam và bắc Bắc Cách Đa Sơn. Lâu Lan thì gửi hai vị vương tử đến Hán triều và Hung Nô, biểu thị giữ vị trí trung lập. Sau khi diệt Xa Sư, bại Lâu Lan, Hán Vũ Đế cho xây dựng các đồn biên phòng dọc dải Tửu Tuyền đến Ngọc Môn quan, bảo vệ an toàn cho các tuyến đường phía tây.

Chinh phạt Đại Uyên

Lần đầu dương uy Tây Vực của Hán Vũ Đế đã thành công lớn, Triệu Phá Nô có công nên được phong Trác Dã Hầu. Bốn năm sau khi diệt Lâu Lan, Xa Sư, vào năm Thái Sơ thứ nhất (năm 104 TCN), Hán Vũ Đế lần nữa xuất binh Tây Vực, mục tiêu là Đại Uyên quốc. Theo Sử Ký ghi chép, Đại Uyên quốc là do Trương Khiên khi đi tìm Đại Nguyệt Thị mà phát hiện ra, cách Hán triều khoảng vạn lý, nay là Trung Á Uzbekistan và Kyrgyzstan. Đại Uyên quốc vương vốn nghe Hán triều giàu mạnh, muốn kết thân mà chưa thành, cho nên khi gặp Trương Khiên thì cả mừng, giúp ông đi tìm Đại Nguyệt Thị quốc.

Trương Khiên về nước bẩm cáo Hán Vũ Đế, phong tục Đại Uyên quốc là sống định cư, bách tính canh trồng điền địa, canh trồng lúa mạch, có cả rượu nho, lại còn có giống ngựa quý mồ hôi màu đỏ (Hãn huyết mã), tương truyền tổ tiên là ngựa Trời. Hán Vũ Đế chú trọng kỵ binh, nghe thấy Đại Uyên có giống ngựa quý, nên đặc biệt chú ý.

Sau này Hán sứ đi Đại Uyên ngày một nhiều, tin tức về Hãn huyết mã không ngừng truyền về, nghe nói là người Đại Uyên giấu Hãn huyết mã trong thành Nhị Sư. Thế là Hán Vũ Đế cho sứ giả mang nghìn vàng cùng

ngựa vàng sang Đại Uyên đổi lấy ngựa quý. Thế nhưng quốc vương cùng đại thần đều cho là Hán triều ở xa, quân Hán không làm gì được họ, cho nên rất thô bạo cự tuyệt yêu cầu của sứ giả. Hán sứ trong cơn thịnh nộ đã hủy ngựa vàng biểu thị bất bình, các quý tộc Đại Uyên còn xúi bẩy lân bang cho quân giết sứ giả nhà Hán.

Hán Vũ Đế nghe tin vô cùng phẫn nộ, hạ lệnh điều động mấy vạn quân binh tây chinh Đại Uyên, thống lĩnh là Nhị sư Tướng quân Lý Quảng Lợi, là em trai của vị phu nhân nghiêng nước nghiêng thành Lý phu nhân. Do mục đích của trận này là nhằm lấy ngựa quý ở thành Nhị sư, nên phong Lý Quảng Lợi làm Nhị sư Tướng quân. Lần viễn chinh này do đường xa khó nhọc, Lý Quảng Lợi cũng là tướng bình thường, cho nên vừa xuất chinh đã lâm khốn cảnh. Các nước nhỏ dọc đường đóng chặt cổng thành, không cấp lương thực, quân Hán đành phải công thành lấy lương, vừa đánh trận vừa hành quân. Đến được chân thành Uất Thành quốc lân cận Đại Uyên thì mấy vạn sĩ binh nay chỉ còn vài nghìn, không còn sức chiến đấu, vừa giao chiến là bị thảm bại.

Năm thứ hai, Lý Quảng Lợi mang tàn quân lùi về Đôn Hoàng, lúc này chỉ còn lại hơn hai nghìn người. Lý Quảng Lợi chỉ còn cách dâng thư xin bãi binh, Hán Vũ Đế đại nộ, cho sứ giả cảnh cáo ông: “Vào người nào, chém người ấy”, Lý Quảng Lợi đành đóng quân bên ngoài chờ lệnh.

Đang lúc phiền muộn vì chiến trận Đại Uyên, lại thêm vị tướng quân anh dũng Triệu Phá Nô thảm bại, bị Hung Nô bắt làm tù binh. Nên các đại thần nhiều lượt khuyên can, mong Hán Vũ Đế cho dừng chinh chiến Đại Uyên, tập trung binh lực đối phó Hung Nô. Nhưng Hán

Vũ Đế nhận định, nếu quân Hán không đánh hạ được một nước nhỏ như Đại Uyên, thì uy vọng của Hán triều trong Tây Vực sẽ tan biến, sẽ không có được ngựa khỏe của Tây Vực để tăng sức mạnh quân đội. Cho nên ông quyết định, mở cuộc viễn chinh quy mô lớn lần nữa.

Để đảm bảo chiến dịch thuận lợi, Hán Vũ Đế tập hợp 6 vạn kỵ binh, 10 vạn bò, 3 vạn ngựa cùng hơn vạn lừa, lạc đà, ngoài ra còn đội quân hùng hậu vận chuyển lương thảo, cùng đội công binh để phá hoại nguồn nước cấp cho thành Đại Uyên. Đồng thời sắp đặt 18 vạn đại quân dọc dải Tửu Tuyền, Trương Dịch sẵn sàng chi viện.

Năm Thái Sơ thứ 4 (năm 101 TCN), Lý Quảng Lợi lại được trọng nhiệm, suất lĩnh đại quân khí thế âm âm viễn chinh Đại Uyên. Các nước Tây Vực ven đường đa số khiếp sợ uy danh quân Hán nên mở to cổng thành, cung cấp lương thực, rượu thịt khao quân. Chỉ có Luân Đài quốc là không ra nghênh đón, thế là bị quân Hán tiêu diệt. Vậy là đại quân một đường thẳng tiến tới chân thành Đại Uyên. Lý Quảng Lợi đầu tiên cho công binh chặn nguồn nước cấp, lại cho phá hủy thành ngoài, bắt sống mãnh tướng Tiên Ma của Đại Uyên. Bị vây khốn dưới sức mạnh cường đại của Hán quân, Đại Uyên đầu hàng, quốc vương bị giết.

Người Đại Uyên cho thả Hãn huyết mã, để người Hán tự chọn. Lý Quảng Lợi tuyển được mấy chục con tuấn mã thượng đẳng, 3 nghìn con trung đẳng, cải lập Muội Thái thân Hán làm Đại Uyên quốc vương, sau đó về nước, đồng thời trên đường về diệt luôn Uất Thành quốc. Trận chiến này, được giới quân sự trong lịch sử ca ngợi là “Cuộc hành quân can đảm nhất chưa từng có”, có ý nghĩa trọng đại trong việc khống chế Tây Vực và

thảo phạt Hung Nô. Sau này, các quốc gia Tây Vực triệt để tuân phục Hán triều, đưa con em tới Trường An làm con tin, nhằm thắt chặt quan hệ với Hán triều.

Sau khi Hán Vũ Đế có được ngựa quý Hãn huyết, ông từng viết ra “Tây cực thiên mã chi ca” (Bài ca Thiên mã Tây Vực): *“Thiên mã đến từ phía tây, qua vạn dặm mà lên công đức. Mang uy linh tới ngoại quốc, vó câu tới là các nước Di thần phục.”*

Thiên mã nhập Hán, tượng trưng cho tứ Di (nước man di 4 phương xung quanh) thần phục, bài thơ biểu đạt tâm tình mãn ý của Hán Vũ Đế sau khi thu phục Tây Vực. Sau đó Hán Vũ Đế phái hơn 10 đoàn sứ giả tới phía tây Đại Uyển và các nước nhỏ lân cận để tìm hiểu, rắn đe, đồng thời tìm kiếm kỳ trân dị bảo.

Chiến sự thắng lợi của Hán Vũ Đế đối với Hung Nô cho đến thực thi ân uy với các quốc gia Tây Vực, một mặt làm giảm uy hiếp của Hung Nô, mặt khác đã mở rộng biên cương lãnh thổ tây bắc, khống chế con đường phía nam Thiên Sơn, cương vực kéo dài tới địa khu Thông Lĩnh. Đây không những là mở thông con đường kết nối Hán triều với Tây Vực, Trung Á, Tây Á mà còn mở ra sự giao lưu văn hóa Đông Tây.

Chương 8: Thống nhất Hoa Hạ - Uy chấn tứ Di

Khi Hán Vũ Đế bắc chinh Hung Nô, liên thông Tây Vực, thì cũng mở rộng cương vực phía nam, phía tây cho đến vùng đông bắc, làm cương vực nhà Hán về sau này trở lên cực kỳ rộng lớn. Khi ấy, cương vực Tây Hán ở phía tây bắc bao gồm cả địa khu Tân Cương và Cam Túc ngày nay, phía tây nam kéo dài suốt dải núi Cao Lê Cống và núi Ai Lao Vân Nam ngày nay, phía nam đến Phúc Kiến, đảo Hải Nam, bản đồ hướng đông bắc mở rộng tới tận bán đảo Triều Tiên, Đại Hải. Ngoại trừ một số vùng cục bộ bị thu nhỏ, cương vực rộng lớn đó được duy trì đến tận những năm cuối Tây Hán. Hán Vũ Đế có cống hiến lớn nhất trong việc mở rộng biên cương nhà Hán.

Thống nhất hai nước Việt

Trong “Hán thư - Thực hóa chí” có ghi: “*Vì sự việc gia súc thời Văn Đế, Cảnh Đế bị cướp, nên Vũ Đế tức giận người Hồ và người Việt*”. Hồ là chỉ dân tộc thiểu số phương bắc, khi ấy chủ yếu là Hung Nô. Việt là chỉ Bách Việt, là dân tộc cổ ở phương nam, sống phân bố ở phía nam trung hạ du sông Trường Giang. Câu chuyện “Ném mật nằm gai” của Việt vương Câu Tiễn thời Xuân Thu được nhiều người biết. Đến thời Tây Hán, tộc Việt chủ yếu phân làm hai nhánh, nhánh Nam Việt quốc là dải Quảng Đông, Quảng Tây, nhánh Đông Việt quốc là dải Phúc Kiến, Triết Giang, Giang Tây, nội bộ Đông Việt



Bản đồ Nam Việt quốc thời đầu lập quốc. (Wikimedia / CC BY SA 3.0)

quốc lại phân thành Mân Việt quốc và Đông Âu quốc, đều nhận sách phong của nhà Hán.

Thời Vũ Đế, người Hung Nô cực kỳ cuồng bạo, người Bách Việt dựa vào nhà Hán, nhưng vẫn chưa an phận. Phần trước đã nói, năm Kiến Nguyên thứ 3 (năm 136 TCN), Mân Việt quốc bao vây đánh Đông Âu quốc, Đông Âu quốc cầu cứu Hán triều. Hán Vũ Đế lập tức phái binh vượt biển cứu viện, buộc Mân Việt lui quân. Dân Đông Âu sợ sau khi quân Hán rút thì Mân Việt lại tiến đánh, nên di dời đến địa khu Trường Giang và sông Hoài. Dần dần tộc Đông Âu dung hợp vào tộc Hán.

Năm Kiến Nguyên thứ 4 (năm 135 TCN), Mân Việt vương là Dĩnh lại xuất binh đánh Nam Việt. Khi ấy Nam Việt Vương Triệu Hồ (cũng gọi là Triệu Mạt, Triệu Muội, tức Triệu Văn Đế, cháu Triệu Đà) cầu cứu Hán Vũ Đế, nói hai nước đều là phiên thuộc của Đại Hán, không thể đánh lẫn nhau, hy vọng Thiên tử xuống chiếu xử lý. Hán

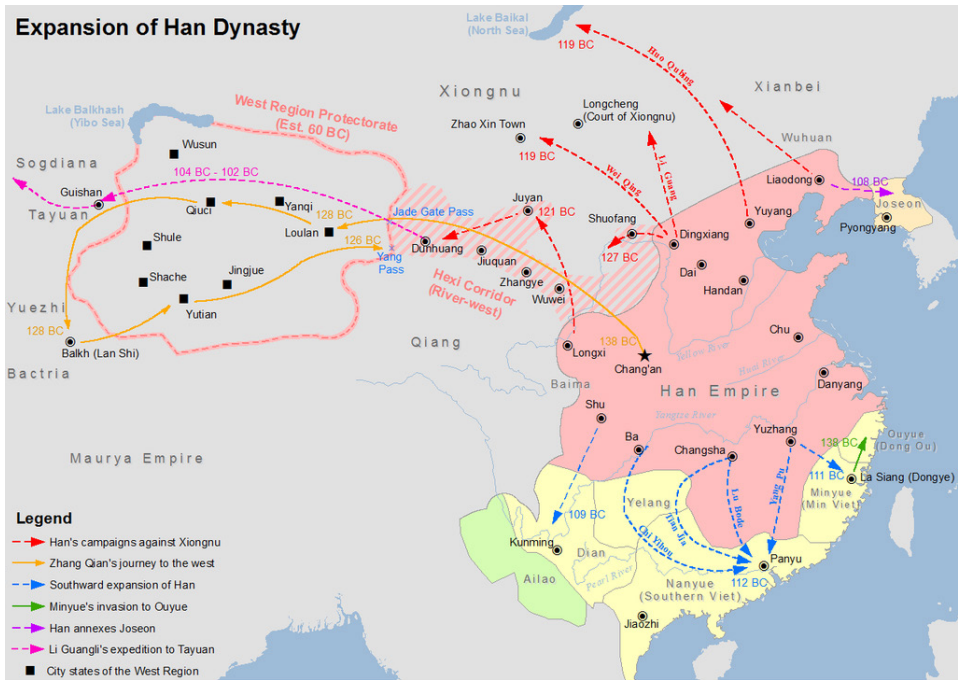
Vũ Đế thấy Nam Việt Vương có lòng trung nghĩa, nên lập tức phái binh đánh Mân Việt. Khi đó, em Mân Việt Vương là Dư Thiện đã giết Dĩnh rồi đầu hàng nhà Hán. Hán Vũ Đế tiếp tục duy trì Mân Việt quốc, lập vua mới, gọi là Lự vương.

Để đáp tạ Hán Vũ Đế, Nam Việt Vương cho Thái tử Triệu Anh Tề đến Trường An, một mặt là học điển chương chế độ Hán triều, sau này dùng trị lý Nam Việt, mặt khác cũng là biểu hiện lòng thần phục vĩnh viễn nhà Hán. Triệu Anh Tề khi ở Trường An, lấy một người Hán họ Cù làm vợ, sinh được con trai tên là Triệu Hưng.

Năm Nguyên Thú thứ nhất (năm 122 TCN), Nam Việt Vương lâm bệnh nặng, Triệu Anh Tề phải về nước, đồng thời kế thừa vương vị, ông dâng thư cho Hán Vũ Đế thỉnh cầu lập Cù Thị làm hoàng hậu, Triệu Hưng làm Thái tử, được Hán Vũ Đế chấp thuận. Theo ghi chép sử thư, Triệu Anh Tề là một bạo chúa, do vậy mà Hán Vũ Đế nhiều lần phái sứ giả đến Nam Việt quốc, dùng lời nhẹ nhàng khuyên Triệu Anh Tề đi Trường An triều bái Hán Vũ Đế. Triệu Anh Tề lo rằng sau khi vào kinh, Hán Vũ Đế sẽ cho làm chư hầu nội địa, chấp hành pháp lệnh Hán triều, nên lấy cớ bị bệnh không đi, chỉ cho con trai là Triệu Tư Công đến Trường An làm thị vệ.

Năm Nguyên Đỉnh thứ 2 (năm 115 TCN), Triệu Anh Tề bị bệnh qua đời, Thái tử Triệu Hưng kế vị, Cù Thị trở thành Vương Thái hậu. Lúc này, Hán Vũ Đế cơ bản đã bình định Hung Nô, chuẩn bị thu nạp Nam Việt vào bản đồ. Thế là ông phái sứ thần đi Nam Việt, mục đích khuyên Nam Việt Vương và Cù Thị đồng ý làm chư hầu, đồng thời xóa bỏ biên giới của Nam Việt. Nhưng việc này bị Thừa tướng Nam Việt là Lữ Gia phản đối. Lữ Gia

Expansion of Han Dynasty



Bản đồ nhà Hán (màu hồng) cùng Nam Việt (Nanyue), Mân Việt (minyue) và Âu Việt (Ouyue). (Nguồn: wikipedia/ CC BY SA 4.0)

là lão thần ba đời, có địa vị tôn quý, ông cực lực phản đối việc quy thuộc nhà Hán, rồi làm phản giết cả Thái hậu cùng Nam Việt Vương.

Hán Vũ Đế liền quyết định đánh Nam Việt, năm Nguyên Đỉnh thứ 5 (năm 112 TCN), ông xuất quân hai nghìn binh, kết quả thất bại. Sau đó Hán Vũ Đế phái 10 vạn đại quân, phân làm 5 đường, trong vòng một năm đã bình định xong phản loạn Lữ Gia. Sau này, Hán Vũ Đế thiết lập ở Nam Việt 9 quận: Đam Nhĩ, Châu Nhai, Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Giao chỉ...ngày nay là Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, bắc bộ Việt Nam, trong đó hai quận Đam Nhĩ, Châu Nhai là ở trên đảo Hải Nam. Nam Việt đã hoàn toàn nằm trong bản đồ nhà Hán.

Khi Lữ Gia tạo phản, Dư Thiện bên tông thất Mân Việt cũng muốn tạo phản. Dư Thiện cho là có công lao cao hơn Lữ Vương, được quốc dân quy phục, nên tự lập mình làm vương. Hán Vũ Đế nghe tin, cho là việc này không đáng phải động binh, chỉ cần khuyên bảo vỗ về, phong Dư Thiện làm Đông Việt Vương, ngang hàng Lữ Vương.

Nhưng Dư Thiện vẫn chưa vừa ý. Nhân Lữ Gia tạo phản, hai người liền câu kết đối phó nhà Hán. Dư Thiện dâng thư Hán Vũ Đế, thỉnh cầu xin 8 nghìn binh sĩ, giá ý là theo quân thủy Hán triều đi đánh Lữ Gia. Đợi quân Hán đến Khế Dương, Dư Thiện lấy có sóng to gió lớn nên không tiến tiếp, đồng thời báo tin cho Lữ Gia. Khi quân Hán đánh đến Phiên Ngung, quân Dư Thiện cũng vẫn chưa tới.

Tướng Hán là Dương Bộc thỉnh cầu thừa thắng bình định luôn Mân Việt, nhưng Hán Vũ Đế suy xét quân binh đã mệt, nên không đồng ý, cho hạ trại đợi lệnh. Ai ngờ Dư Thiện nghe được việc này, công khai tạo phản. Năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (năm 111 TCN), Dư Thiện dẫn quân đánh quân Hán. Hán Vũ Đế bèn hạ lệnh 4 lộ đại quân tiến vào Mân Việt, chiến sự có thắng có thua, sau này Việt Diễn Hầu Ngô Dương khuyên hàng Dư Thiện không thành, liền cùng 7 trăm người khởi nghĩa, đồng thời câu kết với Lữ Vương, cho là quân Hán quá mạnh, mà Dư Thiện là ác đồ, chi bằng giết Dư Thiện quy thuận Hán, làm vậy tránh được tội. Thế là Dư Thiện chết trong nội loạn, Đông Việt bình định xong.

Sau đó, Hán Vũ Đế phong cho Lữ Vương hàng Hán làm Chư Hầu Vương, các tướng sĩ khác cũng luận công ban thưởng. Còn đối với Mân Việt quốc, Hán Vũ Đế nhận

định, Mân Việt đất rộng hiểm trở, dễ thủ khó công, Việt nhân lại hay tạo phản, do vậy hạ lệnh di dân phần lớn đến vùng Trường Giang, Hoài Thủy. Cả vùng hầu như hoang vắng, quy về Kê quận quản hạt.

Từ đây, Hán Vũ Đế kết thúc việc mở rộng về nam, xác lập lại cương vực nam bộ của nhà Hán, biểu thị uy quyền Thiên tử.

Mở rộng tây nam

Nhiều người đã biết thành ngữ “Dạ Lang tự đại”, chỉ kẻ cuồng vọng vô tri, tự phụ tự đại, câu đó xuất xứ từ “Sử ký - Tây nam Di liệt truyện”. Năm Nguyên Thú thứ nhất (năm 122 TCN), Hán Vũ Đế muốn tìm đường đến Thân Độc (nay là Ấn Độ), phái sứ giả đến Điền quốc nay là Vân Nam. Điền Vương hỏi Hán sứ: “Nước ta và nước Hán, ai lớn?”. Sau này khi Hán sứ trên đường qua Dạ Lang quốc nay là Quý Châu, Dạ Lang Hầu cũng nêu ra câu hỏi tương tự. Khi ấy Dạ Lang quốc ở phía tây nam, cũng được xem là nước lớn, nước giàu binh mạnh. Hán sứ nói, nhà Hán rộng hơn Dạ Lang quốc vài chục lần, quốc lực cực kỳ hùng mạnh, dân chúng giàu có. Dạ Lang Hầu nghe xong tròn mắt cứng hàm.

Vậy tây nam Di ở đâu? Vào thời Tần Hán, tây nam Di là chỉ các vùng dân tộc thiểu số dọc dải Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam ngày nay. Các nước Dạ Lang, Bặc phía nam Ba Thục gọi là “Nam Di”; các nước Cung, Tạc, Nhiễm, Mang phía tây Ba Thục gọi là “Tây Di”. Tần Thủy Hoàng từng thiết lập quận huyện ở địa khu Tứ Xuyên, nhưng tới thời sơ Hán, triều đình không ngó ngàng đến tây nam Di, tận đến thời Hán Vũ Đế năm thứ 6 mới bắt đầu khai thông tây nam.



Tư Mã Tương Như không chỉ viết tác phẩm trứ danh “Thượng lâm phú”, mà còn có cống hiến lớn giúp Hán Vũ Đế đả thông tây nam. Một phần bức tranh “Thượng lâm đồ” của Cừ Anh đời Minh. Bảo tàng cổ cung Đài Bắc. (Miền công cộng)

Có điểm giống với việc đả thông Tây Vực là Hán Vũ Đế ban đầu với mục đích bình định phản loạn Nam Việt mà đả thông tây nam Di. Năm Kiến Nguyên thứ 6 (năm 135 TCN), sau khi Mân Việt Vương Dư Thiện sát hại quốc vương Dĩnh, đầu hàng nhà Hán, Đại tướng Hán triều Vương Khôi cho Đường Mông đi khuyên dụ Nam Việt, nói cho họ biết ý đồ xuất binh của nhà Hán. Người Nam Việt mang tượng Câu Kỳ, là đặc sản của Thục quận ra chiêu đãi, còn nói rằng: “Tượng này lấy từ vùng tây bắc sông Tang Kha (nay là vùng Vũ Ninh, Thủy Thành, Quan Lĩnh thuộc Quý Châu), sông Tang Kha rộng vài dặm, chảy qua chân thành Phiên Ngụy”.

Sau khi Đường Mông về đến Trường An, hỏi thăm thương nhân Thục quận. Thương nhân đáp: *“Chỉ có Thục quận sản xuất tượng Câu Kỳ, người bản địa mang trộm đi bán ở Dạ Lang. Dạ Lang dựa sát sông Tang Kha, sông rộng trăm thước, có thể đi thuyền. Nam Việt muốn dùng tài vật làm Dạ Lang quy phục, họ cũng có thể lực mạnh nhưng vẫn không làm Dạ Lang thần phục nô dịch”*.

Thế nên Đường Mông dâng thư Hán Vũ Đế, kiến nghị thông qua Dạ Lang quốc, đưa chiến thuyền theo sông Tang Kha để chế phục Nam Việt. Hán Vũ Đế chấp thuận, lệnh cho Đường Mông lĩnh nghìn đại quân cùng nhiều tài vật ban thưởng, để thuyết phục Dạ Lang. Cuối cùng Dạ Lang Hầu chấp nhận kết liên minh. Hán Vũ Đế đặt Dạ Lang làm Kiên Vi quận, đồng thời điều động binh sĩ từ hai quận Ba, Thục làm đường từ Bạc (nay là Nghi Tân, Tứ Xuyên) một mạch đến tận sông Tang Kha. Do công trình khó khăn lao khổ, nên bách tính Ba Thục oán trách. Hán Vũ Đế phái đặc sứ đến trách vấn Đường

Mông, đồng thời an ủi bách tính, vị đặc sứ này chính là vị đại văn hào nổi danh Tây Hán Tư Mã Tương Như.

Nói đến Tư Mã Tương Như, mọi người đều biết văn phong ưu nhã của ông, hạ bút thành thơ, những bài phú ông viết đã trở thành thành tựu văn học lớn nhất thời Hán. Chuyện tình của ông với Trác Văn Quân cũng làm hậu thế tấm tắc. Nhưng thực ra ông còn có một cống hiến lớn khác, đó là giúp Hán Vũ Đế đả thông tây nam.

Năm Nguyên Quang thứ 5 (năm 130 TCN), Tư Mã Tương Như về đến đất Thục, đây cũng là cố hương của ông. Biết rằng dân chúng chưa hiểu rõ ý nghĩa của việc đả thông tây nam Di của Hán triều, ông viết hai bài hịch để hiểu dụ dân chúng “Dụ Ba Thục hịch”, “Nan Thục phụ lão”. Trong đó “Nan Thục phụ lão” dùng lối văn biện luận, lấy lời của sứ giả để giải thích mối quan hệ tương hỗ của Ba Thục, Tây Nam Di và Trung Nguyên, đồng thời biểu thị sự đồng tình thấu hiểu với bách tính đất Thục. Ngày nay đọc lại, chúng ta vẫn cảm nhận được sức mạnh “Văn hiểu nhi dụ bách, hữu di dịch chi cốt yên” (Tạm dịch: Lời văn trong sáng mà uyên thâm, mang hồn cốt của bài hịch). (trích: Văn tâm điêu long)

Sau khi Tư Mã Tương Như về tới Trường An, các thủ lĩnh bộ tộc Cung, Tạc cũng muốn được Hán triều ban thưởng, thỉnh cầu quy phục. Hán Vũ Đế hỏi ý kiến Tư Mã Tương Như, ông chỉ ra, địa khu Tây Di gần đất Thục, thời Tần chưa đặt quận huyện, nếu nay khai thông lần nữa, sẽ thuận lợi hơn nhiều so với việc khai thông Nam Di. Hán Vũ Đế rất đồng tình, phong ông làm Trung Lang tướng, cho đi sứ Tây Di. Quy mô sứ đoàn đi Tây Di rất lớn, có 4 vị phó sứ với 4 cỗ xe tứ mã, cùng nhiều tài vật ban thưởng Tây Di chư quân. Sau này khi về tới

đất Thục, quan Thái thú ra tận ngoài thành nghênh đón. Nhạc phụ của ông là Trác Vương Tôn cùng nhiều danh sĩ cũng đến chào hỏi. Trác Vương Tôn cũng tặng ông nhiều tài vật, biểu thị sự tôn trọng đối với con rể.

Thông qua lần đi sứ này của Tư Mã Tương Như, các nước tây Di đã trở thành thuộc quốc Hán triều. Hán Vũ Đế rất vui mừng, cho đặt hơn 10 huyện, đều thuộc về quản hạt của Thục quận. Nhưng về sau nhà Hán bận đánh Hung Nô phía bắc, nên Hán Vũ Đế tạm buông tiến trình tây nam Di, dừng các công trình đường xá, bỏ các huyện vừa thiết lập. Dạ Lang quốc cũng dần dần ngả về Nam Việt, các bộ lạc Cung, Tạc cũng bắt đầu nổi loạn.

Năm Nguyên Thú thứ 3 (năm 120 TCN), việc đánh Hung Nô phía bắc kết thúc, Hán Vũ Đế cho khôi phục lại khai thác tây nam Di. Vào năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (năm 111 TCN), Nam Việt đã hoàn toàn nằm trong bản đồ nhà Hán, Dạ Lang Hầu cũng thần phục Hán Vũ Đế, được phong làm “Dạ Lang Vương”, Hán triều đã khống chế toàn bộ địa khu Dạ Lang.

Sau đó, nhà Hán chuẩn bị bình định bộ lạc Cung, Tạc. Các bộ lạc đó rất sợ hãi, đều biểu thị thần phục, đồng thời thỉnh cầu Hán triều cho đặt chức lại. Hán Vũ Đế cho đặt 4 quận, lấy Cung đô là Việt Tây quận, Tạc đô là Trầm Lê quận, Nhiễm, Mang là Văn Sơn quận, Quảng Hán Tây Bạch Mã là Vũ Đô quận.

Đồng thời, Hán Vũ Đế muốn chiêu hàng Điền Vương, nhưng lại bị các bộ tộc liên minh là Lao Thâm, Ma Mạc phản đối. Năm Nguyên Phong thứ 2 (109 TCN), Hán triều cất quân thảo phạt Lao Thâm, Ma Mạc, làm Điền Vương hoàn toàn thần phục, thỉnh cầu đặt chức lại triều đình. Hán Vũ Đế đặt Điền quốc làm Ích Châu quận (Tri

sở ở nay là huyện Phổ Ninh, Vân Nam), ban ấn tín cho Điền Vương, tiếp tục quản lý bách tính.

Tới lúc này, về cơ bản là địa khu tây nam Di đã nhập vào bản đồ thống trị của nhà Hán, biên giới Hán triều mở rộng ra tới vùng nay là núi Cao Lê Cống Vân Nam và núi Ai Lao. Bình định cả lưỡng Việt và tây nam Di, cùng với việc mở rộng biên cương, đồng thời cũng xúc tiến giao lưu kinh tế, văn hóa, thêm một bước dung hợp các dân tộc.

Bình định Triều Tiên

Triều Tiên là thuộc địa của Trung Quốc thời Chiến Quốc. Đến năm đầu Tây Hán, triều đình cho là Triều Tiên xa xôi khó phòng vệ, nên cho nhập vào quản hạt của Yên quốc. Sau này Yên Vương Lưu Oản phản loạn, chạy tới địa khu Hung Nô, người Yên tên là Vệ Mãn tụ tập hơn nghìn người, tiến vào bán đảo Triều Tiên. Vệ Mãn được Triều Tiên Vương Cơ Chuẩn đãi ngộ, không những phong làm Bác sĩ, ban ngọc Khuê, mà còn phong đất phía tây rộng hàng trăm dặm. Mục đích của Cơ Chuẩn là hy vọng Vệ Mãn giúp mình trấn thủ phía tây, đối phó quân Hán.

Tuy nhiên, Vệ Mãn có dã tâm chính trị, không ngừng chiêu nạp người Hán, tích tụ lực lượng chính trị, kinh tế, khi đủ lông đủ cánh liền đánh chiếm vương đô, tự lập làm Vương, quốc hiệu vẫn gọi là “Triều Tiên”, sử gọi là “Vệ thị Triều Tiên”. Lúc này Vệ thị khống chế bắc bán đảo Triều Tiên, cạnh nước Yên Tây Hán.

Lúc ấy Hán triều vừa lập, chọn chính sách nghỉ ngơi dưỡng sức, vô vi nhi trị. Thái thú Liêu Đông từng chủ động ký cam kết với Vệ Mãn: Vệ Mãn là phiên thuộc của



Năm 195 TCN, bán đảo Triều Tiên trước thời Vệ Mãn.
(Miền công cộng)

nhà Hán, bảo vệ cho biên cương nhà Hán khỏi bị xâm phạm, không được can nhiễu việc thông thương của các nước với Hán triều, việc các thủ lĩnh bộ tộc tới bái kiến Thiên Tử. Hán triều còn cung cấp thêm cho binh lực, vật tư chi viện.

Có ước định như vậy rồi, Vệ Mãn bắt đầu khuếch trương thế lực, không ngừng thu phục các bang nhỏ lân cận, cương vực lên tới vài nghìn dặm.

Khi vương vị Vệ Mãn truyền đến đời cháu là Vệ Hữu Cừ, thực lực Triều Tiên cũng ngày càng hùng hậu, nên không tôn trọng Hán triều. Hữu Cừ không chỉ không thông thương triều cống, mà còn cản trở ngoại giao của các nước nhỏ với Hán triều. Nhưng ý tưởng của Hữu Cừ không thành, vì khi ấy Hán Vũ Đế không thực thi chính sách của Hoàng Lão mà bắt đầu tiến trình đại thống nhất thiên hạ, cũng là kết thúc vận mệnh của Hữu Cừ.

Năm Nguyên Phong thứ 2 (năm 109 TCN), Hán Vũ Đế muốn tăng cường quan hệ với phiên thuộc Vệ Thị Triều Tiên, phái sứ giả Thiệp Hà đi sứ Triều Tiên, khuyên dụ Hữu Cừ thay đổi chính sách đối đầu nhà Hán, nhưng không thành. Thiệp Hà tức giận, trên đường về đã sát hại tướng Triều Tiên hộ tống là Tỳ Vương Trưởng, đồng thời cấp báo tình hình cho Hán Vũ Đế. Thế là, Hán Vũ Đế bổ nhiệm Thiệp Hà làm Đô úy Liêu Đông quận. Hữu Cừ bất mãn với sự an bài đó, phát binh tập kích Liêu Đông, sát hại Thiệp Hà, châm ngòi cho Hán Vũ Đế phát binh chinh phạt Triều Tiên.

Cùng năm ấy, Hán Vũ Đế phái Lâu Thuyền tướng quân Dương Bộc suất lĩnh 5 vạn binh mã, cưỡi chiến thuyền qua biển Bột Hải đánh Triều Tiên, Tả tướng quân Tuân Trệ xuất quân đường bộ qua Liêu Đông, liên hiệp đánh Triều Tiên. Vệ Hữu Cừ lập tức điều binh khiển tướng, trấn giữ nơi hiểm yếu. Thủy quân Dương Bộc đến Triều Tiên Liệt Khẩu (nay là phụ cận sông Đại Đồng), không đợi lực quân của Tuân Trệ, Dương Bộc tấn công ngay Vương Hiểm thành (Đô thành cổ Triều

Tiên), kết quả bại trận. Đồng thời, lục quân Tuân Trệ gặp đại quân Triều Tiên phía tây cũng không thắng lợi.

Hai lộ đại quân đều bất lợi, Hán Vũ Đế phái sứ thần Vệ Sơn đi hiểu dụ Vệ Hữu Cừ. Dưới áp lực lớn, Vệ Hữu Cừ nguyện ý hàng phục, phái Thái tử đến triều đình nhà Hán tạ ân, đồng thời hiến lượng lớn lương thực, ngựa xe. Nhưng khi Thái tử dẫn theo cả vạn binh sĩ sang Hán triều, sứ thần Vệ Sơn và tướng quân Tuân Trệ hoài nghi Thái tử có âm mưu, nên yêu cầu quân đội Thái tử không mang theo vũ khí, Thái tử lại nghi ngờ sứ thần và tướng quân mưu hại, nên kéo quân quay về Vương Hiểm thành.

Hán Vũ Đế rất giận dữ, hạ lệnh cho hai đạo quân ở Triều Tiên tiếp tục đánh thành Vương Hiểm. Dưới áp lực quân Hán, nội bộ Triều Tiên phát sinh chia rẽ, Vệ Hữu Cừ bị phe chủ hòa sát hại, thành Vương Hiểm bị vây hãm, dòng tộc Vệ Thị bị diệt vong từ đây.

Sau này, Hán Vũ Đế cho đặt 4 quận ở Triều Tiên là Huyền Thổ, Nhạc Lăng, Lâm Đồn, Chân Phiên, kéo dài về phía nam lưu vực sông Hán Giang ngày nay.

Thời kỳ Hán Vũ Đế, bắc kích Hung Nô, đông chiếm Triều Tiên, nam diệt Bách Việt, tây bắc vượt Thông Lĩnh, tây nam thông Vân Quý, chinh phục Đại Uyên, đặt định bản đồ biên cương Trung Hoa. Hán Vũ Đế đã khai sáng ra một triều đại Tây Hán cường thịnh phần vinh nhất, lịch sử gọi “Tần Hoàng Hán Vũ” cũng minh chứng cho công tích vĩ đại đó.

Chương 9: Chế độ sáng rõ - Vương Bá đều dùng

Trong lịch sử, Hán Vũ Đế được nhiều người ca tụng, đại thần nổi tiếng thời nhà Đường Ngu Thế Nam có một đoạn luận thuật sâu sắc: “Hán Vũ Đế kế thừa cơ nghiệp sáu đời, giàu có ân đức như biển rộng, lại có cao nhân trợ giúp, nên nắm toàn bộ anh hùng hào kiệt trong thiên hạ, trong nước thì hưng thịnh lễ nhạc, bên ngoài thì mở rộng biên cương, chế độ hiến chương đều sáng rõ dễ hiểu”. Đoạn văn đã khái quát một cách cô đọng toàn bộ công tích cuộc đời của Hán Vũ Đế.

Trong các phần trước, chúng ta đã nói đến Hán Vũ Đế với tinh thần tiến thủ, cứ có tài là trọng dụng, trấn định tứ Di, vậy Ngu Thế Nam đánh giá “*chế độ hiến chương đều sáng rõ dễ hiểu*” là việc gì? Thực ra, Hán Vũ Đế khi bình định tứ Di thì cũng đồng thời tiến hành cải cách chế độ chính trị, chuẩn bị cho bước nhất thống thiên hạ. Trong phần này, chúng ta cùng tìm hiểu xem Hán Vũ Đế đã có những điều chỉnh nội chính quan trọng gì, mang ý nghĩa thế nào.

Suy ân lệnh

Như mọi người đã biết, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ xưng đế, phế bỏ chế độ cắt đất phong hầu từ thời Tây Chu, sửa đổi thành chế độ đặt quận huyện. Nhưng Hán Cao Tổ Lưu Bang do cần sự ủng hộ để đối phó Hạng Vũ, nên đã phong hầu cho nhiều họ tộc. Do đó, sau khi Tây Hán kiến lập, đã kết hợp cả

漢武帝
盛氣當陽
雄才御世
嘉樂唐虞
狹小漢制
振舉百度
征代四裔
燁燁明明
恢我王治



Tranh Hán Vũ Đế. (Miền công cộng)

hai phương thức phân phong (cắt đất phong hầu) và đặt quận huyện. Nhưng đối với các chư hầu khác họ thì Lưu Bang sinh lòng nghi kỵ, cùng với việc thanh trừ dần từng người, Lưu Bang cũng phong hầu lượng lớn cho gia tộc họ Lưu, nhằm củng cố thiên hạ nhà Hán.

Tuy chế độ phân phong có tác dụng bảo vệ quyền lực triều đình, nhưng thế lực các chư hầu vương càng ngày càng mạnh, tự nhiên cấu thành uy hiếp lớn đối với chính quyền trung ương. Có chư hầu vương thực lực rất mạnh, tiềm quyền coi mình như Thiên tử, có nơi trái pháp loạn kỷ cương, thậm chí công khai phản loạn. Các hoàng đế trước thời Hán Vũ Đế cũng chú ý vấn đề này, chủ trương làm suy yếu thế lực vương hầu, tăng cường quyền lực triều đình. Thời Hán Cảnh Đế, Triệu Thác đề xuất: “Tước Phiên” (cắt bỏ phiên thuộc), cắt giảm đất chư hầu, gây ra mâu thuẫn, dẫn đến “Thất quốc chi loạn” (Loạn 7 nước). Tuy bình định được phản loạn, nhưng thế lực các chư hầu là không thể xem thường.

Sau khi Hán Vũ Đế lên ngôi, để thực hiện mục tiêu vĩ đại thống nhất thiên hạ, cần phải tăng cường tập trung quyền lực trung ương. Nhưng làm thế nào để tránh mâu thuẫn chư hầu, đồng thời làm suy yếu thế lực của họ, đây quả là một nan đề. Lúc này, Hán Vũ Đế tuyển bạt hiền tài không câu nệ xuất xứ, cứ có tài là dùng, đã tuyển bạt được Chủ Phụ Yển, là người đưa ra chủ ý cho Hán Vũ Đế, đó là cho thi hành “Suy ân lệnh”.

Chủ Phụ Yển giải thích thế này: *“Hiện nay con em của chư hầu vương có đến mười mấy vị, nhưng chỉ có con trưởng mới được kế thừa vương vị, còn con em khác không được phong đất, như vậy không tuyên dương được chữ Nhân chữ Hiếu. Hy vọng bệ hạ lệnh cho chư*

hầu vương “Suy ân”, mang đất đai chia cho con em họ, phong họ trở thành “Hầu”. Như vậy nhiều người được thụ ân của Hoàng Đế, tất cả đều vui, nhưng trên thực tế là chia nhỏ họ, thực lực các chư hầu vương sẽ dần dần suy yếu”.

Vậy nên, nội dung chủ yếu của “Suy ân lệnh” là: Chư hầu vương truyền ngôi cho con trưởng kế thừa, còn có thể dùng hình thức “Suy ân”, cũng là ban phát ân huệ, cho các con trai khác cũng được phân phong (Phân chia đất, phong chức tước) trong phạm vi quốc nội.

Sau khi chiếu lệnh được ban bố, Lương Vương Lưu Tương và Thành Dương Vương Lưu Diên dâng thư thỉnh cầu suy ân, Hán Vũ Đế hạ chiếu phê chuẩn. Các chư hầu vương khác cũng theo đó dâng thư, thỉnh cầu triều đình cho phép suy ân. Trong “Hán thư” có ghi rằng, năm Nguyên Sóc thứ 2 (năm 127 TCN), sau khi ban bố “Suy ân lệnh”, vương quốc Hà Gian trước sau phân thành 11 hầu quốc, vương quốc Tri Xuyên phân thành 6 hầu quốc, vương quốc Triệu phân thành 13 hầu quốc. Các chư hầu khác cũng chia năm xẻ bảy. Đất đai chư hầu càng ngày càng nhỏ, nước lớn cũng chỉ có hơn chục thành, nước nhỏ còn hơn chục dặm, không chỉ giao nạp cống phẩm cho triều đình, mà còn dâng đồ cúng tế, khởi tác dụng trợ giúp chính quyền trung ương. Điều quan trọng nhất là lực lượng vương hầu không còn đủ mạnh để uy hiếp triều đình được nữa.

Chiếu theo chế độ suy ân, hầu quốc mới cũng thoát ly khỏi chế độ của vương quốc ban đầu, có lãnh địa độc lập, chịu sự quản hạt của quan lại quận huyện. Cũng nói, thi hành “Suy ân lệnh” đã làm cho các vương quốc độc lập trước đây, tự động mang quyền lực giao cho chính

quyền triều đình. Kể từ đây, các vương, hầu địa phương chỉ còn được hưởng thụ đặc quyền vật chất và tô thuế trên lãnh địa của mình, nhưng không còn đặc quyền chính trị như trước đây.

Sau này, chư hầu vương có thể lực mạnh nhất, uy vọng cao nhất là Hoài Nam Vương Lưu An bị cáo buộc mưu phản, Hán Vũ Đế phái người tra xét, cuối cùng Lưu An tự sát. Sau đó cũng kéo theo Hoàn Sơn Vương Lưu Tứ, Giang Đô Vương Lưu Kiến cũng tự sát. Hán Vũ Đế cũng phế trừ lãnh địa, đặt làm quận, đồng thời phái quan lại quản hạt.

Ngoài ra, để hạn chế chư hầu, Hán Vũ Đế còn ban bố Phụ ích pháp, A đảng pháp, tức là những kẻ cấu kết với chư hầu mưu đồ lợi ích, đều bị trừng phạt nghiêm khắc. Vậy nên quan viên, nhân sĩ đều tránh xa chư hầu, làm chư hầu không thể mở rộng. Uy hiếp của chư hầu với chính quyền trung ương dần bị tiêu trừ.

Hạn chế quyền thừa tướng, thiết lập nội triều

Kết cấu tổ chức triều đình của Hán Vũ Đế đã phát sinh một biến đổi trọng đại, đó là sắp đặt nội triều, hình thành lên cục diện nội triều, ngoại triều đều tồn tại. Nội triều, do các quan viên Thị trung, Thượng thư tổ thành cơ cấu quyết sách, phò tá bên cạnh Hoàng Đế, xử lý việc trong cung. Ngoại triều, do Thừa tướng lãnh đạo Tam công Cửu khanh tổ thành hệ thống quan viên văn võ. Việc tăng đặt nội triều là để ức chế quyền lực quá lớn của thừa tướng từ thời sơ Hán, tránh biến cố.

Các thừa tướng nhà Hán thời Huệ Đế, Văn Đế, Cảnh Đế, đa số là các vị khai quốc công thần, cùng Lưu Bang đánh trận đoạt thiên hạ. Các hoàng đế kế vị thuộc hàng

con cháu hậu sinh, do vậy mà địa vị của thừa tướng rất cao. Ví dụ, hoàng đế gặp mặt thừa tướng ở bên ngoài, sau khi thừa tướng hành lễ, hoàng đế phải xuống xe đáp lễ, sau lại lên xe, lễ quan còn hô “Hoàng đế xuống xe vì thừa tướng”. Nếu trong cung thất, thừa tướng đứng lên, thì hoàng đế cũng phải đứng lên xong mới ngồi lại, lễ quan hô “Hoàng đế đứng lên vì thừa tướng”.

Thêm nữa, thừa tướng đứng đầu Tam công, sắp đặt bên dưới 12 bộ, có cơ cấu chuyên môn, phụ trách quản lý văn võ bách quan, có thể nói quyền lực cực lớn, hoàng đế cũng không tùy ý hỏi han chính sự. Ví như câu “Tiêu quy Tào tùy”, khi Tào Tham làm thừa tướng, cơ bản là không làm gì cả, có quan viên đến cầu kiến, ông cho uống rượu say, làm người đến không có cơ hội nói chuyện. Khi ấy Hán Huệ Đế bèn cho con trai ông ta đến hỏi, rằng sao lại hàng ngày uống rượu, cũng không hỏi Hoàng đế về công việc, không lo

像 何 蕭



Thừa tướng thời sơ Hán có quyền lực cực lớn. Tranh Tiêu Hà, từ bộ tranh “Tam tài đồ hội”. (Miền công cộng)

lắng thiên hạ an nguy sao? Còn đặc biệt dặn dò rằng đừng nói là Hoàng đế bảo đến hỏi. Kết quả là anh ta bị đánh một trận. Huệ Đế đành phải ra mặt hỏi, Tào Tham trả lời: *“Tiên đế và Tiêu Hà định thiên hạ, minh pháp lệnh, nay bệ hạ chỉ cần chấp tay, thần tử thì thủ chức là được rồi”*. Huệ Đế nghe xong liền tán thưởng. Điều đó cho thấy hoàng đế nhiều khi phải nghe theo lý niệm chấp chính của thừa tướng.

Khi Hán Vũ Đế lên ngôi, trước sau có hai vị họ ngoại làm thừa tướng là Đậu Anh và Điền Phần. Đặc biệt là Điền Phần rất ngạo mạn, báo cáo sự vụ thì thao thao bất tuyệt, tùy tiện tiến cử quan viên, đề xuất kiến nghị muốn Hoàng đế nghe theo, còn yêu cầu cho xây tư gia trong quan phủ. Thấy tình hình như vậy, Hán Vũ Đế bắt đầu có ý cắt giảm quyền lực, xóa bỏ “Trừ lại quyền” (quyền bãi chức quan lại) của thừa tướng, đồng thời cải biến truyền thống liệt hầu bá tướng. Năm Nguyên Sóc thứ 5 (năm 124 TCN), Hán Vũ Đế bổ nhiệm một lão nho sinh xuất thân bình dân là Công Tôn Hoảng làm thừa tướng, sau này phong làm Bình Tân Hầu, thay đổi cục diện quyền lực của triều đình.

Đồng thời để thực hiện hùng tài đại lược của mình, Hán Vũ Đế thiết lập nội triều đặc thù, gom chọn đội ngũ nhân tài, để phò tá thực thi chí hướng thống nhất giang sơn. Cụ thể là: Khi hoàng đế và đại thần ngoại triều có ý kiến trái chiều, thì quan viên nội triều sẽ xuất hiện để bàn luận với ngoại triều, từ đó mà thúc đẩy lý niệm chấp chính của hoàng đế. Ví dụ, năm Nguyên Sóc thứ 2 (năm 127 TCN), Vệ Thanh thu phục đất Hà Nam, quan nội triều Chủ Phụ Yến đề nghị tu sửa thành Sóc Phương, để thuận lợi vận chuyển vật tư, mở rộng quốc thổ, cho

đây là cách tiêu diệt Hung Nô tận gốc. Hán Vũ Đế cho các công khanh đại thần thảo luận, Thừa tướng Công Tôn Hoảng phản đối. Thế là quan nội triều là Chu Mãi Thần cất vấn quần thần, cuối cùng bác bỏ số đông, thuận lợi thiết lập quận Sóc Phương.

Vậy kết cấu tổ chức nội triều như thế nào? Chủ yếu là từ Lang trung lệnh và Thiếu phủ tuyển bạt ra các quan viên: Đại phu, Trung đại phu, Trung lang, Thị trung, Thượng thư. Chức vụ Lang trung lệnh có vị làm nghị chính, có vị quản lý xe, ngựa, có vị chủ trì lễ nghi. Chức Thiếu phủ chủ yếu phụ trách hậu cần của Hoàng Đế. Quan viên nội triều ở bên cạnh hoàng đế đều trở thành thân tín, hoặc thành quan viên xử lý sự vụ hành chính thường ngày. Tiêu biểu là các vị: Nghiêm Trợ, Chu Mãi Thần, Tư Mã tương Như, Chủ Phụ Yển, Đông Phương Sóc, Mai Hao, đều từng làm chức Lang trung, Trung đại phu. Còn như Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, trước khi trở thành đại tướng quân thì cũng nhậm chức ở nội triều. Họ đều được Thiên tử coi như khách quý, cùng bàn bạc quốc sự.

Các sự vụ chính quyền do quan thượng thư phụ trách. Hán Vũ Đế cho thành lập Thượng thư đài, khuếch đại quyền lực của Thượng thư, tuyển dụng Nho sinh nhậm chức, xử lý quốc gia đại sự, thay thế một phần quyền thừa tướng, đồng thời trực tiếp báo lên Hoàng đế. Từ thời Hán Vũ Đế trở đi, quyền lực nội triều tiếp tục lớn mạnh, dần dần thay thế quyền lực ngoại triều.

Chế độ giám sát

Hán Vũ Đế còn có một cải cách lớn đối với chế độ chính trị, đó là tăng cường và hoàn thiện thể chế giám



Hán Vũ Đế hoàn thiện chế độ giám sát, tăng cường quản lý quan lại và địa phương. Tranh “Thanh minh thượng hà đồ” của Cừ Anh đời Minh. (Miền công cộng)

sát. Cụ thể là: Thứ nhất, thêm chức quan giám sát trong triều Tư trực và Tư lệ Hiệu úy, tăng cường giám sát văn võ bá quan cùng trị an kinh thành; thứ hai, đặt Thứ sử bộ cho 13 châu, để gia tăng giám sát các địa phương chư hầu. Dưới đây chúng ta cùng xem chi tiết.

Những năm đầu thời Sơ Hán, công tác giám sát chủ yếu do thừa tướng và ngự sử đại phu phụ trách. Thừa tướng quyền lực rất lớn, kiêm cả giám sát bá quan, ngự sử đại phu là chức quan kế thừa từ thời Tần, chủ yếu là trợ giúp cho thừa tướng. Nhưng các đế vương xưa thực hành vô vi nhi trị, do vậy chưa có chế độ giám sát hoàn thiện với địa phương, thông thường do thừa tướng nắm quyền sai phái quan viên lâm thời đi giám sát các quận quốc.

Năm Nguyên Thú thứ 5 (năm 118 TCN), Hán Vũ Đế đặt một chức quan “Tư trực” bên dưới thừa tướng,

phụ tá kiểm tra, phát hiện những người có hành vi trái pháp luật. Những năm cuối Hán Vũ Đế, khi xem xét vụ án Vu cổ (*vụ án liên quan tới dùng tà thuật hại người*), vào năm Trung Hòa thứ 4 (năm 89 TCN), Hán Vũ Đế đã đặt ra chức Tư lệ hiệu úy, có thể cầm Phù tiết vua ban để điều binh giám sát vương công quý tộc. Sau án Vu cổ, ông bỏ quyền điều binh của tư lệ hiệu úy, cải thành giám sát trị an kinh thành, quyền lực không lớn, trực thuộc hoàng đế, trực tiếp nhận mệnh lệnh từ hoàng đế, nên thân phận đặc thù này có quyền giám sát tương đối độc lập.

Một sáng kiến khác của Hán Vũ Đế, đó là đặt 13 Thứ sử bộ, để tăng cường giám sát và kiểm soát của trung ương với địa phương. Năm Nguyên Phong thứ 5 (năm 106 TCN), Hán Vũ Đế chia toàn quốc ra làm 13 khu giám sát, mỗi khu gọi là một bộ, mỗi bộ phái ra một Thứ sử. 7 quận quanh kinh thành quy về một khu, vẫn do tư lệ hiệu úy phụ trách, 12 châu bộ còn lại do Thứ sử phụ trách.

Thứ sử giám sát địa phương trên 6 phương diện, tức “Dĩ lục điều vấn sự” (*lấy 6 điều để hỏi sự việc*): Một là, cường hào chiếm đất quá số lượng hạn chế, cậy mạnh hiếp yếu; Hai là, quận thú không tuân thủ chiếu thư, pháp lệnh, đàn áp bách tính, hoành hành địa phương, tham ô hủ bại; Ba là, quận thú thẩm phán xử án không thương xót bách tính, coi người như cỏ rác, tùy ý thưởng phạt, bị bách tính căm ghét; Bốn là, tuyển bạt quan lại không công bằng, bài xích người hiền năng, bổ nhiệm tiểu nhân làm quan; Năm là, con em quận thú cậy thế nạt người, quận thú cho con em quan hệ giao hảo với thuộc hạ, làm thuộc hạ bẻ cong pháp luật; Sáu là, quận

thú không trung thành với hoàng đế, cấu kết với cường hào địa phương, giao dịch quyền tiền, tổn hại lợi ích quốc gia.

Tác dụng của chức quan Thứ sử chủ yếu là đề phòng, ngăn chặn việc cấu kết của quận thú và cường hào địa phương đối kháng trung ương, căn nguyên việc phạm thượng làm loạn của vương tộc. Đồng thời, Thứ sử còn phụ trách việc tiến cử những quan lại có tài cho triều đình trung ương, còn có quyền bãi miễn những quan lại không làm tròn chức trách.

Địa vị của Thứ sử khi ấy khá cao, tương đương Khâm sai đại thần, nhiệm kỳ lâu dài nhiều năm, còn có nhà công vụ riêng ở địa phương. Bản thân danh từ “Thứ sử” cũng nói lên ý nghĩa của nó, “Thứ” là hành động do thám, cũng là tìm kiếm kẻ có tội, “Sử” là chỉ sứ giả được hoàng đế sai phái. Chính sách giám sát của Hán Vũ Đế đã làm tăng lực độ quản chế của Hoàng đế đối với bách quan, cũng là để hậu thế noi theo.

Úc chế cường hào

Cường hào hoành hành, chư hầu lớn mạnh và Hung Nô xâm phạm, là ba vấn đề lớn trở ngại cho việc thống nhất thiên hạ mà Hán Vũ Đế phải giải quyết. Ban đầu, kiến nghị đầu tiên của Đồng Trọng Thư cho Hán Vũ Đế là ức chế thế lực cường hào.

Cường hào bao gồm đại địa chủ, đại thương nhân, cho đến các môn khách của họ, còn một loại như lưu manh xã hội đen thường gọi là hào môn, hào hữu. Thời Hán Văn Cảnh, do triều đình tuân thủ học thuyết Hoàng Lão vô vi trị quốc, dẫn đến *“Luật pháp lỏng lẻo, dân giàu có, sai dịch thì kêu nại, hoặc kết bè đảng với cường*



Hán Vũ Đế ở địa khu Mụ Lăng đặt ấp định huyện, đồng thời di dời hào cường, hào tộc vào cư trú. Ảnh Mụ Lăng Hán Vũ Đế (Acstar/Wikimedia/ CC BY SA 4.0)

hào, lấy vũ lực thay lệ làng. Tông thất nhiều đất đai, từ công khanh đại phu trở xuống đều xa xỉ, nhà xe trang phục quá chức phận, quá giới hạn”. Nghĩa là, tập đoàn quyền thế này không có kiêng nể gì, tùy ý làm càn.

Nói cách khác, Hán Vũ Đế muốn tấn công bọn họ, là vì bọn họ dựa vào thực lực kinh tế hùng hậu, cấu kết với quan viên hủ bại, chiếm đất đai, đàn áp bách tính, cản trở việc thi hành chính sách trung ương. Vậy nên Hán Vũ Đế đã chọn một biện pháp, đó là di dời hào cường, hào tộc về địa khu Mụ Lăng.

Năm Kiến Nguyên thứ 2 (năm 139 TCN), Hán Vũ Đế cho tu sửa Mụ Lăng, đồng thời đặt ấp định huyện.

Huyện Mậu Lăng đất rộng vật nhiều, nhưng dân chúng thưa thớt. Cho nên đến năm sau, Hán Vũ Đế hạ lệnh, những hào tộc có tài sản 20 vạn, ruộng, đất hai khoảnh, di dời đến huyện Mậu Lăng. Đến năm Nguyên Sóc thứ 2 (năm 127 TCN), Chủ Phụ Yến đề xuất kiến nghị: *“Huyện Mậu Lăng vừa kiến lập, có thể cho hào kiệt trong thiên hạ tụ về một nhà, bọn làm loạn cũng đưa cả về đây. Như vậy vừa làm đầy dân cư, lại còn có thể tiêu trừ lũ gian hoạt, không cần dùng biện pháp tru sát mà lại tiêu trừ được họa loạn cường hào”*. Hán Vũ Đế thu nạp kiến nghị này, di dời những hào cường có gia tài trên 3 trăm vạn đến địa khu Mậu Lăng.

Đối đũa với các hào cường tội lỗi chất chồng, Hán Vũ Đế không hề nương tay. Lấy một trường hợp, khi ấy có một môn khách tên Quách Giải bị di dời. Kỳ thực gia tài ông ta không nhiều tới tiêu chuẩn, nhưng bị quan lại địa phương yêu cầu di dời, lý do là ông ta có lực ảnh hưởng lớn, vượt xa các cường hào khác. Nhưng Quách Giải là ai? Sử sách ghi rằng, Quách Giải khi trẻ là kẻ âm hiểm lang độc, đã giết nhiều người, lại còn không tiếc sinh mệnh của mình đi báo thù cho bạn, sự việc thất bại, sau làm cướp, tạt đục tiền giả, đào trộm mộ phần, khi tuổi già, tuy trên bề mặt thể hiện là người hiền đạt, hay bố thí, nhưng bản chất chưa có cải biến.

Hiệp khí của Quách Giải được lòng nhiều người, nên nhiều người nhận thức ra hoặc không nhận thức ra ngấm ngấm ủng hộ ông ta, có người còn giúp hấn sát nhân giải hận. Ví dụ, cháu của Quách Giải đã giết một quan viên yêu cầu hấn di dời, gia đình quan viên cho người mang cáo trạng lên kinh đô, nhưng không hiểu sao bị sát hại. Hán Vũ Đế hạ lệnh tróc nã Quách Giải.

Trên đường tháo chạy, Quách Giải lại được nhiều người giúp. Tại huyện đường, có một nho sinh đến tán chuyện với sứ giả tra án, một môn khách của Quách Giải lớn tiếng ca ngợi Quách Giải, nho sinh hỏi: “Quách Giải gian tà vi phạm công pháp, sao lại gọi là hiền được?” Môn khách nghe xong, liền sát hại nho sinh.

Chính vì Quách Giải tội lỗi chồng chất, môn khách của hắn cũng lạm dụng bạo lực, cuối cùng Quách Giải tự chuốc hậu quả, bị phán tội đại nghịch bất đạo: xử tử.

Ngoài ra, Hán Vũ Đế trọng dụng những quan lại chấp pháp nghiêm khắc để tấn công cường hào. Hán Vũ Đế trị lý quốc gia, vừa khoan dung, vừa mạnh mẽ nghiêm khắc, Vương đạo và Bá đạo đều dùng. Do thời đầu triều Hán pháp tắc lơ lửng, dẫn đến hào cường hoành hành, khó ước thúc kẻ làm càn, cho nên Hán Vũ Đế mới chọn biện pháp cứng rắn. Trong lịch sử, danh từ “Khốc lại” (quan lại tàn khốc) xuất hiện nhiều trong thời Hán Vũ Đế, tiêu biểu là Trương Thang, Triệu Vũ. Có những vị quá ư hà khắc, nhưng về phương diện tấn công hào cường thì phát huy tác dụng lớn. Cuối cùng, dưới sự công kích nghiêm khắc của Hán Vũ Đế, thế lực hào cường yếu dần.

Rõ ràng, vô luận là “Suy ân lệnh” hay là sắp đặt Thứ sử, bao gồm thu quyền thừa tướng, ức chế hào cường, đều do Hán Vũ Đế sáng chế, mà những việc này đã đặt định nền móng vững chắc cho lý tưởng đại thống nhất thiên hạ về sau.

Chương 10: Hội tụ tài tử - Kiệt tác truyền đời

Hán Vũ Đế dẫn dắt quần thần, thành tựu lên một thời đại thịnh vượng nhất tính từ thời Tần Thủy Hoàng xưng đế, các lĩnh vực văn trị, võ công, kỹ thuật, nghệ thuật đều đạt tới đỉnh cao trước đây chưa từng có. Hán Vũ Đế hùng tài đại lược, đồng thời còn là một đế vương tài tử thông hiểu âm luật, văn học. Ông sưu tầm văn hiến, hưng Hán phú, trợ nhạc phủ, làm văn học nghệ thuật của vương triều Tây Hán cường thịnh phồn vinh.

Đại phú tung hoành

Một triều Thiên tử một triều văn hóa, hậu nhân tổng kết rằng, mỗi vương triều Trung Hoa đều có những văn hóa kinh điển độc đáo, mà các triều đại khác đều không thể so bì, do vậy mới nói “ Nhất đại chi văn học” (Văn học của một thời đại). Sở có Sở từ, Hán có Hán phú, rồi Đường thi, Tống từ, Nguyên khúc, đều là hình thức văn học xuất sắc nhất thời đó. Hán phú là hình thức văn học điển hình nhất thời Hán, đặc biệt phồn vinh ở thời Hán Vũ Đế. Kinh tế giàu có, sản vật dồi dào, quân sự thắng lợi, chính trị minh bạch, bốn phương tụ hội, tạo lên khí thế hùng vĩ của vương triều nhất thống. Điều đó được thể hiện ra trong ngòi bút của văn nhân, trở thành những áng văn rực rỡ, hiển dương sự phồn vinh của văn học, đó là thể văn - Hán đại phú.

Hán đại phú có phong cách của tản văn, cũng có tiết tấu vận luật của biên văn (thể văn có hai vế đối nhau),



Tác phẩm tiêu biểu “Thượng lâm phú” của Tư Mã Tương Như, mô tả rõ nét cảnh hùng tráng Thiên tử đi săn cùng cảnh hào hoa tráng lệ của cung thất. Tranh “Thượng lâm đồ” của Cù Anh, đời Minh - Bảo tàng cổ cung Đài Bắc. (Miền công cộng)

là loại văn yêu cầu văn từ chau chuốt trong sáng, truyền tải ý tưởng rõ ràng. Nó phần nhiều là miêu tả sự tráng lệ, uy nghiêm của cung điện, đô thị, cảnh sinh hoạt hoàng gia, đồng thời ở cuối bài có vài dòng khuyên nhủ. “Văn tâm điêu long” định nghĩa Hán đại phú là “phô thái si văn, thể vật tả chí” (Bộc lộ sắc thái văn phong, thể hội sâu sắc nói rõ chí hướng). Trước thời Hán Vũ Đế, thể văn phú này đã xuất hiện, có ảnh hưởng của Sở từ, là thể phú tao nhã. Đến thời Hán Vũ Đế, xã hội phát triển và được Hoàng đế ủng hộ, thể văn đại phú đã sinh ra và phồn thịnh từ đây.

Khi Hán Vũ Đế vừa lên ngôi, ông ngưỡng mộ tác gia viết phú tên là Mai Thừa, cho xe êm đến triệu vời. Nhưng Mai Thừa tuổi cao sức yếu, nên qua đời trên đường vào cung, làm Hán Vũ Đế rất tiếc thương. Nhưng

Mai Thừa còn có một người con tên là Mai Hao, cũng là một tác gia nổi danh về thể phú, thông qua dâng thư tự tiến cử, nói rõ thân phận là con của Mai Thừa. Hán Vũ Đế vui mừng, vời ông tới đại diện viết phú, đồng thời phong chức Lang trung. Về sau, Mai Hao trở thành cận thần của Hán Vũ Đế, theo cạnh Hán Vũ Đế đi khắp nơi tuần hành, du ngoạn. Mỗi khi Hán Vũ Đế có cảm xúc, liền bảo Mai Hao làm phú kỷ niệm. Do Mai Hao tài tư mẫn tiệp, khi tiếp chiếu liền hạ bút thành thơ, là một tác gia có nhiều tác phẩm.

Thông qua nhiều phương thức chiêu nạp nhân tài, quanh Hán Vũ Đế tập hợp nhiều văn nhân nhã sĩ, nhiều đại thần như Đông Phương Sóc, Nghiêm Trợ, Chu Mãi Thần, đều có thể làm phú, trong đó có Tư Mã Tương Như là người đứng đầu trong tứ đại danh gia Hán phú. Thời Hán Cảnh Đế, Tư Mã Tương Như làm du khách đi Lương quốc, làm bài phú “Tử Hư phú”, sau này Hán Vũ Đế đọc, hết sức tán thưởng áng văn này, cảm thán thốt lên: “Tiếc là Trẫm không được sống cùng thời với ông ấy!”. Một vị quan tên là Cầu Giám Dương đứng bên tự hào nói, tác giả là người cùng quê ông ấy, Hán Vũ Đế lập tức cho vời vị tài tử Tư Mã Tương Như.

Tư Mã Tương Như nói với Hán Vũ Đế, bài “Tử Hư phú” chẳng qua là viết về việc chur hầu đi săn, không có gì là đặc biệt, hy vọng sẽ dâng lên bài đại phú miêu tả cảnh Thiên tử đi săn. Tư Mã Tương Như liền viết một bài phú trứ danh “Thượng lâm phú”, mô tả rõ nét cảnh hùng tráng Thiên tử đi săn, cùng cảnh hào hoa tráng lệ của cung thất. Bài phú không chỉ ca tụng hình tượng đế quốc Tây Hán đại nhất thống, mà còn hàm chứa lời can gián sâu sắc, khai sáng một chủ đề cơ bản của Hán đại

phú. Đọc xong, Hán Vũ Đế rất tán thưởng, phong ông làm Lang quan. Tư Mã Tương Như và Mai Hạo có sự khác biệt rõ rệt, Tư Mã Tương Như cần tốn rất nhiều thời gian suy nghĩ, còn Mai Hạo thì rất nhanh. Nhưng Mai Hạo bản thân trước mặt Tư Mã Tương Như, tự nhận là thua kém.

Những văn tài này bên cạnh Hán Vũ Đế, cũng là trợ thủ đắc lực việc triều chính, ví dụ Chu Mãi Thần nhậm chức Thái thú nơi xa, Tư Mã Tương Như đi sứ tây nam Di. Các vị này không chỉ có văn tài làm Thiên tử tán thưởng, mà còn có khả năng đăng đàn trị chính, có thể thấy địa vị văn nhân khi ấy rất cao, cũng là thúc đẩy những sáng tác đại phú càng ngày càng nhiều trong thời đại nhà Hán. Trong “Hán thư - Nghệ văn chí” có thống kê số lượng tác phẩm của vua tôi Hán Vũ Đế, Tư Mã Tương Như có 29 bài, Mai Hạo có 120 bài, Nghiêm Trạo có 35 bài, Tư Mã Thiên 8 bài, tổng cộng gần 300 bài phú, nhiều hơn thời Tây Hán sơ kỳ 100 bài, số lượng nhiều, chất lượng cao, làm người ta trầm trồ thán phục.

Thơ ca Nhạc phủ

Thành tựu cao nhất về văn học thời Hán không chỉ Hán phú, mà còn có thơ Nhạc phủ. Lịch sử thi ca lâu đời, từ thời cổ đại đã có địa vị quan trọng. Thời cổ, kinh học và văn học cơ bản là nhất thể, cũng nói văn, sử, triết cùng nhà. Ví dụ kinh điển Nho gia Kinh Thi, là bộ tổng tập thi ca sớm nhất trong lịch sử Trung Hoa, có thành tựu văn học và tác dụng giáo hóa rất cao. Khổng Tử từng nói: “*Hung ư thi, lập ư lễ, thành ư nhạc.*” (Hung thịnh bởi thi ca, kiến lập bởi lễ, thành tựu bởi nhạc). Hán Vũ Đế tôn sùng Nho thuật, nên tự nhiên rất chú



Nghệ thuật thời cổ đại, thi-nhạc-vũ không phân chia, thi ca phối hợp âm nhạc diễn tấu, hoặc thêm vũ điệu. Tranh “Lang uyển như tiên đờ” của Viện Cáo thời Ngũ đại. (Miền công cộng)

trọng phát triển thi ca, trong đó chính sách quan trọng nhất là phát triển cơ cấu âm nhạc - Nhạc phủ.

Nhạc phủ được thiết lập từ thời Tần, là cơ quan phụ trách quản lý âm nhạc, đến thời Hán Vũ Đế mới chính thức trở thành cơ cấu chuyên nghiệp, tập hợp, sáng tác, diễn tấu âm nhạc thành nhất thể. Chỗ này cần giải thích một chút, nghệ thuật cổ đại là thi - nhạc - vũ không phân biệt, thi ca phối hợp âm nhạc diễn xướng, hoặc thêm vũ đạo, cho nên thi thơ khi ấy cũng là ca khúc, gọi là “ca thi”. Thi ca Tây Hán phần thịnh từ cơ cấu Nhạc phủ, trở thành Nhạc phủ kinh điển.

Thi ca sáng tác thời kỳ đầu Tây Hán không nhiều, chủ yếu là “Đại phong ca” của Hán Cao Tổ sáng tác, còn có “Phòng trung nhạc” - thi ca quy mô lớn của Đường

Sơn phu nhân sáng tác, sau đó có phối nhạc trở thành “An thế nhạc”, sau đó cơ cấu Nhạc phủ chỉ là sao chép nhạc cũ, không sáng tác mới. Tới thời Hán Vũ Đế, Nhạc phủ mới có không gian phát triển. Đầu tiên là tăng thêm hạng mục diễn tấu. Hán Nhạc phủ có ba hạng mục lớn, một là “Phòng trung nhạc” gồm 17 chương, hai mục còn lại đều được sáng tác vào thời Hán Vũ đế, một là “Giao tự ca” 19 chương, do Tư Mã Tương Như phụng chiếu phú thi, âm nhạc gia Lý Diên Niên phổ nhạc thành nhạc chương dành cho tế tự hoàng gia; còn lại là Nao ca 22 khúc, gọi là nhạc trong quân đội.

Đối với sự phong phú của Nhạc phủ, Lý Diên Niên có cống hiến rất lớn. Lý Diên Niên xuất thân từ âm nhạc thế gia, phụ mẫu huynh đệ đều là nghệ nhân âm nhạc, bản thân ông rành âm luật, giỏi ca vũ, được Hán Vũ Đế tán thưởng. Sử thư viết, âm nhạc của Lý Diên Niên sáng tác, ai nghe thấy cũng cảm động. Ví dụ, khi ông sáng tác khúc “Giai nhân khúc”, Hán Vũ Đế nghe xong cảm thán, trên thế gian đâu có người đẹp đến vậy? Thế là Bình Dương Công chúa tiến cử em gái của Lý Diên Niên cho Hán Vũ Đế, trở thành người được sủng ái nhất - Lý phu nhân. Lý Diên Niên do vậy mà cũng được coi trọng. Nhân dịp Hán Vũ Đế tế tự thiên địa, hưng lễ tạo nhạc, ông không chỉ mang nhạc khúc cũ phiên biến thành khúc mới, lại còn mang những khúc nhạc Tây Vực được Trương Khiên đem về cải biến thành 28 bài “*Cổ xuy tân thanh*” (Âm thanh mới gồm trống và thổi sáo). Nhờ tài năng cùng kỹ nghệ cao siêu trong sáng tác nhạc, Lý Diên Niên được phong làm Hiệp Luật Đô Úy, hiển hách một thời.

Ngoài ra, Hán Vũ Đế còn chế định chế độ thu thập Nhạc phủ, chỉnh lý dân ca, như vậy trong cung đình xuất hiện các ca khúc địa phương Triệu, Đại, Tần, Sở. Đến thời Hán Ai Đế, tập hợp dân ca các nơi lên tới 260 bài. Việc thu thập dân ca có ý nghĩa rất lớn. Từ khi Khổng Tử biên soạn Kinh Thi, chỉnh lý “Quốc phong” nhà Chu, đến thời Chiến Quốc và thời kỳ đầu Tần Hán, hạng mục công tác văn hóa này bị gián đoạn, Hán Vũ Đế cho tiếp tục kế thừa, khôi phục thu thập và chỉnh lý dân ca. Những khúc dân ca “*Cảm ư ai lạc, duyên sự nhi phát*” (cảm động vui buồn, nhẹ nhàng kể lể), nói lên tiếng lòng của bách tính, giúp triều đình hiểu được nỗi khổ của nhân gian cùng chỗ sai chỗ đúng của chính sách.

Nếu nói, Hán phú là đại biểu cho thành tựu văn học cung đình, thì Hán Nhạc phủ đại biểu cho tinh hoa của văn học nhân gian. Thêm nữa, thi ca Hán Nhạc phủ đã kế thừa tinh thần truyền thống của Kinh Thi, trở thành một đỉnh cao trong lịch sử thi ca. Rất nhiều văn nhân đã dùng Nhạc phủ để làm thơ, có ảnh hưởng sâu sắc đến thi ca hậu thế.

Văn phong rực sáng

Ngoài việc đề xướng, dẫn đạo cho văn học, bản thân Hán Vũ Đế cũng có lòng nhiệt thành văn học, cần mẫn sáng tác, có thành tựu đáng kể, sử học gia Ban Cố đã dùng từ “Trác nhiên” (trác tuyệt), “Hoán nhiên” (Sáng rực) để hình dung văn phong của Hán Vũ Đế. Trong cuộc đời ông đã làm nhiều việc lớn, và cũng thấy nhiều cảnh cát tường, để kỷ niệm những sự kiện đó, ngoài việc ông lệnh cho đại thần viết thi tác phú, ông còn tự cầm bút đề thơ, lưu lại rất nhiều bài.



Hán Vũ Đế từng làm bài “Lý phu nhân phú” thể hiện niềm tiếc thương sâu nặng đối với vị phu nhân nghiêng nước nghiêng thành. Tranh “Lý phu nhân” trong sách “Họa lệ chu thủy tú”, tranh Hách Đạt Tư đời Thanh. (Miền công cộng)

Ví dụ vào năm đầu Nguyên Thú (năm 122 TCN), trong khi đi săn Hán Vũ Đế bắt được kỳ lân trắng, do vậy viết “Bạch lân chi ca” (Bài ca Lân trắng). Năm Nguyên Đỉnh thứ 4 (năm 113 TCN), có người đào được bảo đỉnh phía sau miếu thờ, Hán Vũ Đế có xúc cảm, viết “Bảo đỉnh chi ca”. Cùng năm ấy, trong hồ sâu xuất hiện ngựa thần, ông sáng tác “Thiên mã chi ca”. Trên đường tuần du Hà Đông, Hán Vũ Đế viết bài “Thu phong từ” (Bài từ gió thu).

Năm Nguyên Phong thứ 2 (năm 109 TCN), Hán Vũ Đế tế tự ở núi Thái Sơn, trên đường qua địa phương Hoạch Tử, thì đê sông Hoàng Hà bị vỡ, ông lệnh tất cả

quan viên, quân lính công củi, rơm không quản hiểm nguy đi gia cố đê bao. Đứng trước cảnh hồng thủy mênh mông, cảm xúc dâng tràn, ông viết “Hoạch Tử chi ca”. Cùng năm, trong cung Cam Tuyền có mọc một cây linh chi 9 nhánh, ông viết bài “Chi phòng chi ca”.

Năm Thái Sơ thứ 4 (năm 101 TCN), Nhị sư tướng quân Lý Quảng Lợi xuất chinh Đại Uyên, mang về Hãn huyết bảo mã dâng triều đình, để kỷ niệm sự kiện này, Hán Vũ Đế làm bài “Tây cực thiên mã chi ca”. Năm Thái Thủy thứ 3 (năm 94 TCN), Hán Vũ Đế đi tuần thú Đông Hải, bắt được một đại nhạn màu đỏ, nên làm bài “Chu nhạn chi ca”.

Thi ca của Hán Vũ Đế mang đặc điểm của Sở từ, mang chân tình thực cảm nhẹ nhàng tế nhị, cũng có khí thế của một vị đế vương lòng ôm thiên hạ, trong đó “Thu phong từ” và “Hoạch Tử ca” là những tác phẩm tiêu biểu. Chúng ta cùng thưởng thức “Thu phong từ”:

*Gió thu thổi nhẹ mây trắng bay, cỏ cây vàng rụng
nhạn về nam, hoa lan nở hoa cúc đưa hương, ngấm giai
nhân lòng khôn nguôi nhớ. Lênh đênh lâu thuyền trên
sông Phần, một con sóng trắng vỗ ngang dòng, tiếng sáo
tiếng trống vung chèo hát, hoan lạc tận cùng là khổ đau.
Trai tráng mấy lúc già biết làm sao!*

“Bi thu”(thu buồn) là chủ đề thường thấy trong thi ca Trung Hoa, Hán Vũ Đế cùng quần thần trên lâu thuyền yến tiệc, đang lúc rượu nồng, cảm thấy thời gian trôi nhanh quá, nên viết ra tác phẩm cảm Thu. Ba câu đầu miêu tả cảnh Thu, văn từ ưu mỹ, câu thứ tư nói rõ nỗi nhớ giai nhân. Các câu sau miêu tả bối cảnh làm thơ, trong tiếng nhạc du dương mà cảm thấy đời người

ngắn ngủi, cảm thán lên câu tráng niên mấy chốc, vận vị vô cùng.

“Hoạch Tử chi ca” được Hán Vũ Đế sáng tác tại nơi sông Hoàng Hà bị vỡ đê, biểu đạt tấm lòng thương xót, muốn cứu trợ bách tính. Chúng ta cùng thưởng thức đoạn thứ hai:

Sông cuộn cuộn chảy không ngừng. Bờ bắc bên kia dòng chảy xiết. Dây thừng buộc chặt tới cứu đê. Tre củi cho việc cứu đê không có đủ. Không đủ củi là tội người Vệ. Đã đốt cháy tan hoang lấy đâu ra củi vá đê. Chặt cả trúc để làm thành chắn. Tuyên cáo vá xong đê, muôn phúc lại đến.

Đoạn này mô tả cảnh khẩn trương hàn vá chỗ vỡ đê, hai câu đầu nói về nước lũ chảy mạnh, ám chỉ công việc hàn vá rất khó khăn. Tiếp theo là quá trình trị thủy, củi củi không đủ lập tức chặt trúc vá đê. Sau khi trị thủy thắng lợi, Hán Vũ Đế tuyên dụ với bách tính sự quan trọng của công tác trị thủy, toàn bài thơ khí tráng sơn hà, cũng bộc lộ lòng thương xót chúng dân của một vị đế vương hiền minh.

Trong “Hán thư - Nghệ văn chí” có ghi, Hán Vũ Đế cũng sáng tác hai chương phú, một bài trong đó là “Lý phu nhân phú”, bài kia thất lạc mất. Lý phu nhân chính là nữ nhân trong “Giai nhân khúc”, bà sớm bệnh qua đời, để lại thương cảm vô tận cho Hán Vũ Đế. Vào một ngày, Hán Vũ Đế thương nhớ Lý phu nhân, lệnh thuật sĩ làm lễ chiêu hồn, Hán Vũ Đế chỉ được nhìn từ xa, ông cảm khái thốt lên: “*Là thực, hay hư? Đứng xa trông, dáng nghiêng tha thướt chậm rãi!*”, rồi viết ra bài phú tiếc thương nổi tiếng trong lịch sử văn học Trung Quốc, biểu thị tình thâm ý trọng của bậc đế vương.

Ông tổ của chính sử

Có câu rằng: “Tây Hán văn chương lưỡng Tư Mã.” Là chỉ hai vị văn hào họ Tư Mã thời Hán Vũ Đế, một vị là thi phú thành danh - Tư Mã Tương Như, vị kia là sử học gia kiêm tản văn gia - Tư Mã Thiên. Tư Mã Thiên xuất thân từ gia đình sử học, thành tựu lớn nhất của ông là hoàn thành bộ “Sử ký”. Địa vị của “Sử ký” quan trọng như thế nào, đó là thủy tổ của chính sử, là kinh điển của tản văn, trong điển tịch cổ đại dường như không có tác phẩm nào đạt được thành tựu như “Sử ký”, cho nên nó được gọi là một “Tuyệt xướng”.



Tư Mã Thiên xuất thân từ gia đình sử học, thành tựu lớn nhất của ông là hoàn thành bộ “Sử ký”. Tranh Tư Mã Thiên trái và bộ “Sử ký” phải, Minh Vạn Lịch năm thứ 26. (Miền công cộng)

Vậy bộ sử này đã được hoàn thành như thế nào? Phụ thân của Tư Mã Thiên là Tư Mã Đàm làm quan sử thời Hán Vũ Đế, cũng là Thái sử công. Tư Mã Đàm học vấn uyên thâm, tinh thông thiên văn, Chu Dịch cho đến Nho, Đạo, Mặc, Pháp, Âm Dương, nghiên cứu tinh tú học vấn Bách gia Chư tử. Khi Hán Vũ Đế cho sưu tập cổ tịch, Tư Mã Đàm có cơ hội nghiên cứu kinh điển cổ tịch trong thiên hạ. Trách nhiệm của sử quan là làm sử, Tư Mã Đàm có chí hướng hoàn thành một bộ “*Cứu thiên nhân chi tế, thông cổ kim chi biến, thành nhất gia chi ngôn*” (Nghiên cứu mối quan hệ giữa Trời và con người, thông hiểu biến động lịch sử cổ kim, thành tựu một gia phái - sử gia), xuyên suốt mạch cổ kim. Tư Mã Thiên từ nhỏ kế thừa gia học, thông hiểu Chư tử bách gia, được các danh sư Đông Trọng Thư, Khổng An Quốc dạy dỗ. Lớn lên ông đi du ngoạn khắp nơi, sưu tập các cổ sự xa xưa, tích lũy tài liệu lịch sử phong phú.

Tư Mã Thiên là văn nhân đọc sách vạn quyển, du hành vạn lý, trí tuệ thông đạt, giỏi thể văn Từ, sau này đảm nhận chức Lang Trung trong triều đình. Đến năm đầu Nguyên Phong (năm 110 TCN), Hán Vũ Đế chuẩn bị làm đại lễ Phong Thiện (lễ tế Trời Đất), Tư Mã Đàm do không thể tham dự nên rất lấy làm tiếc, thân mang bệnh trọng. Vừa lúc Tư Mã Thiên đi sứ Ba Thục về kịp, nhìn được phụ thân lúc lâm chung. Tư Mã Đàm mang sự nghiệp chưa thành giao phó cho Tư Mã Thiên, hy vọng ông kế thừa sự nghiệp làm sử của tổ tiên, kế nhiệm chức Thái sử công hoàn thành bộ sử thư, đồng thời ghi lại những công tích huy hoàng từ trước đến nay của vương triều nhà Hán. Ba năm sau, Tư Mã Thiên đảm nhận Thái Sử Lệnh.

Năm đầu Thái Sơ (năm 104 TCN), xuất phát từ nhu cầu chính lý, Tư Mã Thiên đề nghị sửa đổi lịch pháp, niên hiệu, đồng thời tham gia chế định “Thái Sơ lịch”. “Thái Sơ lịch” thay thế cho “Chuyên Húc lịch” thời Tần Hán đến nay, lấy tháng 1 làm đầu năm, chọn dùng 24 tiết khí thuận lợi cho thời vụ nhà nông, là tiến bộ trọng đại của cổ đại lịch pháp Trung Hoa. Trên thế giới, Thái Sơ lịch là lịch chuẩn hàng đầu, còn sớm hơn lịch Julius cổ La Mã 58 năm. Sau khi xác lập lịch pháp mới, Hán Vũ Đế cho cử hành đại lễ ban bố lịch pháp mới, đồng thời đặt năm làm lịch là Thái Sơ nguyên niên (năm đầu tiên Thái Sơ), lịch pháp mới cũng vì thế mà gọi là “Thái Sơ lịch”. Sau đó, Tư Mã Thiên chính thức biên soạn “Sử ký”.

Đến năm thứ 3 Thiên Hán (năm 98 TCN), Lý Lăng do gặp đại quân Hung Nô, lực kiệt đầu hàng, cũng có tin cho là ông giúp Hung Nô luyện binh, Hán Vũ Đế giận kẻ vong ân bội nghĩa, đa số đại thần đều cho là tội không thể tha, nhưng Tư Mã Thiên lại cực lực bênh vực biện hộ, do đó bị phán khi quân tội tử hình. Để tránh tử tội, Tư Mã Thiên đành chịu nhận cung hình (bị thiến). Sau đó được tiếp tục làm sử, gánh trên vai áp lực tinh thần cực lớn mà viết sử không ngừng, cuối cùng đã hoàn thành “Sử thư” vào năm Chính Hòa thứ hai (năm 91 TCN).

“Sử ký” ghi chép khoảng 3 nghìn năm lịch sử từ thời kỳ Hoàng Đế đến thời Tây Hán, đầu tiên khai sáng phương pháp biên niên sử, xác lập 5 thể sử: bản kỷ, thư, biểu, thế gia, liệt truyện, thể thức hoàn thiện vượt thời gian, là bản mẫu điển hình cho chính sử sau này, do đó mà trở thành bộ sử đứng đầu trong 24 bộ sử. Tư Mã Thiên làm sử, không chỉ đơn thuần ghi chép sự kiện lịch sử, mà còn kế thừa tinh thần của “Xuân Thu”- Vi ngôn

đại nghĩa (Lời ít nhưng mang ý nghĩa lớn), mang suy ngẫm của ông đối với lịch sử, nhân sinh dung nhập vào trong đó, cũng là thực hiện lý tưởng: “*Cứu thiên nhân chi tế, thông cổ kim chi biến, thành nhất gia chi ngôn*”.

Đến đây, chúng ta có thể phát hiện, văn học nghệ thuật trong thời Hán Vũ Đế, Hán đại phú có sắc thái văn phong rục rỡ, Hán nhạc phủ bao quát dân ca thiên hạ, sử truyện lại có hoàn cảnh hào tráng hùng vĩ, bất kể thể loại văn học nào, đều thể hiện ra sự hùng vĩ, sâu sắc.

Người ta nói rằng, thời thế tạo anh hùng, có lẽ một thời đại thịnh vượng trước nay chưa từng có, mới có thể ấp ủ ra những văn nhân có chí hướng xa vời, tài năng xuất chúng, mới có thể lưu lại nghệ thuật với khí thế khoáng đạt, văn từ hoàn mỹ như vậy. Từ điểm này mà nhận định, Hán Vũ Đế không chỉ có tài hoa, mà còn dẫn đạo, làm phồn vinh văn học nhà Hán, tạo cho văn nhân khi ấy một vũ đài tự do sáng tác.

Chương 11: Thừa Thiên mệnh - Tám lần phong thiện Thái Sơn

Đế vương trong các thời đại được gọi là Thiên tử, thụ nhận Thiên mệnh, họ thường thông qua phương thức tế tự bẩm báo lên Thượng Thiên, mặt khác khẩn cầu Thần linh bảo hộ, cũng để cảm tạ Thần linh đã ban mưa thuận gió hòa, dân sinh an lạc.

Cổ nhân có truyền thống kính Thiên tín Thần, dùng lễ nghi long trọng trang nghiêm để kính phụng Thần linh, là đại sự mà từ quân vương tới bình dân bách tính đều hết sức coi trọng.

Trong các lễ tế, phong thiện là đại lễ quan trọng nhất. “Bạch Hổ thông văn” viết: *“Bạch đế vương thụ mệnh Trời phải làm lễ phong thiện. Phong, là trên cao; Thiện, là dày rộng. Trời cao tôn kính, Đất chứa đức dày. Nên lấy Thái Sơn cao vút mà báo cáo Trời cao, đứng trên núi Lương Phụ mà lễ tạ Đất dày”*.

Thiên tử nhận mệnh Trời nhất định phải làm lễ phong thiện, để tế tự Trời Đất. Thiên tử của nhân gian qua tế tự ở Thái Sơn, mới được tính là chính thức thụ mệnh Trời.

Công tích Hán Vũ Đế

Trước thời Hán Vũ Đế, những quân chủ hiền minh trong lịch sử, như Phục Hy, Viêm Đế, Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Chu Thành Vương, đều từng đến núi Thái Sơn cử hành điển lễ long trọng. Tần Thủy Hoàng là Hoàng đế đầu tiên phong



Một phần bức tranh “Thanh minh thượng hà đồ” vẽ cảnh quán hàng, tranh của Cừ Anh đời Minh. (Miền công cộng)

thiện ở Trung Quốc, chiếu cáo thiên hạ công tích lập được, đồng thời lập bia kỷ niệm. Sau đó, thời Hán Sơ cần khôi phục kinh tế, Hoàng đế chủ trương vô vi trị pháp, nên hoạt động phong thiện bị gián đoạn một thời gian.

Sau khi Hán Vũ Đế lên ngôi không lâu, có người chủ trương phong thiện, để an định thiên hạ, cũng thông qua phong thiện để tu chính chế độ quốc gia. Nhưng Hán Vũ Đế chủ trương dùng tư tưởng Nho gia trị quốc, phát sinh xung đột với Đậu Thái hậu, người chủ trương dùng học thuyết Hoàng Lão. Cho nên Hán Vũ Đế tạm thời buông xuôi lý niệm trị chính của mình, việc phong thiện cũng tạm gác lại.

Năm đầu Nguyên Thú (năm 122 TCN), Tề Bắc Vương dâng thư Hán Vũ Đế, chủ động hiến Thái Sơn và khu vực xung quanh. Hán Vũ Đế tiếp nhận xong, lại phong thêm đất chỗ khác cho Tề Bắc Vương để bồi thường. Nhưng mãi đến năm thứ nhất Nguyên Phong (năm 110 TCN),

cũng là năm thứ 30 Hán Vũ Đế tại vị, lần đầu tiên cho cử hành đại lễ phong thiên.

Trong 30 năm sau đó, Hán Vũ Đế thực thi “Độc tôn Nho thuật”, đồng thời dùng hình thức chế độ chính trị, xã hội xác lập Nho học làm tư tưởng thống trị chính thống của vương triều Trung Hoa. Mặt khác, Hán Vũ Đế cũng không bài xích triệt để các học thuyết khác, mà còn cho phép hoạt động, thậm chí còn trọng dụng những người có tài. Đồng thời, Hán Vũ Đế vì cơ đồ nhất thống thiên hạ, đã chọn dùng những chỗ đặc dụng của các học thuyết.

Hán Vũ Đế còn kiến lập niên hiệu, ban bố Thái Sơ lịch, xây dựng Thái học, tuyển bạt nhân tài không cứng nhắc, đặt cơ sở vững chắc cho đại nghiệp thống nhất thiên hạ.

Đồng thời, Hán Vũ Đế biến cổ sáng chế, bớt quyền tướng, đặt giám sát, tước vương hầu, cải binh chế, đặt Thứ sử, thống nhất tiền tệ, chuyên quản muối, sắt, thực hiện sáng chế cải cách trọng đại như “Bình chuẩn” (bình ổn giá), “Quân thâu” (Cơ cấu chuyên trách thu mua vận chuyển), kiến lập hệ thống hoàn chỉnh chế độ chính trị. Hình thành lên khuôn mẫu cơ bản cho chế độ đế quốc Trung Hoa hai nghìn năm về sau.

Ngoài ra, Hán Vũ Đế hùng tài đại lược, Đông đánh Triều Tiên, Tây chinh Đại Uyên, Bắc phạt Hung Nô, Nam diệt Bách Việt, dẹp Di mở đất, làm cương vực Tây Hán sau thời Hán Vũ Đế trở thành cực rộng. Tại thời điểm đó, cương vực Tây Hán phía tây bắc bao gồm địa khu Tân Cương và Cam Túc ngày nay, bản đồ hướng đông bắc mở rộng tận bán đảo Triều Tiên và Đại Hải, phía tây nam kéo dài suốt dải Vân Nam Cao Lê Cống sơn, Ai Lao

sơn ngày nay, phía nam tới Phúc Kiến, Hải Nam đảo. Cương vực thời Hán Vũ Đế, trở thành bản đồ cơ sở cho đế quốc Trung Hoa sau này.

Trong 30 năm ấy, Hán Vũ Đế đã khai mở con đường tơ lụa trứ danh trong lịch sử, tăng cường giao thương giữa đế quốc Hán với Tây Vực, Trung Á, Tây Á, cho đến Châu Âu, văn hóa ngoại lai cũng từ đó mà vào.

Công tích của Hán Vũ Đế xác thực là vượt qua mấy thời đế vương khi trước, việc phong thiện Thái Sơn thật danh chính ngôn thuận. Cho nên, vào năm đầu Nguyên Phong, Hán Vũ Đế đã đạt được thành tựu huy hoàng về võ công văn trị, bắt đầu hành trình phong thiện. Đầu tiên, ông đề rõ ra rằng, phong thiện Thái Sơn phải có đủ ba điều kiện: *Thứ nhất, phải dẹp yên quốc nội, thống nhất thiên hạ; thứ hai, thiên hạ phải thái bình, trị an bền vững; thứ ba, phải liên tục có thiên tượng cát tường xuất hiện.* Hai mục đầu dễ thấy, còn từ năm đầu Nguyên Thú trở đi, Hán triều liên tục xuất hiện điềm lành, kỳ lân trắng, bảo đỉnh. Quốc gia giàu có cùng thiên tượng báo điềm lành, đều biểu thị rằng việc cử hành đại lễ phong thiện của Hoàng đế tất diễn ra.

Đêm trước phong thiện

Đối với lần phong thiện đầu tiên từ khi Hán triều lập quốc, Hán Vũ Đế cùng quần thần hết sức coi trọng, nhưng khi thương thảo cụ thể về nghi thức tế tự, thì có chỗ khó. Bởi vì từ sau khi Tần Thủy Hoàng phong thiện, tế tự điển lễ đã gián đoạn mấy chục năm, các công khanh, Nho thần chỉ có thể tra cứu cổ lễ trong cổ văn như “Thượng thư”, “Chu quan”, “Vương chế”, nhưng không thống nhất được. Hán Vũ Đế còn cho mang dụng



Tự cổ Thái Sơn là nơi các bậc đế vương tuần hành, phong thiện. Thắng cảnh Thái Sơn có cổ tùng nổi tiếng, bức tranh Thái sơn lấy rừng tùng làm chủ đề. Tranh “Đối tùng sơn đồ” của Lý Thế Trác đời Thanh.(Miền công cộng)

cụ tế tự thời trước ra cho quần thần xem, có người nói nó không giống với thời cổ đại. Khi ấy đại văn hào Tư Mã Tương Như đã khuất thể, có để lại một phong thư, tán tụng công đức Hán Vũ Đế, mong muốn Hán Vũ Đế nhanh chóng phong thiện. Hán Vũ Đế mang di thư đi hỏi danh Nho Nhi Khoan.

Nhi Khoan kiến nghị: *“Phong Thái Sơn, thiện Lương Phụ, là đại điển lễ của Hoàng đế. Nghi thức cụ thể chỉ có Thiên tử thánh minh mới có thể chế định, không phải điều quần thần quyết định, bách quan thảo luận không tới kết quả gì.”*

Hán Vũ Đế đồng ý với ông, tự thân phác thảo nghi lễ phong thiện. Hán Vũ Đế dựa vào cổ chế *“Trước tiên chấn chỉnh quân binh, sau đó phong thiện”*, đầu tiên hướng tới thần dân bốn phương thể hiện lực lượng quân sự hùng mạnh, triển khai hoạt động tuần hành thanh thế ngút trời. Từ đầu năm, Hán Vũ Đế đặt 12 bộ tướng quân, tự thân thống lĩnh 18 vạn, cò phướn liên miên hàng nghìn dặm, xuất phát từ Trường Thành, bắc tuần biên thùy tới Sóc Phương, tận đến Bắc Hà.

Hán Vũ Đế phái sứ giả khuyên bảo Hung Nô Thiên Vu: *“Đầu Nam Việt Vương đã treo trên thành Trường An rồi đó, nếu Thiên Vu muốn đánh, Hán Thiên Tử sẽ xuất binh nghênh chiến; nếu không muốn chiến, mau đến thần phục.”*

Kết quả là Thiên Vu sợ quân uy của Hán Vũ Đế không dám ra mặt. Trên đường về triều, Hán Vũ Đế còn qua tế bái lăng Hoàng đế ở Kiêu Sơn, rồi về Trường An.

Mùa Xuân năm đó, Hán Vũ Đế lại dẫn quân tới Trung Nhạc, Tung Sơn, tùy tùng bắt được một con tuần mã và một con hươu thần kỳ, còn nghe thấy thanh âm “Vạn

tuế” vang vọng trên núi. Hán Vũ Đế cho đây là điềm lành, hạ lệnh tăng cấp quan coi đền lên Thái thất, cấm chặt cây trên núi, đồng thời lấy 300 hộ dân dưới chân núi Tung Sơn làm phụng ấp.

Nhận được điềm lành, Hán Vũ Đế vui mừng tiếp tục thẳng đến Thái Sơn. Khi tới Thái Sơn, cỏ cây chưa đâm chồi nảy lộc, Hán Vũ Đế cho đặt một phiến đá trên đỉnh Ngọc Hoàng, còn ông đi tuần hành Đông Hải. Hán Vũ Đế có huệ căn thiên sinh, đặc biệt mến mộ chuyện Thần Tiên tu Đạo, thường đến danh sơn đại xuyên và năm ngọn núi lớn (ngũ nhạc) cầu đảo, cho nên, chuyển đi Thái Sơn, Đông Hải cũng hàm chứa ý tìm kiếm Thần Tiên của ông.

Sau khi Hán Vũ Đế đến Đông Hải, hành lễ tế tự 8 Thần. Người Tề lũ lượt dâng thư, đàm luận phương thuật kỳ dị, Thần quái. Thế là Hán Vũ Đế phái nhiều thuyền, cho mấy nghìn người đi tìm Thần nhân ở núi Bồng Lai.

Thiên tử xuất hành, thường thường có các phương sĩ, công tôn khanh mang phù tiết đi trước, đến danh sơn thẳng cảnh đợi nghênh xa giá. Lần này khi công tôn khanh tới nơi, nói rằng trong đêm thấy một người cao lớn dị thường, thân cao mấy trượng, đến gần thì không thấy nữa, chỉ lưu lại một dấu chân rất lớn, trông như dấu chân cầm thú. Có đại thần nói nhìn thấy một lão nhân dắt theo chó, nói: “Ta muốn gặp các vị.” nói xong bỗng nhiên biến mất.

Hán Vũ Đế xem dấu chân lớn vẫn chưa tin, tới khi đại thần kể chuyện gặp lão nhân mới thật tin đó là Tiên nhân. Cho nên cố ý ở thuyền trên biển đợi Tiên nhân, lại còn cho phương sĩ ngồi chờ trên xe để đi lại báo tin.

Nhưng chờ mấy ngày, Hán Vũ Đế cũng không thấy Thần Tiên, lúc này cây cỏ Thái Sơn đã bắt đầu sinh trưởng, thế là Hán Vũ Đế quyết định đến Thái Sơn phong thiện.

Tế tự đại điển

“Sử ký. Hiếu Vũ bản kỷ” đã thất truyền, hiện nay chúng ta thấy đó là “Phong thiện thư”, cho nên chúng ta xem trong đó, Hán Vũ Đế phong thiện Thái Sơn lần thứ nhất như thế nào.

Tháng 4 năm ấy, Hán Vũ Đế trước tiên đến núi Lương Phụ, làm lễ tế Thần Đất. Ông lệnh cho Thị trung, Nho gia mặc lễ phục long trọng, đầu đội mũ da dê, mặc quan phục tay cầm hốt, tự thân cử hành lễ xạ ngư. Sau đó, Hán Vũ Đế cho đặt đàn tế Thiên ở chân núi Thái Sơn phía đông. Đàn tế rộng một trượng hai xích, cao 9 xích, dưới đàn chôn ngọc điệp thư. Là tín thư Hán Vũ Đế viết cho Thiên Đế, nội dung thư bí mật không ai biết. Sau lễ tế, Hán Vũ Đế một mình dắt theo con trai của tướng quân Hoắc Khứ Bệnh, Thị trung phụng xa Hoắc Tử Hầu lên núi Thái Sơn, trên đỉnh núi cử hành nghi lễ tế Thiên bí mật. Ngày thứ hai, Hán Vũ Đế xuống núi từ mặt bắc Thái Sơn, ở phía đông bắc chân núi Thái Sơn, Túc Nhiên Sơn tế bái Thần Đất, giống như nghi thức cúng tế trước đây.

Toàn bộ quá trình phong tế, thiện tế, Hán Vũ Đế đều đích thân lễ bái, mặc lễ phục màu vàng, bên cạnh có lễ nhạc theo cùng cử tấu. Hán Vũ Đế còn mang các động vật do phương xa tiến cống như kỳ thú, phi cầm, trĩ trắng thả vào rừng. Khi cử hành điển lễ, trong đêm còn phảng phất ánh quang, ban ngày có mây trắng từ



Địa điểm cử hành phong thiện: Thái sơn (Wikimedia/ CC BY SA 2.0)

đàn tế bay lên. Đó là do Thần linh hiển hiện, toàn bộ quá trình diễn lễ thể hiện ra không khí thần bí cùng khí phách hùng đại. Kết thúc phong thiện, Hán Vũ Đế nhận cung chúc của quần thần trong mình đường dưới chân núi Thái Sơn, đồng thời do lần đầu phong thiện mà đổi niên hiệu từ Nguyên Đỉnh thành Nguyên Phong, chữ “Phong” này là chỉ “Phong Thiện”.

Hán Vũ Đế sau khi phong thiện Thái sơn, Hán Vũ Đế lại du hành Đông Hải, bắc tới Mã Thạch, qua Liêu Tây, Cửu Nguyên, tháng 5 thì về tới Cam Tuyền. Vũ Đế phong thiện, hành trình một vạn tám nghìn dặm, khí thể hùng tráng. Sau nghi thức phong thiện kết thúc, Hán Vũ Đế còn ban bố văn cáo, mở đầu lời lẽ khiêm hạ thành kính, kể ra quá trình phong thiện: *“Trẫm lấy thân phận thấp mà kế thừa ngôi Đế chí cao, trong lòng lo không kham nổi việc, đức hạnh mỏng không hiểu chế độ lễ nhạc. Tế tự Thái Sơn liên tục thấy ánh sáng lành, nên mới lên núi tế tự Thiên Thần, lại tới Túc Nhiên sơn tế tự Địa Thần.”*

Sau đó Hán Vũ Đế biểu thị muốn tu dưỡng đạo đức, cùng quần thần với tâm nguyện đổi mới. Đồng thời hạ lệnh đại xá thiên hạ, ban phát bò, dê, rượu, vải, miễn trừ tô thuế cho vùng Phụng Cao, Lịch Thành xung quanh Thái Sơn; miễn trừ lao dịch cho tất cả các vùng mà xa giá của Thiên tử đi qua.

Năm thứ 3 Nguyên Phong (năm 109 TCN), cách lần thứ nhất phong thiện chỉ một năm, Hán Vũ Đế lại đến Thái Sơn. Lần này phát sinh một sự kiện hết sức trọng đại, đó là cho tu sửa, kiến trúc Minh Đường, thực hiện nguyện vọng tu sửa Minh Đường của Hán Vũ Đế sau khi lên ngôi một năm. Tương truyền, Minh Đường là cung thất để cử hành điển lễ trọng đại được truyền từ thời Hạ, Thương, Chu, thời nhà Hạ gọi là Thế thất, nhà Thương gọi Trọng ốc, nhà Chu gọi Minh Đường. Khi Chu công phò tá Thành Vương, từng đại hội chư hầu ở Minh Đường, định lễ nhạc, định trên dưới, hiển dương thiên hạ thái bình, vạn quốc lai triều. Đến thời Hán, Hán Vũ Đế thấy địa thế Minh Đường hiểm yếu lại không đủ rộng, nên lệnh cho xây dựng lại.

Nhưng khi ấy không ai biết nên thiết kế Minh Đường như thế nào. Lúc này, có người Tể Nam là Công Ngọc đã dâng lên Hoàng Đế sơ đồ thiết kế Minh Đường. Sơ đồ này, chính giữa là đại điện, bốn bên không vây tường, lấy cỏ tranh lợp mái. Trên điện có lầu gác, đặt phúc đạo (đường lớn hai chiều), người có thể từ phúc đạo hướng tây nam tiến nhập đại điện, gọi là “Côn Luân đạo”. Thiên tử từ đây nhập điện là có thể lễ bái Thiên Đế. Ngoài đại điện có nước bao quanh.

Hán Vũ Đế hạ chiếu, tại ấp Phụng Cao bên sông Mân, chiếu theo bản vẽ Minh Đường thời Hoàng Đế này mà

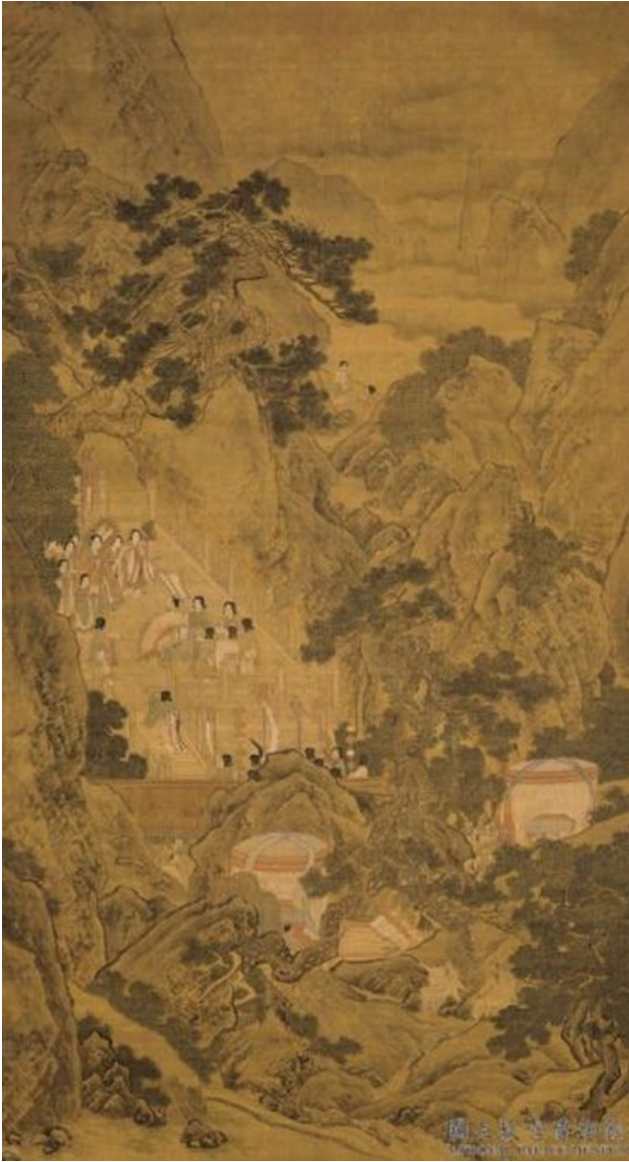
kiến tạo Minh Đường. Năm thứ 5 Nguyên Phong (năm 106TCN), Vũ Đế lại đến Thái Sơn, tại tầng trên Minh Đường tế tự Thiên Đế và Ngũ Đế, ở tầng dưới Minh đường tế tự Thần Đất.

Sau lần phong thiên ở Thái Sơn đầu tiên, năm thứ 3 Nguyên Phong (năm 109 TCN), năm Nguyên Phong thứ 5 (năm 106 TCN), năm đầu Thái Sơ (năm 104 TCN), năm thứ 3 Thái Sơ (năm 102 TCN), năm thứ 3 Thiên Hán (năm 98 TCN), năm thứ 4 Thái Thủy (năm 93 TCN) và năm thứ 4 Chinh Hòa (năm 89 TCN), Hán Vũ Đế liên tiếp 7 lần đến Thái Sơn phong thiên. Trong vòng 21 năm, ông đã đến Thái Sơn phong thiên 8 lần, bình quân gần 3 năm một lần.

Hán Vũ Đế phong thiên Thái sơn là một sự kiện trọng đại thời Tây Hán thịnh thế. Thời Tam quốc, Tào Thực viết trong “Hán Vũ Đế tán” rằng: *“Phong thiên thiên thổ, công việt bách vương”* (Lễ tế Trời, Đất, công lao vượt trên trăm vương), ca tụng sự nghiệp công tích Hán Vũ Đế. Sử gia Tây Hán Tư Mã Thiên trong “Kim thượng bản kỷ” có bàn: *“Hán hưng ngũ thế, long tại kiến nguyên, ngoại nhưng di địch, nội tu pháp độ, phong thiên, cải chính sóc, dị phục sắc.”* (5 đời nhà Hán hưng thịnh, trội nhất là ở năm Kiến Nguyên, bên ngoài đuổi Di, Địch, bên trong tu sửa pháp độ, phong thiên, cải chính phương bắc, để cai trị). Đây là sự khẳng định của ông đối với sự thịnh thế thời Hán Vũ Đế, cũng là lời bình xác thực đối với việc phong thiên, cải đức cải chế.

Thành tâm gặp Tiên

Tuy Hán Vũ Đế lựa chọn “Độc tôn Nho thuật” cho việc trị lý quốc gia, nhưng do ảnh hưởng sùng bái



Tranh “Dao trì hiến thọ đồ” của Lưu Tùng Niên đời Tống. Theo “Hán Vũ Đế nội truyện” ghi, Tây Vương Mẫu từng gặp Hán Vũ Đế, tặng 4 quả đào tiên. Bức tranh mô tả Tây Vương Mẫu và Hán Vũ Đế đối diện giao đàm, nhiều Tiên nữ dâng đào, ngụ ý tốt lành phúc thọ. Bảo tàng Cố cung Đài Bắc. (Miền công cộng)

Hoàng Lão từ tiền bối, phụ mẫu, nên ông cũng rất hâm mộ Đạo Thần Tiên. Thậm chí Hán Vũ Đế còn hy vọng được như Hoàng Đế ngày xưa mà đắc đạo viên mãn phi thăng. Có lẽ Thượng Thiên cảm ứng thành ý của Hán Vũ Đế, khi phong thiện Thái Sơn hay khi du lãm danh sơn đại xuyên, Hán Vũ Đế nhiều lần gặp Thần Tiên hạ phàm hiển linh, đồng thời được chân truyền Đạo Pháp, điều đó được ghi chép nhiều trong các tiểu thuyết Diễn Nghĩa, Chí Quái.

“Hán Vũ nội truyện” và “Bác vật chí” đời Tấn có ghi, ngày 1 tháng 1 năm Nguyên Phong thứ nhất, Hán Vũ Đế lên Tung Sơn, cho đặt đài tầm Đạo, trai giới thanh tịnh, hy vọng được Thần Tiên để mắt. Vào một ngày tháng 4, vào lúc Hán Vũ Đế cùng đại thần nhân đàm trong điện Thừa Hoa, hốt nhiên trong điện xuất hiện một vị nữ nhân áo xanh mỹ lệ, tự xưng là Ngọc Nữ trên Trời xuống. Nói với Hán Vũ Đế rằng, Tây Vương Mẫu thấy tâm cầu đạo của ông, nên chuẩn bị giáng lâm gặp ông vào ngày 7 tháng 7, trước lúc đó cần tịnh tâm trai giới.

Đến đêm mùng 7, cung đình nội ngoại quét dọn sạch sẽ, Hán Vũ Đế cung kính chờ Tây Vương Mẫu giáng lâm. Vào khoảng 10 giờ tối, Tây Vương Mẫu suất lĩnh mấy vạn Tiên nhân giáng lâm, toàn cung đình bao phủ bởi ánh quang lấp lánh. Tây Vương Mẫu ngồi trên bảo tọa, đọi Hán Vũ Đế quỳ bái hỏi thăm xong, bảo ông cùng ngồi xuống, thưởng thức tiên quả, tiên tửu đặc chế của Thần Tiên, các Tiên nhân còn diễn tấu nhạc Tiên nhẹ nhàng vi diệu.

Sau đó, Tây Vương Mẫu truyền cho Hán Vũ Đế: Tu luyện Đạo thuật, cần di dưỡng tinh thần, cải biến hình thể. Tu luyện tới mức cao tinh thần, thân thể cải biến thì

sẽ thành Tiên. Tây Vương Mẫu còn truyền thụ cả bí kíp tu Đạo cho Hán Vũ Đế.

Hán Vũ Đế khẩn cầu lần thứ ba, Tây Vương Mẫu cho mời Chân Nguyên Chi Mẫu -Thượng Nguyên Phu Nhân. Thượng Nguyên Phu Nhân nói với Hán Vũ Đế, tu Đạo nhất định phải tu bỏ 5 căn tính xấu, phải đãi nhân thiện lương, biết rõ việc nhỏ, phục hồi oan khuất, ân huệ cho dân, thương xót cô quả, quan tâm đến khổ đau của bách tính, tuyệt đoạn dâm loạn, vứt bỏ xa hoa, thường hướng Thiên cung khấu bái. Như vậy một trăm năm, có thể đắc Chân Đạo, tiến nhập Thiên giới.

Do Hán Vũ Đế thành tâm hướng đạo, Tây Vương Mẫu còn ban cho ông “Ngũ Nhạc chân hình đồ”, hy vọng Hán Vũ Đế vứt bỏ hết nghi tâm cùng tạp niệm, chuyên tâm tu hành, thông qua sự tu hành của Hán Vũ Đế mà khai mở cho nhân gian học theo, làm cho phàm nhân biết được xác thực là có Thần Tiên Đạo thuật tồn tại, cũng nhờ đó làm những người không tin Thần vứt bỏ được những quan niệm ngu xuẩn cuồng vọng. Thượng Nguyên Phu Nhân còn để lại cho Hán Vũ Đế 12 cuốn Chân kinh. Sau đó, Tây Vương Mẫu cùng Thượng Nguyên Phu Nhân lên xe về Trời.

Sau cuộc gặp này, Hán Vũ Đế lại càng thêm tín tâm vào sự tồn tại của Thần tiên, ông đem Chân kinh của hai vị Tiên nhân để vào rương vàng, đặt trên Bá Lương đài, hàng ngày tự tịnh thân trai giới, dâng hương, quét dọn, sau đó chiếu theo yêu cầu của Chân kinh mà tu luyện.

Trong “Thần tiên truyện” của Cát Hồng đời nhà Tấn cũng có ghi chép câu chuyện “Thái sơn lão phụ”, kể về Hán Vũ Đế và Thần Tiên. Khi Hán Vũ Đế tuần thú phía đông, thấy một ông lão đang làm đất ven đường,

bạch quang trên đầu cao vài xích. Trông lão nhân khoảng ngoài 50 tuổi, nhưng sắc diện hồng nhuận như trẻ con, da dẻ sáng mịn, vừa nhìn biết đây không phải người phàm.

Hán Vũ Đế đến bên hỏi về Đạo thuật. Lão nhân nói đã từng gặp một người đắc Đạo, người đó dạy ông pháp tu luyện. Theo đó mà tu, thân thể chuyển biến trở lên trẻ trung, tóc cũng từ trắng dần sang đen lại, răng rụng cũng mọc lại, thân nhẹ như chim yến, mỗi ngày có thể đi 300 dặm. Hiện tại ông đã 180 tuổi rồi. Trong sử thư gọi vị lão nhân này là “Thái sơn lão phụ”. Hán Vũ Đế nhận thuốc do ông lão tặng, và ban tặng ông lão ngọc và lụa trắng.

Sau này lão nhân đi đến Thái Sơn, cứ cách 10 năm, 5 năm lại về quê một lần. Tới khi ông 300 tuổi, thì không còn ai trông thấy ông nữa.

Thần tích Hán Vũ Đế gặp Tiên còn rất nhiều, ví dụ như gặp Cửu Đỉnh Sơn Thần (Thần của chín đỉnh núi), rồi Vệ Thúc Khanh cưỡi xe mây do hươu trắng kéo, ngay danh thần Đông Phương Sóc cũng là Thần Tiên Mộc Tinh hạ phàm. Hán Vũ Đế có duyên Tiên thâm hậu, sau khi ông băng hà có xuất hiện cảnh tượng cát tường. “Hán Vũ nội truyện” có ghi, vào một đêm, quan tài Hán Vũ Đế tự chuyển động, ngay ngoài cung cũng nghe thấy vài lần, đồng thời tỏa hương thơm. Sau khi đưa vào lăng, xung quanh lăng mộ mây mù bao phủ, trụ cửa đột nhiên vỡ nứt, mây mù bao bọc một tháng. Có lẽ Hán Vũ Đế đã tuân chiếu Đạo thuật của Thần Tiên trao cho mà tiềm tâm tu hành, đã trở thành Thần Tiên, khi ông hoàn thành sứ mệnh nhân gian, thì về già rồi đi, lại quay về Thiên giới.

Chương 12: Hạ chiếu tự trách tội - Thương xót bách tính

Hán Vũ Đế tại vị 54 năm, cả đời mang chí tiến thủ, văn trị võ công, tạo dựng cơ đồ trước nay chưa từng có, đưa đế quốc Đại Hán lên đỉnh cao hưng thịnh. Tuy nhiên, trong hưng thịnh cũng tiềm tàng nguy cơ, khi Hán Vũ Đế tại vị được 20 năm, quốc gia xuất hiện nguy cơ tài chính nghiêm trọng, vào những năm cuối, Hoàng hậu Vệ Tử Phu và Thái tử Lưu Cứ lần lượt tự sát, quốc gia lâm cảnh không người kế vị. Cùng với việc trong triều không còn hai vị đại tướng Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh, chiến tranh với Hung Nô cũng bị thất bại nhiều.

Đối mặt với trùng trùng nguy cơ, Hán Vũ Đế đã ứng dụng phó như thế nào để duy trì chính quyền, và còn lưu lại những giai thoại lưu truyền thiên cổ?

Biện pháp hưng lợi

Chúng ta đã biết, Hán Vũ Đế trong cả cuộc đời đã làm rất nhiều đại sự, đối ngoại đánh bại Hung Nô, tứ diện dụng binh khai mở cương vực; đối nội tuần hành nhiều lần, phong thiện Thái sơn, triển khai xây thành Sóc Phương, thông tây nam Di, đại công trình tu sửa Hoàng Hà. Những công tích đó cần một lượng lớn tài lực. Ví dụ, Hán Vũ Đế ban thưởng tướng sĩ và võ về hàng tướng Hung Nô, đã chi hơn 10 tỷ tiền, các hạng mục thủy lợi cũng chi tốn cả tỷ tiền. Như vậy toàn bộ tài phú tích góp từ thời Hán Sơ Văn Cảnh đã tiêu hết rất nhanh.



Tượng Tang Hoảng Dương, trong “Giang tô nghi hưng mai tử cảnh tang thị tông phổ” đời Thanh. (Miền công cộng)

Năm thứ ba Nguyên Thú (năm 120 TCN) sau trận chiến Mạc Bắc, quốc khố xuất hiện cảnh túng quẫn, thu không đủ chi. Năm thứ hai, khu vực Sơn Đông bị lũ lụt, triều đình mở kho phát chẩn, vay mượn của phú hào, nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề dân đói, phải di dời dân chúng về phía tây Hàm Cốc quan, ăn ở dọc

đường do quan phủ địa phương cung cấp, tài chính của quan phủ cũng nhanh chóng tiêu hết.

Hán Vũ Đế với nhân quan sắc bén, trọng dụng các đại thần có năng lực thương nghiệp, thông qua cải cách chế độ kinh tế để hóa giải nguy cơ. Trong đó có ba vị đại thần kiệt xuất gọi là “Lý tài tam kiệt”, là Đông Quách Hàm Dương, Khổng Cận, Tang Hoảng Dương.

Đông Quách Hàm Dương từ gia đình nhiều đời buôn muối, Khổng Cận buôn sắt đúc, họ đều là thương nhân đại phú. Tang Hoảng Dương sinh ra trong gia đình phú thương, 13 tuổi đã tinh thông tính toán, được tuyển làm Thị trung, theo hầu Hán Vũ Đế, quan hệ quân thần rất gần gũi. Khi Hán triều gặp khủng hoảng kinh tế, Tang Hoảng Dương càng được trọng dụng, nắm đại quyền quản lý tài chính.

Được ba vị đại thần là nhân tài thương nghiệp kiến nghị, Hán Vũ Đế đã đưa ra hàng loạt biện pháp điều chỉnh chính sách kinh tế, tích lũy được nhiều tiền tài trong thời gian ngắn.

Biện pháp đầu tiên là quốc hữu hai ngành có lợi nhuận cao là ngành muối (Diêm) và ngành sắt (Thiết), cho đặt các quan cai quản muối sắt trên toàn quốc, loại bỏ tư doanh. Khi đó toàn quốc có 27 quận, đặt hơn 30 Diêm quan, 40 quận quốc, đặt 50 Thiết quan, dưới sự quản lý của Đại nông thừa. Trong những năm Nguyên Đỉnh, Hán triều liên tục dụng binh, phần lớn chi phí đều dựa vào lợi nhuận của muối, sắt do các quan phủ thu nộp. Mặt khác, do quan phủ kinh doanh có quy mô lớn, nhân lực dồi dào, kỹ thuật đun muối đúc sắt cũng cao hơn hẳn phường nghề thủ công trước đây. Sau này việc kinh doanh rượu cũng do quốc gia nắm giữ.

Biện pháp thứ hai là cho thực thi chính sách Quân thâu và Bình chuẩn, đó là quốc gia nắm giữ vận chuyển thương phẩm, buôn bán, bình ổn vật giá. Các địa phương đặt Quân thâu quan, phụ trách vận chuyển thương phẩm, mang thương phẩm từ các địa phương muốn vận chuyển lên kinh thành, chiếu theo giá thị trường mang đến vùng có giá cao hơn để bán, nhằm giảm thiểu phí vận chuyển vùng xa, đồng thời triều đình thu lợi từ giao dịch vận chuyển đó. Bình chuẩn là điều tiết vật giá, kinh thành đặt “Ủy phủ”, thu gom hàng hóa trong thiên hạ, thông qua mua thấp bán cao mà tăng thu nhập tài chính.

Biện pháp thứ ba là thi hành trong một đoạn thời gian chế độ Toán môn và Cáo môn, đó là thu thuế tài sản của bách tính, đồng thời trừng trị kẻ giấu tài sản.

Vẫn còn một biện pháp quan trọng nữa sau thời Tần Thủy Hoàng, đó là thống nhất tiền tệ. Bởi vì thời Hán Sơ, các địa phương có thể tự đúc tiền, dẫn đến thị trường tiền tệ hỗn loạn, cũng làm cho cường hào và chư hầu vương sinh dã tâm. Thời Hán Vũ Đế, quốc gia nắm quyền đúc tiền, tiến hành thống nhất tiền tệ toàn quốc, tức là “Ngũ thù tiền” (một thù=1/24 lạng): tiền đẹp, trọng lượng vừa phải, khó đúc trộm được.

Án Vu cổ

Vu cổ là một loại tà thuật hại người thời cổ đại, phương thức thường thấy là dùng người gỗ nhỏ để bùa chú. Cổ nhân tín phụng Thần minh, rất căm ghét thuật Vu cổ, nếu ai đó trong cung đình làm chuyện này, sẽ bị trách phạt nghiêm khắc, thậm chí bị tử hình. Ban đầu thời Hán Vũ Đế, Trần Hoàng hậu vì liên quan án Vu cổ mà bị phế truất, đến những năm cuối Hán Vũ Đế, trong



Vụ án Vu cổ là một đại án liên quan nhiều người phát sinh vào những năm cuối hán Vũ Đế. Một phần bức tranh “Hán cung thu nguyệt” của Viên Diệu đời Thanh. (Miền công cộng)

cung phát sinh vụ án lớn liên quan Vu cổ, sự kiện này cũng là biến cố lớn nhất trong cuộc đời Hán Vũ Đế.

Chuyện này bắt đầu từ Thái tử Lưu Cứ của Hán Vũ Đế. Lưu Cứ là con trai cả của Hán Vũ Đế, khi ấy Hán Vũ Đế đã tại vị hơn 13 năm, do đó ông rất vui mừng, không chỉ lập thân mẫu của Lưu Cứ là Vệ Tử Phu làm Hoàng hậu, mà còn lập làm Thái tử khi Lưu Cứ 7 tuổi, ra sức chăm sóc, dạy dỗ. Hán Vũ Đế lựa chọn đại Nho gia trong quần thần để giáo dục Thái tử, đờì Thái tử thành niên, lại xây dựng khu vườn Bác Vọng, để Thái tử tự do kết giao tân khách, mở mang tầm nhìn. Về triều chính, mỗi khi Hán Vũ Đế xuất cung tuần du, là giao cho Thái tử giám quốc, với những việc Thái tử quyết đoán, Hán Vũ Đế cũng không có ý khác.

Khi Thái tử đã lớn, Vệ Tử Phu nhan sắc tàn phai, dần dần không được sủng ái, mà các phi tần trẻ khác liên tiếp sinh Hoàng tử. Thêm nữa Thái Tử tính cách nhân hậu cẩn thận, không giống tính cách Hán Vũ Đế, lý niệm trị chính cũng bất đồng, điều đó làm Thái tử và Hoàng hậu bắt đầu lo lắng.

“Tư trị thông giám” có ghi, Hán Vũ Đế biết được điều đó, khi trò chuyện với Vệ Thanh, cậu của Thái tử, có nói: *“Triều đại của ta có nhiều chuyện xảy ra từ thời khai sáng, lại thêm giặc ngoài can nhiễu liên miên, nếu trẫm không cải biến chế độ, đời sau sẽ không có chuẩn tắc dựa vào; nếu không xuất binh chinh phạt, thiên hạ không thể an định, cho nên bất đắc dĩ phải làm bách tính lao khổ. Nếu đời sau lại làm như thế, chẳng phải là lại đi vào vết xe đổ diệt vong của nhà Tần sao. Thái tử tính cách trầm tĩnh, khẳng định có thể an định thiên hạ, không làm trẫm*

lo lắng. Muốn tìm một vị quân chủ dùng văn trị quốc, thì còn có ai hơn được thái tử đây!"

Vệ Thanh thuật lại cho chị Vệ Tử Phu, bà tháo khăn trên đầu đi tạ tội với Hán Vũ Đế.

Do Thái tử nhân hậu, gian tà tiểu nhân trong triều đình để nắm giữ quyền thế nên đã cố ý hãm hại Thái tử, trong đó kẻ gian tà nhất là cận thần của Hán Vũ Đế tên Giang Sung. Có một lần, xe ngựa Thái tử không cẩn thận đã đi vào đường dành cho Hán Vũ Đế, bị Giang Sung bấm báo, từ ấy hai người kết oán.

Năm Chinh Hòa thứ hai (năm 91 TCN), em rể của Vệ Tử Phu, cha con tể tướng Công Tôn Hạ bị vu cáo dùng vu cổ bùa chú Hoàng đế, bị hạ ngục xử tử, còn liên lụy đến con gái của Vệ Tử Phu, cháu trai cũng bị xử tử. Giang Sung thấy Hán Vũ Đế đã già, lo rằng Thái tử kế vị sẽ bất lợi cho hắn, nên nghĩ ra cách đồ án Vu cổ cho Thái tử. Hắn nhân lúc Hán Vũ Đế lâm bệnh, nói rằng trong cung có cổ khí, có người đang bùa chú Hoàng đế. Thế là Hán Vũ Đế cho Giang Sung làm sứ giả, triệt để điều tra Vu cổ án.

Giang Sung liền cho người đi khắp nơi đào tìm người gỗ, giết cả vạn người. Sau đó hắn tra xét phi tần không được sủng ái, rồi tra xét cả cung điện của Thái tử và Hoàng hậu. Giang Sung đào bới đến mức trong cung không còn chỗ đặt giường, cuối cùng nói là tìm thấy nhiều người gỗ trong cung Thái tử. Bởi khi ấy Hán Vũ Đế đang dưỡng bệnh ngoài thành Trường An, Thái tử và Hoàng hậu phái người vấn an Hoàng đế nhưng không tìm thấy. Thầy giáo của Thái tử là Thạch Đức nhận định, bị cuốn vào án Vu cổ là rất nguy hiểm, mà nay Hoàng đế bị bệnh không biết sống chết thế nào, rõ

đây là Giang Sung thừa cơ hãm hại Thái tử. Thạch Đức kiến nghị Thái tử, giả thánh chỉ giết Giang Sung, sau đó dần dần tìm âm mưu phía sau.

Sau khi Thái tử giết Giang Sung, do không biết tình hình của Hán Vũ Đế, thế là cử binh tự bảo vệ, lúc nguy cấp liền tổ chức một đội quân gồm Thị vệ của Hoàng hậu, tù phạm và người Hồ. Khi ấy thành Trường An hỗn loạn, Hán Vũ Đế nhận tin truyền đến, nói Thái tử khởi binh tạo phản. Ban đầu Hán Vũ Đế không tin, phái sứ thần đi gọi Thái tử đến để hỏi rõ sự tình. Nhưng vị sứ giả đó quá sợ hãi, chưa tới Trường An đã vội quay về nói dối là Thái tử xác thực đã làm phản. Hán Vũ Đế đành hạ lệnh cho Thừa tướng phát binh bình phản loạn, đồng thời thu ấn tín Hoàng hậu. Vệ Tử Phu tự biết kiếp nạn đến, nên lặng lẽ tự sát. Sau đó, quân đội của Thái tử và Thừa tướng giao chiến 5 ngày, chết mấy vạn người, máu chảy thành sông, Thái tử binh bại chạy trốn.

Nỗi đau mất con

Do ngộ nhận là Thái tử mưu phản, Hán Vũ Đế vừa đau xót vừa phẫn nộ, bách quan cũng chẳng biết an ủi ra sao. Nhưng Hồ Quan tam lão (Hồ Quan là tên địa danh, Tam lão là người phụ trách việc giáo dục, trị an của địa phương) dâng thư Hán Vũ Đế, nói Thái tử là người kế thừa đại nghiệp ngàn thu, lại là đích trưởng tử của Hoàng đế; Giang Sung chỉ là kẻ bình dân, được trọng dụng mà lên phú quý, lại còn tự tập lũ tiểu nhân hãm hại Thái tử, phá hoại quan hệ phụ tử của Hoàng đế và Thái tử. Thái tử tiến thì không gặp vua cha, thoái thì bị gian thần hãm hại, không còn cách gì nên đành phải hạ sát Giang Sung. Ông cho là việc Thái tử khởi binh



Tranh Câu Đặc phu nhân, trong “Bách mỹ tân vịnh đồ truyện”. (Miền công cộng)

chỉ là tự cứu mình, chứ không có tâm hiểm ác, đồng thời kiến nghị Hán Vũ Đế không truy bắt Thái tử, tránh việc Thái tử phải lưu vong lâu dài.

Hán Vũ Đế xem xong thư rất xúc động, nhưng lệnh tha tội chưa kịp ban thì bi kịch đã phát sinh. Thái tử chạy về phía đông, trốn trong một gia đình bần hàn ở Hà Nam, Hồ huyện, chủ nhà dựa vào bán giày mưu sinh, nuôi Thái tử. Thái tử nhớ ra ở đó có một người bạn giàu có, bèn cử người đi tìm, không may bị quan phủ địa phương phát giác. Khi quan binh vây bắt, Thái tử biết không thể trốn thoát nên treo cổ tự tử. Trong hỗn loạn, chủ nhà cũng bị chết, hai con trai của Thái tử cũng bị hại.

Một năm sau, năm Chinh Hòa thứ 3 (năm 90 TCN), Hán Vũ Đế đã 66 tuổi, quan viên điều tra vụ án Vu cổ phát hiện rất nhiều án oan. Hán Vũ Đế cũng hiểu rõ sự tình, Thái tử bị Giang Sung bức bách, lúc nguy cấp mới khởi binh giết người, chứ không có mưu đồ phản loạn. Lại có một vị quan viên trông coi tế miếu Hán Cao Tổ tên là Điền Thiên Thu, dâng tấu chương lên Hán Vũ Đế nói: *“Con dùng binh của cha, tội đáng đánh roi. Con của Thiên tử lẽ ngộ sát người, là tội gì chứ! Thần mộng thấy một vị lão nhân đầu bạc nói như vậy.”*

Hán Vũ Đế lập tức cho vời vào gặp, cảm khái nói, sự tình giữa phụ tử, người ngoài khó biết rõ, chỉ có ông là nói trúng trọng tâm. Câu đó cũng không phải ông nói, mà là của ông lão đầu bạc, là của Hán Cao Tổ đó. Hán Vũ Đế thấy Điền Thiên Thu là người hiền tài, phong cho chức Đại Hồng Lô, lại cho bắt cả nhà Giang Sung, những kẻ tham dự mưu hại Thái tử cũng bị xử phạt. Do thương tiếc Thái tử Lưu Cứ vô tội bị hại, Hán Vũ Đế cho xây một

cung riêng để tưởng nhớ Thái tử, còn cho xây một đài cao ở huyện Hồ để tiếc thương. Người trong thiên hạ nghe chuyện này đều cảm thương.

Lưu Cự mất, nhưng quốc gia không thể không có người kế vị, Hán Vũ Đế đành chịu buồn đau, lựa chọn người kế vị trong các hoàng tử, cuối cùng chọn Lưu Phất Lăng, con trai nhỏ của Câu Dặc phu nhân. Câu Dặc phu nhân người Hà Gian, có một lần Hán Vũ Đế đi tuần du Hà Gian, có người giỏi xem thuật khí nói nơi đây có vị kỳ nữ, nên cho vời đến một nữ nhân trẻ, người này có nắm tay nắm chặt, không thể duỗi ra, Hán Vũ Đế tự thân mở bàn tay, nắm tay cô ấy liền mở ra được. Thế là người con gái ấy được mang về cung, phong làm Quyền (nắm tay) phu nhân, cũng gọi là Câu Dặc phu nhân.

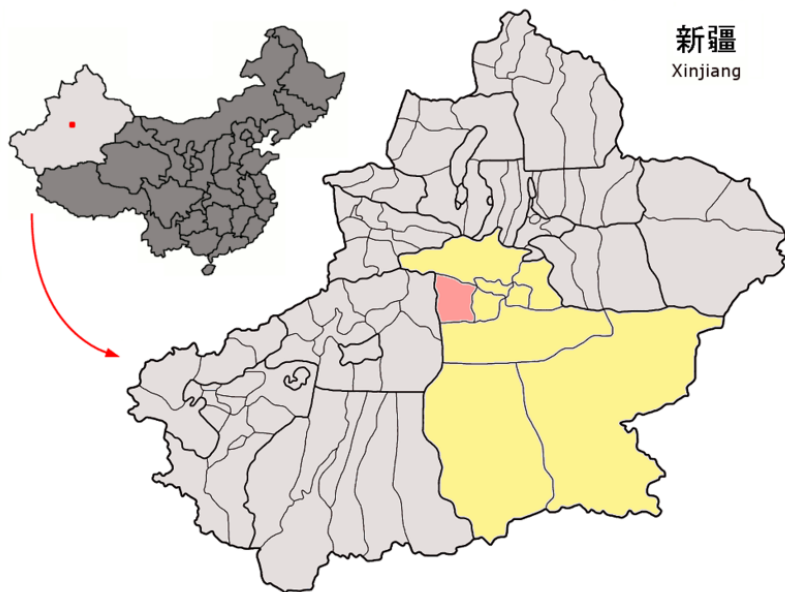
Những năm sau này của Hán Vũ Đế, Câu Dặc phu nhân rất được sủng ái, có mang 14 tháng mới sinh hoàng tử Lưu Phất Lăng. Thánh vương Nghiêu thời viễn cổ cũng sinh ra sau khi hoài thai 14 tháng, cho nên Hán Vũ Đế cho rằng cậu bé không phải tầm thường, cho xây một cung riêng gọi là “Nghiêu mẫu môn” cho Câu Dặc phu nhân. Khi Hoàng tử lên 5, 6 tuổi, thân hình cao lớn, thông minh lạ thường, Hán Vũ Đế cảm thấy rất giống mình, chủ ý lập làm Thái tử. Thế là ông cho họa sĩ cung đình vẽ bức “Chu công phụ Thành vương” (Chu công phò tá Thành Vương), ban cho đại thần Hoắc Quang là người có tính cách trầm tĩnh cẩn thận, ý là muốn lập Lưu Phất Lăng làm Thái tử. Đến năm Hậu Nguyên thứ 2 (năm 87 TCN), Hán Vũ Đế bệnh nặng, chính thức lập Lưu Phất Lăng mới 8 tuổi làm Thái tử, còn chọn 4 vị đại thần phò tá do Hoắc Quang đứng đầu, hoàn thành việc kế thừa cơ nghiệp đế quốc.

Luân Đài chiếu lệnh

Năm Chinh Hòa thứ 3 (năm 90 TCN) còn phát sinh một sự kiện trọng đại, đó là Lý Quảng Lợi dẫn 7 vạn quân xuất chinh Hung Nô, đây là trận chiến cuối cùng của Lý Quảng Lợi, cũng là trận chiến Hung Nô cuối cùng trong thời Hán Vũ Đế. Trước khi xuất phát, Tể tướng Lưu Khuất Mao bày tiệc đưa tiễn. Khi ấy, vị trí Thái tử còn đang trống, Lý Quảng Lợi muốn con trai của em mình Lý phu nhân - là Xương Ấp vương lên làm Thái tử, hy vọng Lưu Khuất Mao nói giúp với Hán Vũ Đế. Lưu Khuất Mao và Lý Quảng Lợi là thông gia, cũng mong xúc thành việc này, nên nhận lời ngay.

Ban đầu, Lý Quảng Lợi binh mã cường tráng, chiến sự rất thuận lợi, quân Hung Nô bị đánh tơi bời. Nhưng sau đó ba tháng, có người bẩm báo việc Lưu Khuất Mao và Lý Quảng Lợi mật mưu lập Thái tử, còn mật cáo vợ Lưu Khuất Mao dùng vu thuật bùa chú Hán Vũ Đế. Kết quả là cả nhà Lưu Khuất Mao bị xử tử, nhà Lý Quảng Lợi cũng bị cầm tù. Lý Quảng Lợi hay tin vô cùng sợ hãi, hy vọng đại phá Hung Nô lấy công chuộc tội, nên mạo hiểm đưa đại quân vào sâu đất địch, một mạch bắc tiến qua sông Chí Cư. Quân Hán đại chiến với hai vạn quân Hung Nô, giành thắng lợi lớn.

Nhưng tin gia đình Lý Quảng Lợi bị cầm tù, dần dần lan truyền trong quân, thuộc hạ tướng sĩ cũng thì thầm bàn bạc, cho là Lý Quảng Lợi chỉ vì lợi thân mà không kể an nguy toàn quân, chuẩn bị bắt ông ta, dừng tiến quân. Lý Quảng Lợi sau khi phát hiện ra, giết chủ mưu, để yên lòng quân sĩ, cho rút đại quân về Yên Nhiên sơn. Hung Nô Thiên Vu biết tin, lập tức phát binh 5 vạn truy



*Luân Đài huyện ở Bayingol và Tân Cương.
(Wikimedia / CC BY SA 3.0)*

kích quân Hán. Lý Quảng Lợi quân tâm dao động, lại thêm lo lắng về an toàn của gia đình, chiến cuộc lập tức quay ngược. Hung Nô thừa lúc quân Hán không phòng bị, nửa đêm cho đào hào sâu vài xích trước doanh trại quân Hán, sáng ra mới tập kích từ phía sau. Quân Hán tiến thoái lưỡng nan, mất hết chí chiến đấu, 7 vạn binh mã toàn quân sụp đổ, Lý Quảng Lợi binh bại đầu hàng.

Từ năm Nguyên Quang thứ 2 (năm 133 TCN) đến lúc này, Hán Vũ Đế bình chinh Hung Nô đã liên tục 14 năm. Những năm cuối Hán Vũ Đế gặp hàng loạt biến cố, ông bắt đầu phản tỉnh tự thân chỗ hay chỗ dở, có ý muốn thay đổi sách lược. Khi ấy, đại thần tài chính Tang Hoàng Dương đề xuất, cho lập đồn điền ở Luân Đài (nay là huyện Luân Đài Tân Cương), chiêu mộ bách

tính tới đây trồng trọt sản xuất, đảm bảo thực lực phía Tây Vực của quân Hán. Nhưng Hán Vũ Đế không chấp thuận, đồng thời ban bố chiếu thư tỏ rõ tâm chí, cũng là tác phẩm trứ danh “Luân Đài tội kỷ chiếu” (chiếu tự trách tội ở Luân Đài).

Nội dung chiếu thư có mấy điểm trọng yếu sau. Một là suy nghĩ lại khi dùng binh nhiều năm chinh phạt, viễn chinh tứ phương, đại quân trên đường hao binh tổn tướng, vận chuyển lương thảo cũng khổn khổ vô cùng; mà Luân Đài là nơi xa xôi ngàn lý ở Xa Sư quốc, cho dù đồn điền trồng trọt thành công, vấn đề vận chuyển khó mà giải quyết. Hai là, cấm chỉ thi hành chính sách hà khắc, phải coi trọng nông nghiệp, Hán Vũ Đế cho rằng làm đồn điền ở Luân Đài sẽ tăng gánh nặng cho dân, chinh chiến nhiều năm đã làm tài chính, sức dân suy kiệt, việc cấp bách là để cho dân nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, Hán Vũ Đế cũng không xem nhẹ quân sự, phục hồi chế độ miễn trừ thuế và lao dịch cho những hộ nuôi ngựa chiến.

Chiếu thư này ban bố, có nghĩa là triều đình chuyển chính sách từ lập công trạng sang bảo vệ thành quả. Đây cũng là chiếu tự trách tội đầu tiên trong lịch sử của Hoàng đế Trung Hoa, triển hiện tấm lòng quảng đại cùng trí tuệ xuất sắc của Hán Vũ Đế. Sử gia Ban Cố tán dương Hán Vũ Đế: *“Năm cuối đời rút bỏ đất Luân Đài, lại hạ chiếu xót thương, đó chẳng phải là nỗi niềm hối hận của bậc Thánh hiền sao?”*

Ông cho là, Hán Vũ Đế có thể thân đang soi xét lại mình như vậy, chỉ có bậc Thánh hiền mới làm được mà thôi.

Sau đó Hán Vũ Đế không dùng binh, phong Điền Thiên Thu, vị quan giải oan cho Thái tử, làm tể tướng và tước vị Phú Dân Hầu, để biểu thị sự thay đổi quốc sách. “Tư trị thông giám” có ghi, năm Chinh Hòa thứ 4 (năm 89 TCN), khi Hán Vũ Đế phong thiện Thái sơn, khiêm tốn nói rằng: *“Từ khi trẫm lên ngôi đến nay, hành động bỗng bột, làm thiên hạ sầu khổ, không hối lại được. Từ nay những việc tổn thương bách tính, phí sức thiên hạ, phải bỏ hết đi.”*

Đoạn văn này có thể dùng chú giải cho Luân Đài chiếu.

Lúc này, cách lúc Hán Vũ Đế băng hà 2 năm. Hán Vũ Đế kế thừa 6 đời cơ nghiệp đế vương, cả đời mở mang, văn sùng Nho học, võ định tứ phương, chiêu nạp hiền tài thiên hạ, đặt định lễ nhạc pháp độ, thành tựu nhiều mục “Đệ nhất” trong lịch sử. Ông khai sáng một thời đại đỉnh thịnh, cũng ý thức được nguy cơ tiềm tại trong quốc nội, do vậy đã tiến hành điều chỉnh trong những năm cuối, chỉ rõ phương hướng cho triều Hán về sau. Cho nên sử học gia đã dùng cụm từ “Hùng tài đại lược” để tán dương Hán Vũ Đế, dùng “Hoán nhiên khả thuật” (Hoán nhiên: Rực sáng) tán dương công tích hiển hách. Nhìn lại cuộc đời Hán Vũ Đế, quả không hổ là vị Thiên Cổ Nhất Đế !

(Hết)

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông



Lý Bạch



Dương Diên Chiếu



Nhạc Phi



Thành Cát Tư Hãn



Hốt Tất Liệt



Minh Thành Tổ



Trương Tam Phong



Lý Tự Thành



Khang Hy



Hồng Tú Toàn



Tôn Trung Sơn



Tưởng Giới Thạch

